

Số: 157 /QĐ-BV199-KD

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng
Gói thầu số 1: Vật tư y tế tiêu hao thông thường thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026 thuộc dự toán Mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BCA ngày 06/05/2025 của Bộ Công an quy định về đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Quyết định số 11/QĐ-BV199-KD ngày 09/01/2026 của Giám đốc Bệnh viện 199 về việc phê duyệt dự toán mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026;

Quyết định số 12/QĐ-BV199-KD ngày 09/01/2026 của Giám đốc Bệnh viện 199 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026;

Quyết định số 30/QĐ-BV199-KD ngày 21/01/2026 của Giám đốc Bệnh viện 199 về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 1: Vật tư y tế tiêu hao thông thường thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026 thuộc dự toán Mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026.

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT số 06 /BC-TCG ngày 17/ 03/2026 của Tổ chuyên gia về việc đánh giá E-HSDT gói thầu số 1: Vật tư y tế tiêu hao thông thường thuộc dự toán mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026;



Căn cứ Báo cáo thẩm định số 07/BC-TTĐ ngày 23/03/2026 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1: Vật tư y tế tiêu hao thông thường thuộc dự toán mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu số 1: Vật tư y tế tiêu hao thông thường thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600015443
- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Vật tư y tế tiêu hao thông thường
- Giá gói thầu: **17.221.428.119 đồng** (Mười bảy tỷ, hai trăm hai mươi một triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, một trăm mười chín đồng)
- Tên Chủ đầu tư: Bệnh viện 199 - Bộ Công an
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu: Theo phụ lục 1 đính kèm

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu: Theo phụ lục 2 đính kèm

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu: Theo phụ lục 3 đính kèm

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Khoa Dược, phòng Tài chính - Kế toán căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng khoa Dược, Trưởng phòng TCKT, Trưởng phòng KHTH và các trưởng khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (Để báo cáo);
- Lưu: VT, TCKT, KD (Tinh 03 bản)

GIÁM ĐỐC



PGS TS Hoàng Thanh Tuyền

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU TRÚNG THẦU
(Kèm theo Quyết định số: 157 /QĐ-BV199-KD ngày 24 tháng 3 năm 2026)

ST T	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM	0401736580	74.548.300	74.548.300	74.548.300	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB	0107087155	270.185.785	270.185.785	270.185.785	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
3	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO	0400102101	603.347.500	603.347.500	603.347.500	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
4	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ PT BIOMED	0315804815	4.250.000	4.250.000	4.250.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CALAPHARCO	1200445311	7.600.000	7.600.000	7.600.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	4100259564	20.580.000	20.580.000	20.580.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	



Handwritten signature

ST	T	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sai lệch thừa (nếu có), giảm già (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
7		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ - M.E.D.I.C KHOA HỌC KỸ THUẬT	0400408435	304.753.400	304.753.400	304.753.400	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
8		CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT	5901186140	816.745.000	816.745.000	816.745.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
9		CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH	0309781158	21.016.000	21.016.000	21.016.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
10		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VISIONCARE	0109896426	29.980.000	29.980.000	29.980.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
11		CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TMC VIỆT NAM	0104313737	11.746.000	11.746.000	11.746.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
12		CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	0400476756	200.985.358	200.985.358	200.985.358	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

ST T	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
13	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LÂM	4400979355	33.180.188	33.180.188	33.180.188	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
14	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ VÀ VẬT TƯ Y TẾ HOÀNG VIỆT LONG	0301789370	15.592.500	15.592.500	15.592.500	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
15	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ KỸ THUẬT NHA	0109335893	16.500.000	16.500.000	16.500.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
16	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THUỶ	0104746593	61.000.000	61.000.000	61.000.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
17	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	0401184851	39.817.440	39.817.440	39.817.440	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
18	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S	0302204137	59.850.000	59.850.000	59.850.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
19	CÔNG TY CỔ PHẦN ACCUTECH VIỆT NAM	0106318579	50.715.000	50.715.000	50.715.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
20	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÂN THÔNG	0401340331	112.985.250	112.985.250	112.985.250	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	



ST	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
21	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU Á ÂU	01075550711	2.120.000	2.120.000	2.120.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
22	CÔNG TY TNHH QUẬN TRỊ T.78	0312622006	127.050.000	127.050.000	127.050.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
23	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỦY AN	0304728672	77.889.000	77.889.000	77.889.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
24	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP Y TẾ HSI	0104817815	465.460.000	465.460.000	465.460.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
25	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHÀ KHOA	0302130894	41.091.000	41.091.000	41.091.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
26	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI THĂNG LONG QUỐC TẾ	0102637711	10.500.000	10.500.000	10.500.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
27	CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM	3700303206	138.673.540	138.673.540	138.673.540	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

ST T	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
28	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ	0301171961	298.800.000	298.800.000	298.800.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
29	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA	0301925136	39.982.000	39.982.000	39.982.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
30	CÔNG TY TNHH Y TẾ VIỆT TIẾN	0301445732	178.508.250	178.508.250	178.508.250	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
31	CÔNG TY TNHH DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ Á ĐÔNG	0304852895	163.233.000	163.233.000	163.233.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
32	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CMD	0108370165	188.380.000	188.380.000	188.380.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
33	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI	0101587962	64.600.000	64.600.000	64.600.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

ST	T	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
34		CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẠI LONG	0311229963	39.759.000	39.759.000	39.759.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
35		CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	1500202535	169.999.500	169.999.500	169.999.500	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
36		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT Y KHOA VIỆT LONG	0301913282	55.420.000	55.420.000	55.420.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
37		CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI	0304835307	218.150.000	218.150.000	218.150.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
38		CÔNG TY TNHH BĂNG GÁC Y TẾ LỢI THÀNH	2301037751	21.735.000	21.735.000	21.735.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
39		CÔNG TY TNHH LAVICOM	0305398057	82.997.000	82.997.000	82.997.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
40		CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÂY WEMBLEY MEDICAL	0313581017	263.965.000	263.965.000	263.965.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

ST T	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
41	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ OVI VINA	0312297807	59.635.320	59.635.320	59.635.320	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
42	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG	0303244037	53.314.800	53.314.800	53.314.800	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
43	CÔNG TY TNHH MEDIFOOD	0313937400	29.750.000	29.750.000	29.750.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
44	CÔNG TY TNHH THÁI TRƯƠNG	0401602516	258.825.000	258.825.000	258.825.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
45	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG	0310623082	72.195.000	72.195.000	72.195.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
46	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DSC VIỆT NAM	0107651607	127.340.000	127.340.000	127.340.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
47	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ THÁI SƠN	0107885517	233.598.000	233.598.000	233.598.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
48	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH	0310363437	147.569.100	147.569.100	147.569.100	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

ST	T	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
49		CÔNG TY TRẠCH NHỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẠM LAN TIẾN	3200239256	173.197.500	173.197.500	173.197.500	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
50		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MB RECENTOX VIỆT NAM	0315582270	2.196.000	2.196.000	2.196.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
51		Công ty TNHH Thương Mại Khoa Vỹ	0316974915	158.056.000	158.056.000	158.056.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
52		CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẠM PTC	0400519128	7.875.000	7.875.000	7.875.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
53		CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẠM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	255.162.760	255.162.760	255.162.760	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
54		CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM ĐÌNH	0400638848	1.092.535.500	1.092.535.500	1.092.535.500	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

ST T	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
55	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY	0401895647	538.544.000	538.544.000	538.544.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
56	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	725.030.580	725.030.580	725.030.580	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
57	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHÁNH LÂM AN	0401687541	211.507.050	211.507.050	211.507.050	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
58	CÔNG TY TNHH THANH PHƯƠNG	0101060894	1.359.796.920	1.359.796.920	1.359.796.920	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
59	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HOÀN MỸ	0107560646	1.417.000.000	1.417.000.000	1.417.000.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
60	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VIỆT CAN	0302438819	1.532.800.000	1.532.800.000	1.532.800.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	



STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trung thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
61	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THIÊN BÌNH	0104233640	58.400.000	58.400.000	58.400.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

GIÁM ĐỐC



PGS TS Hoàng Thanh Tuyền

PHỤ LỤC 2
THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU
(Kèm theo Quyết định số: 157/QĐ-BV199-KD ngày 24 tháng 3 năm 2026)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phân/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	Công ty cổ phần Accutech Việt Nam	0106318579	PP2600017064	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016904	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DSC VIỆT NAM	0107651607	PP2600016610	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016755	Xếp hạng thứ 7
			PP2600016758	Xếp hạng thứ 6
			PP2600016834	Xếp hạng thứ 5
			PP2600016837	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016857	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016886	Xếp hạng thứ 6
			PP2600016901	Xếp hạng thứ 7
3	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB	0107087155	PP2600016613	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016626	Xếp hạng thứ 4



Handwritten signature

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016645	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016654	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016658	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016668	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016670	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016671	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016672	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016674	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016675	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016676	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016681	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016685	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016690	Xếp hạng thứ 2

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016697	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016715	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016717	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016728	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016732	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016733	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016761	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016791	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016830	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016838	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016865	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016886	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016897	Xếp hạng thứ 2



STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016901	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016904	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016910	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016973	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016975	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016978	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016994	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017000	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017007	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017017	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017035	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017036	Xếp hạng thứ 3
			PP2600017048	Xếp hạng thứ 3

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600017063	Xếp hạng thứ 3
4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	PP2600016626	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016667	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016668	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016670	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016671	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016672	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016674	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016675	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016744	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016752	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016753	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016755	Xếp hạng thứ 4

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016799	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016804	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016807	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016834	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016846	Xếp hạng thứ 5
			PP2600016847	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016850	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016855	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016866	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016919	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017115	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016641	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016681	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016682	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016801	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016802	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016812	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016835	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016844	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016877	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016878	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016880	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016881	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016901	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016902	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016669	Vượt giá kế hoạch

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PTC	0400519128	PP2600016735 Vượt giá kế hoạch PP2600016792 Xếp hạng thứ 2 PP2600016799 Xếp hạng thứ 3 PP2600016800 Xếp hạng thứ 2 PP2600016831 Xếp hạng thứ 3 PP2600016832 Xếp hạng thứ 2 PP2600016866 Xếp hạng thứ 4 PP2600016678 Tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016679 Tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016681 Tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016682 Tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016801 Tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	PP2600016735 Vượt giá kế hoạch PP2600016792 Xếp hạng thứ 2 PP2600016799 Xếp hạng thứ 3 PP2600016800 Xếp hạng thứ 2 PP2600016831 Xếp hạng thứ 3 PP2600016832 Xếp hạng thứ 2 PP2600016866 Xếp hạng thứ 4 PP2600016678 Tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016679 Tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016681 Tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016682 Tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016801 Tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	0300483319	PP2600016802	Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016803	Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016805	Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016679	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016681	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016685	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016698	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016699	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016708	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016710	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016712	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016713	Xếp hạng thứ 4

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lo nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016719	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016722	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016627	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016636	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016914	Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016915	Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
7	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP Y TẾ NAM MINH	0105198389	PP2600017065	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017066	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017065	Xếp hạng thứ 3
			PP2600017066	Xếp hạng thứ 3
8	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG	0310623082	PP2600017066	Xếp hạng thứ 3
			PP2600017067	Xếp hạng thứ 2

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600017069	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017070	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017071	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017072	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017077	Xếp hạng thứ 2
9	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY WEMBLEY MEDICAL	0313581017	PP2600016884	Xếp hạng thứ 2
10	CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM ĐỊNH	0400638848	PP2600017057	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016762	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
11	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI	0101587962	PP2600016618	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016741	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016868	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016869	Xếp hạng thứ 3



STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016872	Xếp hạng thứ 2
12	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TMC VIỆT NAM	0104313737	PP2600016637	Xếp hạng thứ 2
13	Công ty Cổ phần Vật tư và Trang thiết bị y tế CMD	0108370165	PP2600017074	Xếp hạng thứ 3
			PP2600017075	Xếp hạng thứ 3
14	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC BẮC NAM	0109073165	PP2600016670	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016671	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016672	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016674	Xếp hạng thứ 3

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016675	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016837	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016842	Xếp hạng thứ 2
15	CÔNG TY CP PHƯỢNG HOÀNG Á CHÂU	0102778663	PP2600016832	Xếp hạng thứ 3
16	CÔNG TY TNHH BĂNG GẠC Y TẾ LỢI THÀNH	2301037751	PP2600016802	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016831	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016866	Xếp hạng thứ 3
17	Công Ty TNHH Đầu Tư Ovi Vina	0312297807	PP2600016711	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016721	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016723	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016724	Xếp hạng thứ 3



STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016725	Xếp hạng thứ 3
18	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ AN BÌNH	0106911771	PP2600016767	Xếp hạng thứ 2
19	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI THĂNG LONG QUỐC TẾ	0102637711	PP2600016889	Xếp hạng thứ 2
20	Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Và Kỹ Thuật Nha	0109335893	PP2600017063	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017074	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017075	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017067	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017068	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017069	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
21	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU A AU	0107550711	PP2600016615	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016616	Xếp hạng thứ 2

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016617	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016648	Xếp hạng thứ 2 sau ưu đãi
22	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LAN TIẾN	3200239256	PP2600016648	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016780	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016781	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016784	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016814	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016975	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016995	Xếp hạng thứ 2
23	Công ty TNHH Dược và Trang thiết bị y tế Á Đông	0304852895	PP2600016781	Xếp hạng thứ 2
24	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	0401184851	PP2600016821	Xếp hạng thứ 3
			PP2600017033	Xếp hạng thứ 2
25	CÔNG TY TNHH LAVICOM	0305398057	PP2600016737	Xếp hạng thứ 2

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
26	Công ty TNHH Medifood	0313937400	PP2600016780 Xếp hạng thứ 2 PP2600016784 Xếp hạng thứ 2 PP2600016922 Xếp hạng thứ 2 PP2600016923 Xếp hạng thứ 2 PP2600016924 Xếp hạng thứ 3 PP2600016928 Xếp hạng thứ 2 PP2600016648 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016652 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016753 Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016780 Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật, Bảng phân loại không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016781 Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật, Bảng phân loại không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016789 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016913 Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật, Bảng phân loại không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
27	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT	5901186140	PP2600016615	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016616	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016617	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016814	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016815	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016818	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016821	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016834	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016846	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016847	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016849	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016867	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016896	Xếp hạng thứ 3



STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/tổ nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016901	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016972	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016973	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016975	Xếp hạng thứ 4
			PP2600017011	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017013	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017034	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016789	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016828	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016885	Tiêu chuẩn chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016970	Tiêu chuẩn chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016974	Tiêu chuẩn chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016989	Tiêu chuẩn chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016990	Tiêu chuẩn chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016991	Tiêu chuẩn chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017002	Tiêu chuẩn chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017006	Tiêu chuẩn chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017010	Tiêu chuẩn chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017012	Tiêu chuẩn chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
28	CÔNG TY TNHH THÁI TRƯỜNG	0401602516	PP2600016610	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016611	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016648	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016744	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016753	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016754	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016767	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016815	Xếp hạng thứ 6
			PP2600016850	Xếp hạng thứ 4

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016854	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016855	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016857	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016887	Xếp hạng thứ 3
			PP2600017006	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016659	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016762	Tiêu chuẩn chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016789	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016833	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016834	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016837	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016864	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016890	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017064	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
29	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ AN VIỆT	0103360438	PP2600016928	Xếp hạng thứ 2
30	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC TÍN	0107748567	PP2600016652	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016754	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016815	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016921	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016922	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016924	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016890	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017094	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017095	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017096	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017097	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017098	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
31	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ GREEN MEDICAL	0401791380	PP2600016658	Xếp hạng thứ 2



Handwritten signature

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/tô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016928	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016931	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
32	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY 0401895647		PP2600016630	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016681	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016740	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016743	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016754	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016755	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016758	Xếp hạng thứ 5
			PP2600016761	Xếp hạng thứ 5
			PP2600016767	Xếp hạng thứ 5
			PP2600016805	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016807	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016808	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016809	Xếp hạng thứ 2

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016847	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016850	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016851	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016857	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016868	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016869	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016870	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016871	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016886	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016887	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016890	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016898	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016901	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016904	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016622	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016721	
			Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016723	
			Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016724	
			Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016859	
			Xếp hàng thứ 2 PP2600016951	
			Xếp hàng thứ 3 PP2600016995	
			Xếp hàng thứ 3 PP2600017013	
			Xếp hàng thứ 2 PP2600017039	
			Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016813	
			Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016966	
			Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016967	
			Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016973	
			Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016985	
			Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016987	
			Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016990	
33	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA	0301925136		Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016990

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016991	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017011	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017012	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017032	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017044	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017045	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017090	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
34	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM	0401736580	PP2600016611	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016755	Xếp hạng thứ 6
			PP2600016761	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016767	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016834	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016843	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016850	Xếp hạng thứ 5
			PP2600016855	Xếp hạng thứ 3

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016873	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016886	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016901	Xếp hạng thứ 5
			PP2600016905	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016751	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016753	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016789	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016833	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016844	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016854	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016885	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016890	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016902	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
35	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	0400476756	PP2600016904	Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016910	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017057	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016610	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016619	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016626	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016755	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016758	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016760	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016761	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016785	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016808	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016809	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016814	Xếp hạng thứ 5
			PP2600016816	Xếp hạng thứ 2



STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016846	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016847	Xếp hạng thứ 5
			PP2600016851	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016883	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016884	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016886	Xếp hạng thứ 5
			PP2600016888	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016896	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016901	Xếp hạng thứ 6
			PP2600016921	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016922	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016923	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016648	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016685	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016833	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016834	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016844	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
36	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ THÁI SƠN	0107885517	PP2600016630	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016914	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016915	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016820	Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017094	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017095	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017096	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017097	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017098	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
37	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MB REGENTOX VIỆT NAM	0315582270	PP2600016808	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016809	Xếp hạng thứ 3
38	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOA VY	0316974915	PP2600016698	Xếp hạng thứ 4



STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
39	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH	0310363437	PP2600016699 Xếp hàng thứ 5 PP2600016700 Xếp hàng thứ 2 PP2600016710 Xếp hàng thứ 2 PP2600016712 Xếp hàng thứ 3 PP2600016713 Xếp hàng thứ 3 PP2600016755 Xếp hàng thứ 5 PP2600016757 Xếp hàng thứ 2 PP2600016758 Xếp hàng thứ 4 PP2600016759 Xếp hàng thứ 2 PP2600016833 Xếp hàng thứ 2 PP2600016834 Xếp hàng thứ 6 PP2600016890 Xếp hàng thứ 3 PP2600016611 Xếp hàng thứ 2 PP2600016742 Xếp hàng thứ 2	

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016758	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016814	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016815	Xếp hạng thứ 5
			PP2600016846	Xếp hạng thứ 4
			PP2600016847	Xếp hạng thứ 6
			PP2600016870	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016871	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016907	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016930	Xếp hạng thứ 2
40	Công ty TNHH Thương mại& Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C	0400408435	PP2600016698	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016699	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016712	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016713	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016768	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016771	Xếp hạng thứ 2



STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
41	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHÀ KHOA	0302130894	PP2600016776 Xếp hàng thứ 2 PP2600016815 Xếp hàng thứ 2 PP2600016819 Xếp hàng thứ 2 PP2600016822 Xếp hàng thứ 2 PP2600016823 Xếp hàng thứ 2 PP2600016835 Xếp hàng thứ 2 PP2600016848 Xếp hàng thứ 2 PP2600016849 Xếp hàng thứ 2 PP2600016853 Xếp hàng thứ 2 PP2600016874 Xếp hàng thứ 2 PP2600016891 Xếp hàng thứ 2 PP2600017034 Xếp hàng thứ 2 PP2600017113 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016772 Xếp hàng thứ 2 sau ưu đãi PP2600016788 Xếp hàng thứ 2	

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016982	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016989	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016997	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017018	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016782	Tiêu chí chất lượng, cataloge hàng hóa không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016952	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016953	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016955	Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016965	Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016967	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016973	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016975	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016990	Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016991	Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/10 nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
42	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S	0302204137	PP2600017099 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017001 Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017002 Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017003 Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017006 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017009 Tiêu chí chất lượng, Bảng phân loại không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017037 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017041 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Xếp hạng thứ 2 Vượt giá kế hoạch PP2600017096 Vượt giá kế hoạch PP2600017097 Vượt giá kế hoạch PP2600017098 Vượt giá kế hoạch
43	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ANH DƯƠNG	0303244037	PP2600016699	Xếp hạng thứ 4

26

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016702	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016703	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016718	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016721	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016722	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016723	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016724	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016725	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016726	Xếp hạng thứ 2
44	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG	0311229963	PP2600016944	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016952	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016953	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016955	Xếp hạng thứ 2
			PP2600016973	Xếp hạng thứ 3
			PP2600016975	Xếp hạng thứ 5



STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu									
				PP2600016980	Xếp hạng thứ 2	PP2600017002	Xếp hạng thứ 2	PP2600017009	Xếp hạng thứ 2	PP2600017015	Xếp hạng thứ 2	PP2600017018	Xếp hạng thứ 2
				PP2600017019	Xếp hạng thứ 2	PP2600017027	Xếp hạng thứ 2	PP2600017030	Xếp hạng thứ 2	PP2600017034	Xếp hạng thứ 4	PP2600017036	Xếp hạng thứ 2
				PP2600017048	Xếp hạng thứ 2	PP2600016788	Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	PP2600016951	Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	PP2600016972	Thông số kỹ thuật, catalogue hàng hóa không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	PP2600016989	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016990	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016997	Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017003	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017010	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017011	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017012	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017013	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017032	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017042	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017043	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017044	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017046	Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017090	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT



STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/tổ nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
45	TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO	0400102101	PP26000016678 Xếp hàng thứ 2 PP26000016679 Xếp hàng thứ 3 PP26000016798 Xếp hàng thứ 2 PP26000016800 Xếp hàng thứ 3 PP26000016907 Xếp hàng thứ 2 PP26000017115 Xếp hàng thứ 2	
46	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP Y TẾ HSI	0104817815	PP26000017050 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP26000017057 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	
47	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỨC KHỎE TOÀN CẦU	0107286256	PP26000016938 Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	
48	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI GIA PHÚC	0101973245	PP26000017065 Thông số kỹ thuật, Catalog hàng hóa không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP26000017066 Thông số kỹ thuật, Catalog hàng hóa không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	
49	CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP SINH THỦY AN	0304728672	PP26000016693 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP26000016694 Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600017057	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
50	CÔNG TY TNHH ĐẠT PHÚ LỢI	0304835307	PP2600016624	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016625	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016634	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016647	Tiêu chí chất lượng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
51	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI THẮNG LONG QUỐC TẾ	0102637711	PP2600016904	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016917	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
52	CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM	3700303206	PP2600017113	Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật, Catalog hàng hóa không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
53	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỒ	0301171961	PP2600016631	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016632	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016636	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016638	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
54	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ETC	0310520947	PP2600017065 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017066 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017068 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017077 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	
55	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LÂM	4400979355	PP2600016706 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016710 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	
56	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT Y KHOA VIỆT LONG	0301913282	PP2600017106 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017107 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017108 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017109 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600017110 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	
57	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Khánh Lâm An	0401687541	PP2600016692 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT PP2600016693 Thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600016694	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016754	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016834	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016838	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016876	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016886	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016888	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016900	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
58	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ VÀ VẬT TƯ Y TẾ HOÀNG VIỆT LONG	0301789370	PP2600016654	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600016858	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
59	Công ty Cổ Phần Dược phẩm Cừ Long	1500202535	PP26000016877	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP26000016878	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP26000016880	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

GIÁM ĐỐC



PGS.TS Hoàng Thanh Tuyên

PHỤ LỤC 3
THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU
GÓI THẦU SỐ 1: VẬT TƯ TIÊU HAO THÔNG THƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 157/QĐ-BV199-KD ngày 24 tháng 3 năm 2026)

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
1	PP2600016607	Acid Citric	Acid Citric	Ensign	2025; 2026	Trung Quốc	Shandong Ensign	Hoạt tính phân tích: 99-100%.	Bao/ 1 kg	Kg	50	50.000	2.500.000				Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
2	PP2600016608	Acid formic	Formic acid	HCOOH	2025; 2026	Trung Quốc	Xilong Scientific Co., Ltd.	Dạng lỏng. Thành phần HCOOH.	Chai 500ml	ML	1.000	1.000	1.000.000				Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
3	PP2600016609	Acid HNO3	Axit Nitric	HNO3	2025; 2026	Việt Nam	Công ty cổ phần Tập đoàn hóa chất Đức Giang	Dạng lỏng. Thành phần HNO3.	Chai 500ml	ML	1.000	500	500.000				Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
4	PP2600016610	Airway các số	Dụng cụ chặn lưỡi, tạo đường thở số (Airway)	GM-001-014	2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo Great Mountain Medical Instruments Co., Ltd	- Chất liệu Polyethylene cao cấp, không độc hại. - Bề mặt nhẵn mịn, không gây dị ứng và không gây tổn thương miệng. - Hình dạng ống cong 30 độ, nhằm ngăn chặn tình trạng bệnh nhân cắn vào lưỡi. - Duy trì đường thở. - Màu sắc rõ ràng, dễ phân biệt kích cỡ. - Các số: 0, 1, 2, 3, 4 - Sản phẩm tiệt trùng. Đóng gói từng cái riêng biệt. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	50 cái/ hộp	Cái	500	4.120	2.060.000	N04.01.010.3259.279.0001		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
9	PP26000 16615	Băng bó bột nhựa chống thấm nước – loại 12,5 cm x 3,6 m	Băng bột tổng hợp (Băng bột sợi thủy tinh) 5", cỡ 12,5cm x 360cm	OC1253 60	2026 trở đi	Việt Nam	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, có độ kết dính cao, các lớp băng kết thành khối, không tách biệt, có thể chụp X quang xuyên quathời gian đông kết khoảng từ 3-5 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 - 30 phút. Kích thước: rộng 12,5cm, cuộn dài tối thiểu 3,60m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Thùng 10 cuộn	Cuộn	100	100.000	10.000.000	N02.01.010.12 51.000.0050	N02.01.010	3005	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI
10	PP26000 16616	Băng bó bột nhựa chống thấm nước loại 10cm x 3,6 m	Băng bột tổng hợp (Băng bột sợi thủy tinh) 4", cỡ 10cm x 360cm	OC1036 0	2026 trở đi	Việt Nam	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, có độ kết dính cao, các lớp băng kết thành khối, không tách biệt, có thể chụp X quang xuyên quathời gian đông kết khoảng từ 3-5 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 - 30 phút. Kích thước: rộng 10cm, cuộn dài tối thiểu 3,60m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Thùng 10 cuộn	Cuộn	100	80.000	8.000.000	N02.01.010.12 51.000.0049	N02.01.010	3005	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI
11	PP26000 16617	Băng bó bột nhựa chống thấm nước, màu xanh dương loại 7,5cm x 3,6 m	Băng bột tổng hợp (Băng bột sợi thủy tinh) 3", cỡ 7,5cm x 360cm	OC7536 0	2026 trở đi	Việt Nam	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, có độ kết dính cao, các lớp băng kết thành khối, không tách biệt, có thể chụp X quang xuyên quathời gian đông kết khoảng từ 3-5 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 - 30 phút. Kích thước: rộng 7,5cm, cuộn dài tối thiểu 3,60m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Thùng 10 cuộn	Cuộn	100	60.000	6.000.000	N02.01.010.12 51.000.0048	N02.01.010	3005	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI
12	PP26000 16618	Băng bột bó 10x2.7m (4inch)	Băng bó bột 10cmx2, 7m	PB1000 270	2025 trở đi	Trung Quốc	Anji Hongde Medical Products Co., Ltd	Làm từ bột thạch cao liền gạc. Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi cuộn băng được làm bằng nhựa 4 cạnh, trong đó 2 mép rộng giúp cố định băng chắc chắn và đảm bảo phân bố nước đồng đều trong quá trình sử dụng. Bột có cấu trúc đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 10cm, chiều dài ≥ 270cm. Tiêu chuẩn ISO 13485	1 cuộn/ gói	Cuộn	216	9.407	2.031.912		N02.01.020	3005	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
13	PP26000 16619	Băng bột bó 6inch (15cmx4,5 m)	Bột bó OBAND A 15cm x 4,5m	BA1545 0	2026 trở đi	Việt Nam	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên	Làm từ bột thạch cao ≥ 97% . Gạc 100% Cotton. Khối lượng của thạch cao 400g/m2 – 420g/m2, Khối lượng gạc 28g/m2 – 29g/m2. Thời gian ngâm nước 4s – 5s, Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 15cm, chiều dài = 450cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Thùng 72 cuộn	Cuộn	500	21.000	10.500.000	N02.01.010.12 51.000.0103	N02.01.010	3005	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI

STT	Mã phần (lo)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021	Mã nhóm theo Thông tư 14/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu					
14	PP260000	Băng cổ định	Băng cổ định H, 10cm x 10m	Curafix	138942	trở lên	Trung Quốc	Zhende Medical Co., Ltd. - Thành phần sản phẩm: Vải không dệt: 100% polyester, màng polyurethane với chất kết dính polyacrylate thân thiện với da (không có dẫn xuất màu và colophony) - Độ đàn hồi: Tính đàn hồi của Curafix H làm cho nó thích hợp để giữ băng vết thương trên các bộ phận thường xuyên di chuyển của cơ thể như khớp và cổ tay. - MVTTC: độ thoát hơi nước $\geq 5000g/m^2/24h$, và theo thử nghiệm trong phòng thí nghiệm trong 12 tháng qua, giá trị trung bình là $6442g/m^2/24h$ - Lực dính: $> 2,5N$, và thử nghiệm trong phòng thí nghiệm trong 12 tháng qua, giá trị trung bình là $8,5N$ - Bao nhiều phần trăm có thể được kéo dài theo chiều dọc? $\geq 45\%$, và thử nghiệm trong phòng thí nghiệm trong 12 tháng qua, giá trị trung bình là 67% - Các tính năng cụ thể khác: + Thoát khí và hơi nước + Thân thiện với da + Tính trang điểm đảm bảo vết thương thấp + Cài thiết đáng kể khả năng hút nước thấm qua. + Có thể được kéo dài theo chiều dài và chiều rộng + Màng thoát mủ + Lưu giữ nhanh chóng và dễ dàng - Kích thước: 10cm x 10m - Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO	Hộp/ 1 cuộn	Cuộn	200	180.000	36.000.000	N02.02.020.44	N02.02.020.44	90.279.0001	N02.02.020	3005901	CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỎ	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
15	PP260000	Băng dán sườn kích thước 10cm x 4,5m	Băng keo cuộn (Urgocre) x 4,5m x 10cm	Urgocre	2025	Châu Á	Thái Lan/ re Products Co., Ltd	- Hôn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl diethiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. - Độ co giãn $\geq 90\%$. Số sợi trên 10cm ≥ 160 , độ dày 0,84mm - Kiểm tra vi sinh theo tiêu chuẩn EN ISO-11737-1: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g, Tổng số men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g - Chứng nhận ISO 13485 - BSI, CFS các nước tham chiếu.	Hộp 1 cuộn	Cuộn	2.000	149.400	298.800.000	N02.01.030.42	N02.01.030.42	78.271.0001	N02.01.030	3005	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỎ	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY	
16	PP260000	Băng dán cổ định 6x7,5 cm trong suốt	Băng dính Tegaderm LV Tegaderm 3M	1683	trở về sau	Đức	Deutsche 3M GmbH and	- Kích thước: 6,5cm x 7cm - Màng bán thấm trong suốt bằng polyurethan $<20\%$, phủ lớp keo acrylate khoảng 15-30 % không chứa cao su, ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước $> 27nm$ (HIV-1 và HBV), cho phép hấp thụ oxy và tái hơi ẩm - Phủ keo hình kim cương tăng độ bám dính và chống trượt, hạn chế kích ứng tới da, không sốt keo khi tháo băng - Viên xung quanh bằng vải không dệt xé sâu phủ hợp các loại kim - Kích thước: 6,5cm x 7cm - Hôn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl diethiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. - Độ co giãn $\geq 90\%$. Số sợi trên 10cm ≥ 160 , độ dày 0,84mm - Kiểm tra vi sinh theo tiêu chuẩn EN ISO-11737-1: Tổng số vi khuẩn hiếu khí - TAMC ≤ 100 cfu/g, Tổng số men và nấm mốc - TYMC ≤ 10 cfu/g - Chứng nhận ISO 13485 - BSI, CFS các nước tham chiếu.	100 miếng/ hộp	Miếng	2.000	13.000	26.000.000	N02.02.020.00	N02.02.020.00	05.175.0040	N02.02.020	3005	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY	

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
17	PP26000 16625	Băng dán cố định tĩnh mạch trung tâm trong suốt 9x11 cm	Băng phim trong 3M™ Tegaderm™ Frame Style 10cm x 12cm	1626W	2025 trở về sau	Đức	3M Deutschland GmbH	- Kích thước: 10cm x 12cm - Chất liệu: màng Polyurethane 5-15% trong suốt, bản thấm, nền keo Acrylate 5-25% (không latex), không sót keo khi tháo băng. - Có viền giấy bo tròn kèm nhãn ghi chú ngày giờ dán băng - Kháng vi khuẩn/virus với đường kính >27nm (HIV-1, HBV) - Không thấm nước, hàng rào cản chất lỏng - Độ thoát hơi ẩm qua film MVTR tối thiểu 500gram/m2/24h - Trao đổi oxy qua màng - Đóng gói tiết kiệm riêng từng miếng - Đạt tiêu chuẩn CE	50 miếng/hộp	Miếng	200	15.000	3.000.000	N02.02.020.00 05.175.0015		3005	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
18	PP26000 16626	Băng dính cá nhân	Băng cá nhân	GT100-100; GT100-110	2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd	- Vải Viscose và Polyamide cơ giãn, không thấm nước. Dệm thấm dịch màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Kích thước: 19mm x 72mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	100 miếng/hộp	Miếng	8.000	143	1.144.000	N02.01.040.32 62.279.0001		3005	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
19	PP26000 16627	Băng dính vải. Kích thước 25mm x 6mm	Nichipore 25mm x 6mm	ST21EX-25X6	2025 trở về sau	Nhật Bản	NICHIBAN CO., LTD	Kích thước: 25mm x 6mm; chất liệu vải không đan dệt, bột giấy polyester, keo acrylic ít dị ứng, không chứa cao su, lõi giấy. in hình tốt trên da kể cả vùng da có lông và da nhờn, dễ cắt, xé bằng tay. Độ bám dính 1,40 - 3,00 N/12mm. Trọng lượng keo 38 ± 3g/m2	Hộp/12 cuộn Thùng/240 cuộn	Cuộn	19.500	19.150	373.425.000	N02.01.050.50 43.232.0001		3005	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
20	PP26000 16629	Băng hấp thụ dịch tối ưu không viền băng keo 10x10 cm	Băng hấp thụ dịch tối ưu Vliwasorb, không có viền băng keo, 10 x 10 cm	24501	2025 trở lên	Áo	Lohmann & Rauscher GmbH	Thành phần: Tấm thấm: polyetylen, polypropylen, xenlulo, natri polyacrylat (polyme siêu hấp thụ) Lớp chất mang: màng polyurethane với chất kết dính polyacrylate thân thiện với da (không chứa colophony và các dẫn xuất colophony) Khả năng hấp thụ: Lõi thấm hút băng polyme siêu hấp thụ có khả năng hấp thụ gấp 20 lần trọng lượng của chính nó - Lớp đệm thấm: polyetylen, polypropylen, xenlulo, natri polyacrylat (polyme siêu hấp thụ). Khả năng hấp thụ của Vliwasorb® cao hơn gấp đôi so với băng thấm truyền thống có lõi xenlulo Khả năng lưu giữ rất cao - giữ lại dịch vết thương một cách an toàn bên trong băng - giải phóng tới 88% chất lỏng đã hấp thụ trước đó - Công nghệ diệt trùng được sử dụng: Khử trùng bằng Ethylenedioxide (EO) - Kích thước lỗ thấm trên lớp tiếp xúc: lớp tiếp xúc vết thương không dính làm bằng PE-fol (Polyetylen); kích thước lỗ 0,3mm ± 0,05; 280 lỗ / cm² - Khuẩn lạc bề mặt thấp khi có vi sinh vật: Lượng vi sinh vật trên bề mặt tiếp xúc vết thương của Vliwasorb® thấp hơn so với băng thấm hút có lõi xenlulo (lông tơ) - Kích thước: 10x10 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE	Hộp/ 10 miếng	Miếng	200	50.000	10.000.000	N02.01.050.49 64.109.0002	N02.01.050	300590	CÔNG TY TNHH ĐẠT PHÚ LỢI

STT	Mã phân (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên hàng (thương mại)	Ký mã hiệu, nhãn, sản xuất	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT theo Thông	Mã nhóm theo QĐ số 5086/QĐ-BYT theo Thông	Mã HS	Tên nhà thầu			
21	PP26000 16630	Băng keo chít thiệt khuẩn nước bằng hơi	Băng keo chít thiệt khuẩn nước bằng hơi (3M)(Bàng nhiệt 1322-18mm x 18mm x 55m)	1322-18MM	Năm 2025	Mỹ	3M	- Kích thước: 18mm x 55m - Thành phần: - Giấy Crepe bảo hòa 40-50%, Chất kết dính 10-20%, Acrylic Polymer 2-5%, Mục chít thiệt nước 0,5-2%, không chứa mùn cao su tự nhiên, không chứa chì. - Mục đích cơ dính gói dụng cụ chắc chắn và phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa - Chít bảo vệ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn. - Đạt tiêu chuẩn FDA - Xuất xứ G7	Gói 1 cuộn	cuộn	160	129.000	20.640.000	N00.00.000.00	03.140.0001	N00.00.000.00	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT		
22	PP26000 16631	Băng keo có góc vát 5x7 cm	Băng keo có góc vát 5x7 cm	32912	2023	Đức	Lohman n & Rauscher Co.KG & GmbH	- Khả năng hấp thụ dịch: 15+5 g/100cm ² - Khả năng thoát hơi nước M/VTTR: 2500-1000/+2000 g/(m ² x24h) - Vải không dệt: polyester, màu trắng - Chất kết dính: polyacrylate - Lực kết dính: 2,5 -1/+2 N/20mm (do nội bộ) - Miếng gạc: viscose, polypropylene and polyethylene - Lớp tiếp xúc vết thương: silicone paper, màu trắng - Giấy bọc: silicone paper, màu trắng - Lớp tiếp xúc vết thương: 100 % polyurethane, thân thiện với da - Khả năng hấp thụ dịch: 15+5 g/100cm ² - Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide tuân theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11135-1 - Kích thước: 7x5 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE	Hộp 100 miếng	Miếng	2.500	6.000	15.000.000	N02.03.030.49 65.155.0008	N02.03.030.49	CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI	3005901	3005901	CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI
23	PP26000 16632	Băng keo có góc vát 8x10cm	Băng keo có góc vát 8x10cm	32913	2023	Đức	Lohman n & Rauscher Co.KG & GmbH	- Khả năng hấp thụ dịch: 15+5 g/100cm ² - Khả năng thoát hơi nước M/VTTR: 2500-1000/+2000 g/(m ² x24h) - Vải không dệt: polyester, màu trắng - Chất kết dính: polyacrylate - Lực kết dính: 2,5 -1/+2 N/20mm (do nội bộ) - Miếng gạc: viscose, polypropylene and polyethylene - Lớp tiếp xúc vết thương: silicone paper, màu trắng - Giấy bọc: silicone paper, màu trắng - Lớp tiếp xúc vết thương: 100 % polyurethane, thân thiện với da - Khả năng hấp thụ dịch: 15+5 g/100cm ² - Công nghệ khử trùng: Sản phẩm được khử trùng bằng cách sử dụng ethylene oxide tuân theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11135-1 - Kích thước: 8x10 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE	Hộp/ 50 miếng	Miếng	500	11.000	5.500.000	N02.03.030.49 65.155.0009	N02.03.030.49	CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI	3005901	3005901	CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI

STT	Mã phân (16)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
24	PP2600016633	Băng keo có gác vô trùng không thấm nước 50mm x 72mm	Băng dính có gác vô khuẩn HETIS NON-WOVEN PAD	HNP060 080R	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	- Cấu tạo: Nền băng bằng vải polyester không đan dệt (non-woven), màu trắng, co giãn tốt, phủ keo acrylic, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng ra; lớp Pad làm từ sợi thấm hút (viscose + polyester) phủ Polyethylene (PE) chống dính; lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính. - Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≥ 6 g dịch/ g gác ($\sim \geq 0.12$ ml/cm²). - Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân mỗi lần thay gác. - Băng mềm mại, thoáng khí, bám dính tốt, cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MVTR (Moisture vapor transmission rate) ≥ 500 g/m².24h. - Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. - Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. - Kích thước: 60mm x 80mm.	50 miếng/ hộp	Miếng	1.000	2.730	2.730.000		N02.03.030		CÔNG TY TNHH LAVICOM
25	PP2600016634	Băng keo có gác vô trùng trong suốt 7x5 cm	Băng film có gác vô trùng HETIS FILM + PAD	HFP060 070R	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	- Cấu tạo gồm: Màng polyurethane film (PU film) phủ keo acrylic (bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng), lớp pad thấm hút (viscose+polyester) phủ polyethylene (PE) chống dính và lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính. - Lớp màng PU mỏng, trong suốt, bán thấm, thoáng khí, co giãn tốt, giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút với đường kính >27 nm (HIV-1, HBV,...) xâm nhập vào vết thương nhưng vẫn cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MTVR (moisture vapor transmission rate) ≥ 600 g/m².24h. - Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≥ 6 g dịch/ g gác ($\sim \geq 0.12$ ml/cm²). - Không thấm nước, bệnh nhân có thể tắm rửa, vệ sinh. Băng bo tròn 4 góc, tránh bung mép. - Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân khi thay gác. - Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. - Kích thước: 60mm x 70mm.	50 miếng/ hộp	Miếng	600	4.900	2.940.000		N02.03.030		CÔNG TY TNHH LAVICOM
26	PP2600016635	Băng keo cuộn. Kích thước 10cmx10m	Băng keo cuộn co giãn FIX ROLL 10cm x 10m	F1010	2025 trở đi	Việt Nam	Công ty TNHH Young Chemical Vina	- Vải nền đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) co giãn, mềm mại, thoáng khí, độ bền kéo 3.0kg/12mm $\pm$ 300g. Phủ keo Acrylic 100g/m², độ dính 580g/12mm $\pm$ 30g an toàn cho mọi loại da, không sót keo sau khi tháo băng. Các vạch in sẵn giúp cắt theo kích cỡ tùy ý. Có kiểm tra vi sinh. - Kích thước: 10cm x 10m. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.	1 cuộn/ hộp	Cuộn	80	110.200	8.816.000	N02.02.020.16 77.000.0010		3 005	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH

STT	Mã phân (tổ)	Danh mục	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Nam xuất	Nước xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo QĐ số 5086/QĐ-BYT theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
27	PP26000 16636	Bảng keo	giấy R-PAPEER (white) 2,5cm x 5m	Bảng keo cuộn giấy YOUNG R-PAPEER (white) 2,5cm x 5m	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Young Chemical I Vina	Chất liệu giấy không dệt (Non-woven paper) nhẹ nhàng, thấm hút tốt, mềm mịn để xé nhanh bằng tay. Phủ keo Acrylic 50-70g/m² không gây kích ứng, lý tưởng cho da nhạy cảm. Độ bền keo trên da khi tháo băng. Có kiểm tra vi sinh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA.	12 cuộn/ hộp	Cuộn	1.000	12.200	12.200.000	N02.02.020 3 005	BÍ Y TẾ BÌNH MINH	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH	3 005
28	PP26000 16637	Bảng mực in cho tất cả các dòng máy hàn túi Hawo	Bảng mực	2025	Quốc Trung	EasySeal	- Phù hợp để in trên tất cả các loại túi có thể hàn kín hoặc các vật liệu được cuộn lại theo EN868-5, túi giấy tuân thủ theo EN868-4 và các loại vật liệu polyethylene cao phân tử (ví dụ Tyvek); - Tương thích với tất cả các loại máy hàn túi có chức năng in của Hawo - Phù hợp để sử dụng với các máy tiệt khuẩn hơi nước, ethylene oxide và hydrogen peroxide. - Tiêu chuẩn ISO 9001	01 băng/ hộp	Băng	30	900.000	27.000.000	Không phải TBYT	Công ty TNHH dịch vụ Khánh Lâm An	9612	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KHÁNH LÂM AN	9612
29	PP26000 16638	Bảng phim định y tế trong suốt 9cm x 25cm	Bảng film có các vết trũng HETIS PAD +	2025	Nam Việt	Công ty Lavitec	- Cấu tạo gồm: Màng PET/PE có đường S-line, màng polyurethane film (PU film) phủ keo acrylic (bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng), lớp pad thấm hút (viscose+polyester) phủ polyethylene (PE), chống dính và lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính. - Lớp màng PU mỏng, trong suốt, bền bỉ, co giãn tốt, giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vì rút với đường kính >27 mm (HIV-1, HBV,...) xâm nhập vào vết thương nhưng vẫn cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MTR (moisture vapor transmission rate) ≥ 600 g/m2.24h. - Thấm hút dịch vết thương tốt, khả năng hút dịch ≤ 6 g dịch/ g gác (~ ≥ 0,12 ml/cm2). - Không thấm nước, bên ngoài có thể tắm rửa, vệ sinh. Băng bo trống 4 góc, tránh bung mấp. - Không dính vào vết thương, giảm đau cho bệnh nhân khi thay gác. - Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. - Kích thước: 90mm x 250mm.	25 miếng/ hộp	Miếng	200	16.900	3.380.000	N02.03.030	CÔNG TY TNHH LAVICOM			

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
30	PP26000 16639	Băng phim dính y tế trong suốt có định kim luôn có xẻ rãnh, cỡ 6cm x 7cm	Gạc cố định kim luôn HETIS LV DRESSING 6012K	HID060 125K	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	- Cấu tạo: Lớp màng polyurethane film (PU film) bán thấm, mỏng, trong suốt (phủ keo acrylic, bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng ra) giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút với đường kính >27 nm (HIV-1, HBV,...) xâm nhập vào vết thương; được xẻ rãnh phù hợp, dán cố định kim luôn có công tiêm. Khung viền giấy để cầm khi dán băng, dễ dàng bóc ra. - Màng PU bán thấm, mỏng, trong suốt, bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật. - Co giãn tốt, thoáng khí, tốc độ thoát hơi MVTR (moisture vapor transmission rate) ≥600 g/m².24h. - Có nhãn dán ghi ngày, giờ kèm theo và 2 dải băng dính cố định dây truyền. - Không thấm nước, băng bo 4 góc tránh bung mép. - Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. - Kích thước: 60 x 70mm.	50 miếng/ hộp	Miếng	600	4.090	2.454.000	N02.03.030		CÔNG TY TNHH LAVICOM	
31	PP26000 16640	Băng phim trong có gel sát khuẩn kích thước 10x12cm	Gạc vô trùng trong suốt HETIS FILM	HTF100 100R	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	- Gạc vô trùng trong suốt giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh vật, vi khuẩn, vi rút với đường kính >27 nm (HIV-1, HBV,...) xâm nhập vào vết thương. Sản phẩm trong suốt cho phép việc theo dõi vết thương dễ dàng mà không cần tháo băng. - Cấu tạo gồm: màng PET/PE có đường S-line, màng polyurethane film (PU film) bán thấm, mỏng, trong suốt (phủ keo acrylic, bám dính tốt, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sót keo khi tháo băng ra), lớp giấy lót (phủ silicone, PE...) chống dính. - Co giãn tốt, thoáng khí, cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MVTR (moisture vapor transmission rate) ≥ 600 g/m².24h. - Không thấm nước, cho phép tắm rửa khi băng kín vết thương. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. - Sản phẩm tiệt trùng, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn. - Kích thước: 100mm x 100mm.	50 miếng/ hộp	Miếng	200	6.090	1.218.000	N02.02.020		CÔNG TY TNHH LAVICOM	
32	PP26000 16641	Băng thun 4 inch	Băng thun, 10cm x 4.5m, W2, KVT (1 cuộn/gói) (Danameco, VN)	BTH10 WK001	2025 - 2026 trở về sau	Việt Nam	Danameco	"Nguyên liệu: Dệt từ sợi cao su và sợi polyester. - Ngoại quan: Màu trắng, mềm, mịn, có độ đàn hồi; 3 ghim móc - Độ bền nén thùng: ≥ 180N - Độ đàn hồi 100% sau khi căng trong 4 giờ: ≤ 105% - Độ bền kéo đứt (chiều dọc): ≥ 150 N - Độ đàn hồi khi đứt (chiều dọc): ≥ 150% Kích thước: 10cm x 4.5m. Không tính độ co giãn Quy cách: 1 cuộn/gói, 10 gói/gói lớn. Sản phẩm chứa trong túi nylon, không vô trùng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, được cấp chứng nhận CE, FDA, cGMP	1 cuộn/ gói	Cuộn	8.000	11.200	89.600.000	N02.01.020.41 96.000.0005	3005	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO	

STT	Mã phần (10)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QB số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu		
33	PP26000	Băng thun	Băng bảo vệ khớp gối	Băng bảo vệ khớp gối	Năm 2025	Trung Quốc	Ningbo Simtrum ed	Làm từ chất liệu thun có độ đàn hồi cao, hệ thống nhám dính thiết kế xung quanh gối giúp sản phẩm dễ điều chỉnh hơn, vừa vặn, khó dịch chuyển giúp hạn chế vận động trong quá trình điều trị. Thiết kế mở vùng kheo khiến người sử dụng cảm thấy thoải mái khi cong gấp hoặc duỗi đầu gối. Đặc biệt hiệu quả trong tương hợp chân thưng thông thường băng chẻ, khớp gối. Hỗ trợ khớp gối trong khi vận động, chơi thể thao hoặc sau khi phẫu thuật. Gồm túi thiêu các cỡ Universal (S/M; L)/Big (XL). ISO 13485	Hộp 1 cái	Cái	200	90.000	18.000.000		N01.07.030		CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT	
34	PP26000	Băng từ dính các màu (băng thun dùng cuộn từ dính y tế Coban x (rộng): 5cm x 4,55m	Băng từ dính y tế Coban x 4,55m	Băng từ dính y tế Coban x 4,55m	trở về 2025	Đức	Deuschl 3M and GmbH	- Chất liệu: Cao su thiên nhiên: 50 - 65%, vải polyester: 10 - 20%, vải polyurethane co giãn: 10 - 20%, chất kết dính polymer acrylic: 10 - 20%, thuốc màu: < 1% - Kích thước: 5cm x 4,55m - Đặc tính: co giãn và tự dính, không cần keo, không cần ghim, các lớp băng dính vào chính nó, không dính vào các vật liệu khác hoặc da, độ bó chặt theo ý muốn, co giãn theo góc cạnh của cơ thể. - Màu nâu tan thấm mý ISO 13485	36 cuộn/ thùng	Cuộn	50	42.000	2.100.000	N02.01.020.45	16.155.0001	3005	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY	
35	PP26000	Băng từ dính các màu (băng thun dùng cuộn từ dính y tế Coban x (rộng): 7,5cm x 4,55m	Băng từ dính y tế Coban x 4,55m	Băng từ dính y tế Coban x 4,55m	trở về 2025	Đức	Deuschl 3M and GmbH	- Chất liệu: Cao su thiên nhiên: 50 - 65%, vải polyester: 10 - 20%, vải polyurethane co giãn: 10 - 20%, chất kết dính polymer acrylic: 10 - 20%, thuốc màu: < 1% - Kích thước: 7,5cm x 4,55m - Đặc tính: co giãn và tự dính, không cần keo, không cần ghim, các lớp băng dính vào chính nó, không dính vào các vật liệu khác hoặc da, độ bó chặt theo ý muốn, co giãn theo góc cạnh của cơ thể. - Màu nâu tan thấm mý, ISO 13485	24 cuộn/ thùng	Cuộn	50	55.000	2.750.000	N02.01.020.45	16.155.0002	3005	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY	

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
36	PP26000 16645	Băng vải cuộn 10cm x 5m	Băng cuộn 10cm x 5m, KVT (10 cuộn/gói) (Danameco, VN)	BCU19 WK010	2025 - 2026 trở về sau	Việt Nam	Danameco	Vải dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế), có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) ≤ 8% - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Hàm lượng chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Hàm lượng chất béo ≤ 0,5% - Độ trắng: ≥ 80% +/- 10%. - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. - Thoi nhiễm kim loại: không quá hàm lượng cho phép Quy cách: 10 cm x 5m Đóng gói 2 lớp: 1 lớp bao PE và 1 lớp giấy gói riêng từng cuộn - 10 cuộn/ gói. Không vô trùng. Đạt chứng nhận ISO 13485:2016- ISO 9001:2015- cGMP	10 cuộn/ gói	Cuộn	3.000	2.210	6.630.000	N02.01.040.41 96.000.0004		3005	TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
37	PP26000 16646	Bao cao su	Bao cao su	Happy Family	2026	Việt Nam	Merufa	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, Latex li tâm 2 đầu Chiều rộng: 52 ± 2mm Được bôi trơn bằng dầu silicone.	Hộp 200 cái	Cái	1.200	699	838.800	N08.00.060.09 63.000.0001	N08.00.060	4014	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
38	PP26000 16647	Bao chỉ dùng cho máy dự phòng huyết khối tĩnh mạch	Bao chỉ đùi phòng chống huyết khối	Kendall SCD™ Express Sleeves, Thigh Length, Large (73013) Kendall SCD™ Express Sleeves, Thigh Length, Medium (73012) Kendall SCD™ Express Sleeves, Thigh Length.	2024-2025	Costa Rica	Cardinal Health Costa Rica, S.A.	Có 3 kích cỡ S, M, L. Các size tương ứng với chiều dài vòng bắp đùi của bệnh nhân. Chất liệu sợi bao chỉ có đường kính tương tự như lụa và cashmere, giúp mang lại sự mềm mại và mịn màng. Thiết kế dạng bao nhỏ giúp phân tán đều áp lực. Từ 40.6cm đến 55.9cm là cỡ S. Từ 55.9cm đến 71.1cm là cỡ M. Từ 71.1cm đến 91.4cm là cỡ L. Tiêu chuẩn FDA, FSC	1 đôi/túi	Đôi	10	2.210.000	22.100.000	N00.00.000.46 63.146.0002	N00.00.000	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LÂM

STT	Mã phần (t)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu			
39	PP26000	Bình dẫn lưu áp lực 200ml các số	Bình dẫn lưu vết 200ml	0309011	2025	Trung Quốc	Suzhou Yaxin Medical Products Co., Ltd	- Chất liệu: nhựa PVC nguyên chất trong y tế, không chứa Latex. - Bình dẫn lưu áp lực âm. Ống nhựa PVC, đầu nối hình chữ "Y". - Ống dẫn có Trocar làm từ thép không rỉ, có đường cân quang dọc thân ống. - Có van Anti-Reflux (chống trào ngược). - Thiết kế tối ưu hạn chế rò rỉ khi gấp gập. - Thể tích lưu trữ 200ml - Fr.10 - Bình có 4 lỗ xo - Bít tiệt trùng EO. - Đóng gói riêng cho từng sản phẩm	20 cái/ thùng	Cái	1.300	74.200	96.460.000	N04.02.030.61	27.279.0007	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY		
40	PP26000	Bình hút đàm, dịch, nhớt (Comfort) các số	Bình hút đàm, dịch, nhớt (Comfort) các số	AMEXX-T	2025	Đài Loan	Symphon Medical Technology Co., Ltd./	Lò lấy mẫu đàm, vật liệu không chứa DEHP, chịu được áp lực hút ≥ 412mmHg (55KPa) trong 15 giây, gồm: - 1 dây hút dịch loại trẻ em 8FG, 10FG x 32cm, loại người lớn 12FG, 14FGx 55cm. Dây có 3 lỗ hút (2 lỗ nằm ở mặt bên), dễ nối đa hóa lượng dịch được hút và giảm nguy cơ tắc nghẽn - 1 dây nối dài ≥ 47cm, đầu nối có van nhân, dễ kết nối với máy hút - 1 lọ dung ≥ 25ml có vạch chia thể tích, 1 nắp dây dễ đóng và bảo quản mẫu	Cái/ Gói	Cái	600	14.679	8.807.400	N03.07.070.40	59.296.0001	9018	Công ty TNHH dịch vụ Khánh Lâm An		
41	PP26000	Bình khí EO 100 gram, cho máy EO 5XL	Bình khí EO 4-100	Ký mã nhân hiệu: 4-100 năm 2025	Mỹ	3M Company	Bình khí ga dùng cho máy tiệt khuẩn 3M™ Steri-Vac™ GS5, Model: GS5- 2D - Sản phẩm sử dụng 1 lần đơn liều, an toàn trong quá trình sử dụng. - Mỗi bình ga đều được cung cấp nắp bảo vệ dẻo màu vàng bảo vệ bộ sung trong quá trình vận chuyển và xử lý - Dung tích 100g - Mỗi bình ga đều có nhãn dán bằng mã quét Barcode 2D bao gồm thông tin: số catalogue, số lô (ngay hết hạn), trọng lượng - Thành phần: Ethylene oxide 100%. Không chứa thành phần CFC hoặc HCFC gây hại. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE - Xuất xứ: Mỹ (G7)	12 bình/ hộp	bình	300	652.000	195.600.000	TTBYT	3E+07	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ THẠI SON				

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
42	PP2600016651	Bộ khăn tổng quát dùng 1 lần	Gói khăn phẫu thuật tổng quát TQA0601, M7, 7 khoản, VT (1 bộ/gói)	GTQ06T Q007A1 2BE	2025 - 2026 trở về sau	Việt Nam	Danameco	Vải không dệt SSMMS ≥ 43 gsm 5 lớp không thấm nước. Tại vùng phẫu trường có vùng thấm hút đặc biệt SMSPE ≥ 130 gsm. Thành phần bao gồm: 1. Khăn trải bàn làm từ màng CPE gia cố SMS 140 x 190cm: 01 cái 2. Khăn đắp đầu: 160 x 250 cm: 01 cái vải không dệt SSMMS gia cố vải siêu thấm SMSPE 3. Khăn đắp chân: 180 x 200 cm: 01 cái vải không dệt SSMMS gia cố vải siêu thấm SMSPE 4. Khăn đắp bên: 80 x 90 cm: 02 cái vải không dệt SSMMS gia cố vải siêu thấm SMSPE 5. Khăn lau thấm hút vải không dệt thấm hút nước Spunlace 70gsm: 30 x 40 cm: 04 cái 6. Băng keo OP mix vải SMS: 10 x 50cm: 01 Cái 7. Túi đựng dụng cụ phẫu thuật bằng chất liệu PE chống thấm trong suốt 35 x 50cm : 01 cái Đóng gói: 1 bộ/gói. Sản phẩm được đựng trong bao tiệt trùng dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. - Đạt tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, TCVN ISO 13485:2017, EN ISO 11135:2014	1 bộ/ gói	Bộ	50	165.000	8.250.000	N00.00.000.41 96.000.0095		6211	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
43	PP2600016652	Bộ bơm tiêm điện	Ông bơm tiêm	AT2204	2025 trở về sau	Trung Quốc	Anntom Medica Limited	- Bộ xilanh 200ml dùng cho máy bơm thuốc cân quang hai nồng OptiVantage. - Một bộ sản phẩm đóng gói gồm: + 2 xilanh 200ml có đường kính trong 4,11cm và đường kính ngoài 5,51cm, dài 21,8cm, bằng chất liệu PP trong suốt kèm piston bằng nhựa ABS không chứa DEHP với đầu bọc cao su tổng hợp màu đen; + 2 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE có đường kính trong 3,95mm; + 1 dây nối áp lực cao chữ Y bằng PC và PVC dài 150cm với hai van một chiều, bộ dây nối có đường kính trong và ngoài lần lượt là 1,9mm và 3,35mm. - Chịu áp lực cao 350psi, đầu kết nối luer lock. - Tiệt khuẩn - Chứng nhận ISO 13485, CE	1 bộ/ hộp	Bộ	100	231.000	23100000	N03.01.020.54 03.279.0001			CÔNG TY TNHH QUẢN TRỊ T.78
44	PP2600016653	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phân cảm biến nhiệt	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	PV8215	Năm 2024 trở về sau	Đức	Pulsion Medical Systems SE	- Theo dõi huyết áp động mạch đáng tin cậy - Theo dõi cung lượng tim chính xác cùng với catheter PiCCO - Cảm biến áp lực được thiết kế trong suốt để dễ dàng kiểm tra - Chất liệu: Polycarbonate (PC), Polyethylen (PE), Silicone (SI), Polyvinylchlorid (PVC), ABS - Hệ thống xả: Tốc độ 3ml/h với áp lực 300mmHg trong túi xả (xả nhanh > 2ml/s) - Chiều dài dây đo huyết áp màu đỏ dài 150cm - Tiệt trùng bằng Ethylene oxide	01 bộ/ túi	Bộ	03	3.000.000	9.000.000	N08.00.230.35 62.155.0004	N08.00.230	9018909	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THỦY

STT	Mã phân (10)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu, năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu			
45	PP2600016654	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường Artline r	Disposab le pressure DP r	2025	Trung Quốc	SCW Medica Ltd	- Không có cam biến: Bao vệ qua áp $\geq 640\text{mmHg}$, thời gian hoạt động ≥ 168 giờ - Dây đo và dây truyền dịch nguyên liệu PVC cao cấp, không DEHP + Dây đo gồm 2 đoạn 15cm + 150cm (ID $1.6\pm 0.05\text{mm}$, O.D= $3.2\pm 0.05\text{mm}$). Kèm khóa 4 ngã nguyên liệu + Dây truyền dịch 180cm $\pm$ 3cm (ID= $2.55\pm 0.05\text{mm}$, O.D= $4.15\pm 0.05\text{mm}$), buồng nhỏ giọt mềm 60mm, có màng lọc $\leq 15\mu\text{m}$, dầu nhớt 1 chiều. - Độ nhạy: 5,0 μ V/V/mmHg $\pm$ 1%. Áp suất hoạt động: -30 đến 300 mmHg. Phi tuyến tính và độ trễ: $\pm$ 1mmHg. Trở kháng đầu ra: 270-330 ohms. Độ trễ tại 0 $\leq$ 2mmHg/8 giờ	Cái/ gói	Cái	20	523.000	10.460.000	N08.00.230.51	N08.00.000	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DSC VIỆT NAM	CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI	CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI
46	PP2600016655	Bộ điều trị hút áp lực có L	Bộ điều trị hút áp lực có L	2025	Cộng hòa Séc	Lohman n & Rauscher s.r.o	- Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước khoảng 25 x 15 x 3 cm - 01 miếng lót với Ống hút bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, kẹp đường ống, đầu nối có chốt khóa đóng mở. - 1 miếng bọc phẫu thuật - 05 màng bọc vết thương dạng film khoảng 10x 25 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE	Gối/ 1 bộ	Bộ	3	2.450.000	7.350.000	N02.04.060.28	N02.04.060	3005909	CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI	CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI	
47	PP2600016656	Bộ điều trị hút áp lực có M	Bộ điều trị hút áp lực có M	2025	Cộng hòa Séc	Lohman n & Rauscher s.r.o	- Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, bao gồm: - 01 xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, kích thước khoảng 10 x 15 x 3 cm - 01 Miếng lót với Ống hút bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, kẹp đường ống, đầu nối có chốt khóa đóng mở. - 01 miếng bọc phẫu thuật - 03 màng bọc vết thương dạng film khoảng 10x 25 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE	Gối/ 1 bộ	Bộ	3	2.200.000	6.600.000	N02.04.060.28	N02.04.060	3005909	CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI	CÔNG TY TNHH ĐẤT PHÚ LỢI	

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
48	PP26000 16657	Bộ gây tê ngoài màng cứng và tủy sống phối hợp, kim đầu cong 18G (dài 3 1/2'')	ESPOCA N W. SPINOC AN 27GX5	4556674	2025 trở về sau	Đức	B. Braun Melsungen AG	Kim đầu cong G18 dài 3 1/2", kim gây tê tủy sống G27 Nguyên liệu catheter bằng polyamid không bị gãy gập, dài 1000mm, có đường cân quang ngầm Đầu nối catheter dạng nắp bật, tránh tình trạng vụn quá mức gây tắc catheter Có syringe giảm kháng lực (Loss of Resistance) giúp xác định khoang màng cứng dễ dàng và chính xác Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron @	10 cái/hộp	Cái	20	483.000	9.660.000	N08.00.380.03 37.205.0007	N08.00.380	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
49	PP26000 16658	Bộ gây tê ngoài màng cứng, bộ đầy đủ	Bộ gây tê ngoài màng cứng	EMN180 80	2025 trở về sau	Trung Quốc	Henan Tuoren Medical Device Co., Ltd	- Kim đầu cong G18 dài 3 1/4" Có bơm giảm kháng lực giúp xác định khoang màng cứng Catheter bằng polyamid, thiết kế catheter có độ cứng tương đối đảm bảo dễ dàng khi luồn vào khoang ngoài màng cứng, không bị gãy gập, trong suốt như pha lê nên dễ dàng thấy các dung dịch thuốc khác, dài 1000mm, có đường cân quang ngầm, 3 lỗ thoát thuốc. - Đầu nối catheter dạng nắp bật - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron, có miếng dán cố định lọc - Có đầy đủ bơm và kim tiêm thuốc	01 Cái/Túi	Cái	10	212.000	2.120.000	N08.00.380		9018	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU Á ÂU
50	PP26000 16659	Bộ kẹp chi	Điện cực kẹp tay chân	CKC013 B	2025 trở về sau	Trung Quốc	SHENZHEN YKD TECHNOLOGY CO.,LTD	+ Dùng cho người lớn, trẻ em + Bộ gồm: 4 cái điện cực kẹp chi. + Có phân màu rõ ràng: Xanh lá, Đen, Vàng và Đỏ + Sử dụng tương thích cho dây điện cực và máy đo điện tim các loại + Điện cực kẹp tay chân bao gồm kẹp chi, phần tạo lực kẹp và tấm điện cực + Phù hợp chân cỡ 3mm, 4mm + Điện cực kim loại Ag/AgCl + Trở kháng AC: Giá trị trung bình của trở kháng AC của cặp điện cực là $\leq 2k\Omega$ và trở kháng của một điện cực đơn lẻ là $\leq 3k\Omega$. + Điện trở tiếp xúc: Điện trở DC $\leq 1.0\Omega$ + Điện áp bù DC: điện áp bù $\leq 100mV$. + Khả năng tái sử dụng lại nhiều lần.	4 Cái/Bộ	Bộ	3	546.000	1.638.000	Không áp dụng	Không áp dụng	8545	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB

STT	Mã phần (16)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số	S086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu							
51	PP26000	Bộ khăn soi khớp gối	Bộ khăn soi khớp gối	CHC060 VT (1 bộ/gói)	GCH46Z V001	2025 - 2026	Việt Nam	Danamec o	Chất liệu chính: Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMS ≥ 47gsm chống thấm nước, chống tĩnh điện, đạt tiêu chuẩn AAMI mức độ 3 Bộ khăn bao gồm: 1. Khăn trải bàn dùng cụ 165cm x 200cm: 01 cái làm từ Vải không dệt, màng PE xanh. 2. Khăn thấm 30cm x 40cm: 04 cái làm từ Vải Spunlace không dệt thấm hút nước 3. Băng keo cố định ống dây 10cm x 50cm: 01 cái làm từ Vải không dệt, băng keo y tế 4. Bao phủ chi 23cm x 80cm: 01 cái làm từ Vải không dệt 6 lớp SMMMS ≥ 47gsm 5. Khăn moi soi khớp gối 240cm x 300cm: 01 cái làm từ Vải không dệt 6 lớp SMMMS ≥ 47gsm, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, vùng phẫu thuật có màng TPE co giãn, đàn hồi tốt với lỗ tròn đường kính 6cm, có túi chứa dịch với 6. Bút đánh dấu phẫu thuật (kèm thước) Mức màu tím, không gây màu cảm da: 01 cái Đóng gói: 1 bộ/gói. Sản phẩm được đựng trong bao tiệt trùng dùng trong y tế, được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. - Đạt tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, TCVN ISO 13485:2017, EN ISO 11135:2014	1 bộ/ gói	Bộ	100	230.000	23.000.000	96.000.000	96.000.0083	6211	TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO							
52	PP26000	Bộ khăn thương có túi	Bộ khăn thương có túi	BK1002-01	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành	Chất liệu vải không dệt 5 lớp SMMMS 45gsm chống thấm nước, chống tĩnh điện, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. 1. Khăn trải bàn màu 90 x 100cm: 1 cái 2. Khăn trải dưới móng có túi 80 x 120cm, màng CPE xanh biển được gia cố bằng vải bán thấm 50 x 60 cm, có túi chứa dịch lỏng 3. Khăn trải da dùng 75 x 90 cm: 1 cái 4. Khăn lau em bé 90 x 120cm: 1 cái Sản phẩm được đựng trong bao tiệt trùng dùng trong y tế, được tiệt trùng	1 bộ/ gói	Bộ	30	136.500	4.095.000	63.000.000	63.000.0057	6211	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH NGHỆ ĐIỆN TỬ GB								
53	PP26000	Bộ kim luồn an toàn kim tích hợp 3 trong 1 các cổng 18-24G Dual Port	Bộ kim Nexiva™ BD Closed Catheter IV Dual Port	383641 383642 383647 383648 383649 383650	2025	Mỹ	Becton Dickinson Infusion n Systems Inc.	Bộ kim luồn an toàn kim 3 trong 1, 6 đường cần quang ngầm, mềm mai không tổn thương thành mạch, phục hồi trạng thái khi bị bẻ gãy hoặc uốn cong, giúp giảm các biến chứng, tích hợp đầy đủ và công bơm truyền kim. Có đầu bảo vệ nguyên khối đặc biệt bung ra khi rút kim. Đầu kim 3 mặt vát, sắc bén, dễ xuyên qua da mạch. Thót gian lưu kim 144 giờ, size 18-24G.	20 bộ/ thùng, 80 bộ/ thùng	Bộ	25	170.000	4.250.000	12.175.0008	N08.00.090.04	9018320	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ PT BIOMED								

STT	Mã phân (10)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
54	PP2600016663	Bộ núm su bo chuồng	Điện cực hút	CKC011	2025 trở về sau	Trung Quốc	SHENZHEN YKD TECHNOLOGY CO.,LTD	+ Dùng cho người lớn, trẻ em + Sử dụng tương thích cho dây điện cực và máy đo điện tim các loại + Phù hợp chân cắm 3mm, 4mm + Điện cực bo bóng bóp đường kính 24mm, thể tích bóng 5cc + Khả năng hấp thụ của điện cực hút: bóng hút được hấp phụ vào da của cánh tay người và sẽ không rơi ra trong vòng 4 phút. + Bóng bóp chất liệu Latex-Free + Điện cực kim loại Ag/AgCl + Trở kháng AC: Giá trị trung bình của trở kháng AC của cặp điện cực là $\leq 2k\Omega$ và trở kháng của một điện cực đơn lẻ là $\leq 3k\Omega$. + Điện trở tiếp xúc: Điện trở DC $\leq 1.0\Omega$ + Điện áp bù DC: điện áp bù $\leq 100mV$.	6 Cái/Bộ	Bộ	4	546.000	2.184.000	Không áp dụng	Không áp dụng	8545	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
55	PP2600016665	Bộ nẹp gỗ sơ cấp cứu	Bộ nẹp gỗ	Nẹp gỗ	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Y tế Nhật Minh	Bộ Nẹp Gỗ sơ cấp cứu Chiều dài các thanh: - Thanh 1: 21 cm - Thanh 2: 29 cm - Thanh 3: 34.5 cm - Thanh 4: 40 cm - Thanh 5: 45 cm - Thanh 6: 50 cm - Thanh 7: 59 cm - Thanh 8: 69 cm - Thanh 9: 79 cm - Thanh 10: 117 cm. Quy cách: bộ 10 thanh Chiều rộng trung bình các thanh (thanh 1-7): 5.5cm Chiều rộng trung bình các thanh (thanh 8-10): 6.5cm Chiều dày các thanh: 1cm	Hộp 10 thanh	hộp	10	231.000	2.310.000	N07.06.050	9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH	
56	PP2600016666	Bộ tấm dán hạ thân nhiệt các cỡ	Tấm dán hạ thân nhiệt các cỡ	317-02, 317-03, 317-05, 317-07, 317-09	hạn sử dụng: ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao	Mexico	- Hãng sản xuất: Productos Para El Cuidado de la Salud de CV - Hãng/ nước chủ sở hữu: Medivance Inc/ Mỹ	- Bộ tấm dán các kích cỡ XXS, XS, S, M, L dành cho bệnh nhân từ 16-100kg - Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước: là 0,63 kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong là 0,83 kg (chùng loại 317-02) Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước là 0,83 kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong là 1,13kg (chùng loại 317-03) Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước là 1,41 kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong là 2,09 kg (chùng loại 317-05) Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước là 1,45 kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong là 2,14 kg (chùng loại 317-07) Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước là 1,64 kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong là 2,41kg (chùng loại 317-09) - Tấm dán gồm có 3 lớp, có cách nhiệt với bên ngoài - Vị trí dán: Đùi và ngực - Tuổi thọ miếng dán: 5 ngày, lên đến 120 giờ/1 miếng - Tốc độ dòng chảy: Lên tới 5 lít/phút	01 bộ/ túi	Bộ	01	25.000.000	25.000.000	N08.00.370.6107.213.0003	N08.00.370	300510	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THỦY

STT	Mã phần (10)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu, năm xuất	Nước sản xuất	Hạng xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu	
57	PP26000	Bơm tiêm 20ml đầu xoắn thăm my	Bơm tiêm O vò dùng 20ml/cc, một lần dùng	BMD.20 X BT-	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BENOVA S	Bơm tiêm nhựa 20 ml; Được chia vạch nhỏ nhất là 1 ml; Xy lanh làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, độc xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn; gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng phẳng; Pit tông có khía bề gây để hủy sau khi sử dụng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Khi sử dụng có thể kết hợp với kim tiêm kích cỡ khác nhau tùy theo nhu cầu sử dụng. Cờ kim thông dùng 23Gx1", 25Gx1",... + Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.	Hộp/50 cái; Thùng/1 hộp (bao HDPPE); 6 hộp (ép vi)	Cái	200	1.135	227.000	N03.01.040	9018.31	Công ty Cổ phần Cửu Long
58	PP26000	Bơm tiêm 50ml đầu xoắn thăm my	Bơm tiêm O vò dùng 50ml/cc, một lần dùng	BMD.50 X BKK-	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BENOVA S	Dùng tích bơm tiêm có thể mở rộng đến 60ml, tùy theo nhu cầu sử dụng. Xylanh làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, độc xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện; Gioăng mềm dẻo, khi và dùng dịch không lọt qua gioăng ở đầu bít piston. Dễ dàng quan sát thể tích chia hiệu lượng chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích tới da 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em. Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS 001:2025/BEN.MED; TCVN ISO 9001:2015; ISO 11135:2014; TCVN 8664-1:2011 (ISO 14644:1999). + Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.	Hộp/25 cái; Thùng/1 hộp (bao HDPPE); 6 hộp (ép vi)	Cái	500	2355	1.177.500	N03.01.040	9018.31	Công ty Cổ phần Cửu Long
59	PP26000	Bơm tiêm 10ml nhựa 10ml	Bơm tiêm O vò dùng 10ml/cc, một lần dùng	BT- BMD.10 T	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BENOVA S	+ Xy lanh dùng tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dùng tích rõ nét. Vạch chia dùng tích hút tới da đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất 50,2ml + Pit tông có khía bề gây để hủy, không có ba vĩa. + Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1", Độc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. + Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.	Hộp/100 cái; Thùng/1 hộp (bao HDPPE); 2 hộp (ép vi)	Cái	80.000	635	50.800.000	N03.01.020	9018.31	Công ty Cổ phần Cửu Long

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
60	PP26000 16671	Bơm tiêm nhựa 1ml	Bơm tiêm VIKIMC O vô trùng sử dụng một lần 1ml/cc.	BT-BMD.01 T	2025	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BENOVAS	+ Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml. + Được chia vạch đều từ 0.01ml - 0.02ml + Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. + - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.01ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. + - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. + - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng + Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.	Thùng/4 2 hộp (bao HDPE); Thùng/4 5 hộp (ép ví)	Cái	8.000	425	3.400.000		N03.01.020	9018.31	Công ty Cổ Phần Dược phẩm Cửu Long
61	PP26000 16672	Bơm tiêm nhựa 20ml	Bơm tiêm VIKIMC O vô trùng sử dụng một lần 20ml/cc	BT-BMD.20 T	2025	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ BENOVAS	+ Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml. + Được chia vạch nhỏ nhất là 1ml + Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. + - Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. + - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện + - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. + - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng + Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.	Hộp/50 cái; Thùng/1 6 hộp (bao HDPE); Thùng/1 6 hộp (Ép ví)	Cái	28.000	985	27.580.000		N03.01.020	9018.31	Công ty Cổ Phần Dược phẩm Cửu Long
62	PP26000 16673	Bơm tiêm nhựa 50ml ăn	Bơm cho ăn MPV 50ml	BCA	2026	Việt nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	- Bơm tiêm nhựa cho ăn xy lanh có dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc. - Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, FDA	Hộp 25 cái x 16h/ kiện	Cái	5.000	3.800	19.000.000	N03.01.010.09 76.000.0001		9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
66	PP26000 16677	Bông 10g	Bông y tế thấm nước 10gr	10012	2025	Việt Nam	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	Thành phẩm: bông xơ tự nhiên, màng bông được xử lý bằng công nghệ SPUNLACE giúp sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt, bụi bẩn, bụi cát, không mùi, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút, không mùi, bông có màu trắng đúng trong lĩnh vực y tế. Bông được tẩy bằng công nghệ Hydrogen Peroxide thân thiện môi trường, không tẩy bằng Clo, an toàn cho người sử dụng. Ngoại quan: Không ẩm ướt, sợi chắc, mịn; thấm hút tốt; Không mùi lạ; không vị; Màu sắc hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên; Không có tạp chất, chỉ có sợi bông. Không độc tố và không gây dị ứng, không gây kích ứng da; không có tính bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Bông không bị đổi màu khi tiệt khuẩn bằng máy hấp hơi nước ở nhiệt độ cao. - Quy cách đóng gói: 10 gam/ gói - Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính (Cả hai dung dịch không có màu hồng) - Độ trắng $\geq 80\% \pm 10\%$ - Chất hoạt động bề mặt: $< 2\text{mm}$ - Tốc độ chìm: $< 8\text{s}$ - Khả năng hút nước (Độ hút nước): $> 100\text{g}$ (5g bông hút không ít hơn 100gr nước) - Các sợi khác: Không tìm thấy sợi nào bị nhuộm màu - Phát quang: Đạt (Không có sợi màu xanh lam đậm) - Chất màu chiết được: Đạt theo yêu cầu Dược Điển Việt Nam V - Chất tan trong ether: không quá 0,5% - Chất tan trong nước: không quá 0,5% - Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% - Tro sunfat: không quá 0,4% - Định tính: ngâm dung dịch kẽm clorua-iod $\rightarrow$ Sợi chuyển qua màu tím - Hạn dùng: 36 tháng - Đạt tiêu chuẩn: CE, GMP, FDA, ISO 13485:2016, ISO 9001:2015 - Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam	10 gam/gói	Gói	50	2.600	130.000	N01.01.010.07 95.000.0065	N01.01.010	3005	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
67	PP26000 16678	Bông cắt sẵn 2cmx2cm	Bông y tế cắt miếng VI/VTC Q	BYTCM 01	2025 trở đi	Việt Nam	Công ty TNHH Băng Gạc Y Tế Lợi Thành	Bông hút nước 100% cotton (bông xơ, tự nhiên, bông y tế). Trắng, đồng đều. Không mùi lạ. Không lẫn tạp chất khi nhìn thấy bằng mắt thường, sợi bông mảnh, mềm. Bông được cắt thành miếng nhỏ vuông, đồng đều về kích thước và trọng lượng. - Tốc độ hút nước: $\leq 5\text{s}$ - Khả năng hút nước: $\geq 100\text{g}$ nước/5g bông - Độ acid và kiềm: Đạt trung tính - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Quy cách: 2 x 2cm, Đóng gói: 500 gam/gói, đóng trong bao PE hàn kín miệng, có nhãn in đầy đủ thông tin sản phẩm	500 gam/gói	Kg	150	144.900	21.735.000		N01.01.010	3005	CÔNG TY TNHH BĂNG GẠC Y TẾ LỢI THÀNH
68	PP26000 16679	Bông cắt sẵn 3cmx3cm	Bông y tế cắt miếng 3cm x 3cm	BHN14	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành	Bông hút nước 100% cotton (bông xơ, tự nhiên, bông y tế). Trắng, đồng đều. Không mùi lạ. Không lẫn tạp chất khi nhìn thấy bằng mắt thường, sợi bông mảnh, mềm. Bông được cắt thành miếng nhỏ vuông, đồng đều về kích thước và trọng lượng. - Tốc độ hút nước: $\leq 5\text{s}$ - Khả năng hút nước: $\geq 100\text{g}$ nước/5g bông - Độ acid và kiềm: Đạt trung tính - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Quy cách: 3 x 3cm, Đóng gói: 500 gam/gói, đóng trong bao PE hàn kín miệng, có nhãn in đầy đủ thông tin sản phẩm Đạt tiêu chuẩn CE	500g /gói	Kg	200	104.000	20.800.000	N01.01.010.11 63.000.0010		3005	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hàng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu																																								
69	PP26000 16681	Bong hút nước	Bong hút nước KVT (1 kg/gói) (Daname co, VN)	BHN07 WK001	2025 - 2026	Việt Nam	Danamec o	Bong y tế thấm nước 100% bong xơ thiên nhiên. Bong trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị rơi và có độ thấm hút rất cao. Bong dạng dài, được cuộn thành cuộn chặt, đáp ứng yêu cầu sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tính bột, không có xơ mùn hóa tan trong nước và dịch phụ tạng - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) ≤ 8% - Khả năng hút nước: ≥100 g nước/5g bong; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Hàm lượng chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Hàm lượng chất béo: ≤ 0,5% Đóng gói: 1kg/ gói. Sản phẩm không vỏ trùng đóng trong túi nylon Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016/ TCVN ISO 13485:2017; ISO 9001:2015 / TCVN ISO 9001:2015, CE, cGMP	1 kg/ gói	Kg	70	116.000	8.120.000	N01.01.010.41	96.000.0002	3005	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DANA-MECO Y TẾ	3005	CÔNG TY CỔ PHẦN PHẠM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	3005	PP26000 16682	Bong thấm nước (bong mờ)	Bong y tế không thấm nước 1kg (bong mờ vãng)	01900	2025	Việt Nam	Công ty cổ phần Bạch Tuyết	Đạt tiêu chuẩn: CE, GMP, FDA, ISO 13485:2016, ISO 9001:2015 -Bề mặt được xử lý bằng tia nước áp lực cao giúp bề mặt mịn, mềm mại, không và không gây kích ứng. chất, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt. Không có chất tẩy trắng, không độc tố qua nhiều lần, không mùi, có màu hơi ngà vàng bong, đồng nhất, không lẫn tạp -Sợi mảnh, mềm, xơ tươm tays, được chắt kỹ, có độ xốp tốt, đàn hồi cao, không còn xơ tự nhiên. -Bong không hút nước (không thấm nước) được hình thành từ tập hợp các sợi trong quá bong (bong của hai cây bông), chỉ xử lý cơ học loại bỏ máy tap, không qua quá trình loại chất béo (mỡ) và tẩy trắng - nguyên liệu làm từ Bong	1 kg/gói	Kg	30	119.000	3.570.000	N01.01.010.07	95.000.0079	3005	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẠM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	3005	PP26000 16683	Bong lọc bột 2,7m x 10cm x 2,7m	Bong lọc bột 2,7m x 10cm x 2,7m	BE1027	2026	Việt Nam	Công ty TNHH Hamco Hung Yen	Làm từ bong 100% polyester, chất liệu bong không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng, dùng làm vật liệu lót nước khi áp dụng bằng cò dẹt, bằng bột bó. Chiều rộng 10cm, chiều dài = 270cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	200 cuộn	Thùng	100	10.000	1.000.000	N02.01.010.12	51.000.0003	N02.01.010	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TƯ Y TẾ HẠ NỘI	3005

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
72	PP26000 16685	Bông tắm cồn	Bông tắm cồn ECO	BTC02: ECO	2026	Việt nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Thành phần: • Cồn (isopropyl alcohol 70%) và bông thấm nước, vải không dệt tằm cồn • Ngoại quan: Bông tắm cồn có màu trắng, được gấp vuông vắn, tằm cồn đều. Quy cách sản phẩm: • Kích thước: 30mm x 30mm x 2 lớp • Quy cách: 1 miếng/ gói. Được đóng gói trong bao bì, hộp giấy có in đầy đủ thông tin sản phẩm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	1 miếng/ túi, 100 miếng/ hộp, 200 hộp/ kiện	Miếng	8.000	140	1.120.000	N01.01.010.09 76.000.0002		3005	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
73	PP26000 16686	Bóp bóng nhì	Bóp bóng cấp cứu Silicon Eco	BBS-E1; BBS-E2; BBS-E3	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Đất Việt Thành	Bộ bóng bóp giúp thở Silicone hấp tiết trùng ở 121 độ C dùng nhiều lần (40 lần) có van peep các cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh bao gồm: - Bóp bóng Silicone thể tích: 280mla - Van peep vật liệu PC, silicone: 2~10cmH2O - Mask silicone - Túi chứa oxy vật liệu silicone thể tích: 500ml - Dây oxy vật liệu PVC 2m - Trờ kháng hít vào/ thở ra ≤ 5 cmH2O tại 50LPM - Van POP-OFF giải phóng khí khi áp suất 30~45cmH2O tại 15LPM - Khoảng chết <6ml - Thể tích cung cấp mong đợi lên đến 125ml - Tốc độ dòng oxy 2l/ph-15l/ph, phần trăm oxy vận chuyển từ 92%-99% (sơ sinh)	01 cái/ hộp	Cái	1	252.000	252.000	N08.00.310.54 82.000.0002		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM
74	PP26000 16687	Bọt tiền xử lý dụng cụ phẫu thuật	Bọt tiền xử lý dụng cụ phẫu thuật	Deconex Foam Plus	2025	Thụy Sĩ	Borer Chemie AG	Thành phần: trong 100 g dung dịch chứa + Chất khử khuẩn: ≥ 0.20 g N,N-Didecyl-N-methyl-poly(oxyethyl) ammonium propionate; ≥ 0.20 g N-(3-aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine + Enzyme: protease + Chất hoạt động bề mặt Đặc tính: - Dung dịch dùng ngay - Phổ hoạt động rộng: diệt khuẩn, diệt nấm, diệt virus có vỏ bọc - Diệt vi khuẩn theo tiêu chuẩn: EN 13727, EN 14561, thời gian tiếp xúc: 5 phút - Diệt nấm theo tiêu chuẩn: EN 13624, EN 14562, thời gian tiếp xúc: 5 phút - Diệt virus theo tiêu chuẩn: EN 14476 và EN 17111, thời gian tiếp xúc 5-15 phút - pH của dung dịch sử dụng: khoảng 7.8 Tương thích vật liệu: - Tương thích với các vật liệu: thép không gỉ, nhôm, nhôm anot, các vật liệu plastic như PVC, PE Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Can 5 lít	Can	8	3.350.000	26.800.000	N01.02.050.60 32.274.0001		3408	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Khánh Lâm An

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, năm xuất	Nước xuất	Hạng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
75	PP26000 16689	Cấp điện cực máy điện tim	Cấp điện tim	CKA seri sau 2025	Trung Quốc	SHENZHEN YKID TECHNOLOGY CO.,LTD	Dây cấp điện tim dùng cho máy điện tim tương thích với các dòng máy của bệnh viện (các hãng như Nihon Kohden, GE, Fukuda ...); + Chất liệu: Nhựa y tế PVC + Các đầu nối bằng đồng nguyên chất + Phù hợp nhiều tiêu chuẩn đầu nối thiết bị + Chiều dài: 3m + Trở kháng: 1K Ω, 4,7K Ω, 10K Ω,... Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Túi 1 cái	Cái	7	1.950.000	13.650.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
76	PP26000 16690	Catheter thông mạch 18G/20G	Ông thông mạch 3Fr x 8cm	Delta Arterial Cannula 3Fr x 8cm từ đi 2025	Y	Delta Med S.p.A.	* Catheter thông mạch 20Ga dài 4,5cm hoặc 8cm * Thiết kế có sleeve (ống đỡ) ở đầu ra catheter giúp chống gãy gấp khi lưu lâu * Tốc độ dòng 20G x 4,5cm (23ml/phút), 20G x 8cm (18ml/phút) *Đóng gói đầy đủ phụ kiện +Guide wire đầu thẳng 0,021" x 20cm luôn sẵn trong catheter +Kim dẫn thẳng 20Ga x 4cm +Bơm tiêm 2,5cc	Cái/ gói	Cái	50	452.000	22.600.000	N04.04.010	N04.04.010	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DSC VIỆT NAM
77	PP26000 16691	Catheter dòng mạch đôi có đầu cảm biến áp lực và nhiệt độ	Catheter dòng mạch đôi có đầu cảm biến áp lực và nhiệt độ	PV2015 L20-A từ về sau 2024	Đức	Pulsion Medical Systems SE	- Gồm catheter dòng mạch, ống đặt dây dẫn, dây dẫn cùng với tay định lượng, banh ống mạch - Được dùng để theo dõi huyết động học ít xâm lấn - Thiết bị gồm một đầu cảm biến nhiệt tại đầu catheter dùng trong phương pháp pha loãng nhiệt qua phổi - Có màng thư hai để đo huyết áp động mạch - Chất liệu được làm bằng Polyurethane - Đường kính vòng ngoài: 5F - Chiều dài sử dụng: 200mm - Đặc tính và chiều dài của dây dẫn: Đường kính 0,53 mm/ chiều dài 600mm - Chiều dài của kim dẫn: + Kim 18G/ chiều dài 80 mm + Kim 20G/ chiều dài 55 mm - Que nong mạch: Đường kính ngoài 1,8 mm	01 bộ/ túi	Bộ	03	9.000.000	27.000.000	N04.04.010.35	N04.04.010.35	9018905	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THUY

STT	Mã phân (16)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
78	PP2600016692	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	CVC-1 14G20	2025 trở về sau	Trung Quốc	Royal Fornia Medical Equipme nt Co., Ltd	Bộ bao gồm 1. Catheter vật liệu PU (polyurethane), có vạch chia cm đánh dấu vị trí đặt ống chính xác, có cân quang 14G dài 20cm. 2. Dây dẫn đường nitinol đầu J mềm linh hoạt 0.035" x 60cm 3. 01 Kim nong 7Fr x 10cm 4. 01 Kim dẫn hướng 18Gax66.0mm 5. 01 Đầu kết nối chữ Y kết hợp với kim dẫn hướng và bơm tiêm 6. 01 bơm tiêm 7. 01 dao mổ 11 8. 01 bơm tiêm có lỗ luồn guidewire. Có thể kết hợp tự do kim dẫn hướng với bơm tiêm dẫn hướng màu xanh hoặc đầu nối chữ Y * Đóng gói tiết trùng * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	1 cái/bộ	Cái	30	204.000	6.120.000		N04.04.010	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
79	PP2600016693	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	CVC-2 7F 20	2025 trở về sau	Trung Quốc	Royal Fornia Medical Equipme nt Co., Ltd	Bộ bao gồm 1. Catheter vật liệu PU (polyurethane), có vạch chia cm đánh dấu vị trí đặt ống chính xác, có cân quang 7Fr dài 20cm. 2. Dây dẫn đường nitinol đầu J mềm linh hoạt 0.035" x 60cm 3. 01 Kim nong 8.5Fr x 10cm 4. 01 Kim dẫn hướng 18Gax66.0mm 5. 01 Đầu kết nối chữ Y kết hợp với kim dẫn hướng và bơm tiêm 6. 01 bơm tiêm 7. 01 dao mổ 11 8. 01 bơm tiêm có lỗ luồn guidewire. Có thể kết hợp tự do kim dẫn hướng với bơm tiêm dẫn hướng màu xanh hoặc đầu nối chữ Y * Đóng gói tiết trùng. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	1 cái/bộ	Cái	50	232.000	11.600.000		N04.04.010	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
80	PP2600016694	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	CVC-3 7F 20	2025 trở về sau	Trung Quốc	Royal Fornia Medical Equipme nt Co., Ltd	Bộ bao gồm 1. Catheter vật liệu PU (polyurethane), có vạch chia cm đánh dấu vị trí đặt ống chính xác, có cân quang 7Fr dài 20cm. 2. Dây dẫn đường nitinol đầu J mềm linh hoạt 0.035" x 60cm 3. 01 Kim nong 8.5Fr x 10cm 4. 01 Kim dẫn hướng 18Gax66.0mm 5. 01 Đầu kết nối chữ Y kết hợp với kim dẫn hướng và bơm tiêm 6. 01 bơm tiêm 7. 01 dao mổ 11 8. 01 bơm tiêm có lỗ luồn guidewire. Có thể kết hợp tự do kim dẫn hướng với bơm tiêm dẫn hướng màu xanh hoặc đầu nối chữ Y * Đóng gói tiết trùng. * Đạt tiêu chuẩn: CE	1 cái/bộ	Cái	10	246.000	2.460.000		N04.04.010	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, sản xuất	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hàng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu				
81	PP26000	Chất hỗ trợ làm khô và làm bóng dụng cụ	Chất hỗ trợ làm khô và làm bóng dụng cụ	41 Clear	2025	Thụy Sĩ	Borer Chemie AG	- Hỗ trợ làm khô, làm bóng dụng cụ, tránh tạo thành đốm nước trên bề mặt dụng cụ - Phù hợp sử dụng cho máy rửa khí khuẩn tự động - Tương thích với phương pháp tiệt khuẩn bằng hơi nước Axit citric (% theo khối lượng): ≥ 15 % - < 30% Chất hoạt động bề mặt không ion: < 5% Nồng độ sử dụng tối đa: ≤1.5 mL/L pH của dung dịch pha loãng ở nồng độ 1%: khoảng 2.6 Tiêu chuẩn: ISO 13485.	can 5 lít	Can	4	2.700.000	10.800.000	N01.02.050.60	32.274.0004	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Khánh Lâm An	3402	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa MED.LC	3006	TNHH Dầu Tư Ovi Vina
82	PP26000	Chỉ khâu phẫu thuật (Polypropylene) số 1, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2c, dài 40 mm	Chỉ khâu phẫu thuật (Polypropylene) số 1, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2c, dài 40 mm	PP40A4 HL100X 0	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Chỉ khâu phẫu thuật CPT	Chỉ khâu phẫu thuật (Polypropylene) số 1, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2c, dài 40 mm (đồng gói khay nhựa Race Track giảm như hình) kim thép series 300 chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh kim kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cán bảo sôm, tái nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.	12 tệp /hộp	Tệp	180	63.000	11.340.000	N05.02.030.1141.000.0296	N05.02.030	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa MED.LC	3006	TNHH Dầu Tư Ovi Vina		
83	PP26000	Chỉ khâu phẫu thuật không tan đơn sợi Polypropyl en số 2/0	Chỉ khâu phẫu thuật không tan đơn sợi Polypropyl en số 2/0	PL8926	2025	Ấn Độ	Lotus	Chỉ khâu phẫu thuật không tan đơn sợi Polypropylene số 2/0 - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420). Kim không mài, kim phủ silicon. 2 kim tròn 1/2C dài 26mm - Chi phẫu thuật dài 90 cm - Chi được làm từ 100% polypropylene - Tiệt trùng - Giấy chứng nhận: ISO 13485	12 tệp/ hộp	Tệp	420	28.164	11.828.880	N05.02.030.2870.115.0001	N05.02.030	Công ty TNHH Dầu Tư Ovi Vina	3006	TNHH Dầu Tư Ovi Vina		
84	PP26000	Chỉ khâu phẫu thuật không tan đơn sợi Polypropyl en số 3/0	Chỉ khâu phẫu thuật không tan đơn sợi Polypropyl en số 3/0	PL8832	2025	Ấn Độ	Lotus	Chỉ khâu phẫu thuật không tan đơn sợi Polypropylene số 3/0 - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420). Kim không mài, kim phủ silicon. 2 kim tròn 1/2C dài 26mm - Chi phẫu thuật dài 90 cm - Chi được làm từ 100% polypropylene - Tiệt trùng - Giấy chứng nhận: ISO 13485	12 tệp/ hộp	Tệp	510	28.164	14.363.640	N05.02.030.2870.115.0001	N05.02.030	Công ty TNHH Dầu Tư Ovi Vina	3006	TNHH Dầu Tư Ovi Vina		

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
85	PP26000 16700	Chỉ khâu phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0	Chỉ khâu phẫu thuật không tan tổng hợp Teklene (Polypropylene) số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm	TPP15H R26X2L 90	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Chỉ khâu phẫu thuật CPT	Chỉ khâu không tan tổng hợp Teklene (Polypropylene) số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm (đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhôm hình) kim thép series 300 chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Tiêu chuẩn: ISO, TCCS, TCVN, CE	12 tép/ hộp	Tép	190	38.850	7.381.500	N05.02.030.11 41.000.0302	N05.02.030		Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
86	PP26000 16701	Chỉ khâu phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0	Chỉ khâu phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5/0-75cm; 1/2C-13mm	PAB (PAB-PAKHA 62ABB H1)	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Chỉ khâu tiêu đơn sợi tổng hợp Polypropylene số (đường kính) 5/0 - Chỉ khâu phẫu thuật dài 75 cm - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420). Kim không mắt, kim Premium, công nghệ U-file, phủ silicon. 2 kim tròn, bán kính cong kim 1/2C dài 13mm - Chỉ được làm từ 100% polypropylene, màu xanh dương - Tiệt trùng bằng khí Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80). - Giấy chứng nhận: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Sợi/Tép 12 tép/hộp	Sợi	72	58.000	4.176.000	N05.02.030.09 72.000.0010		3006	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOA VY
87	PP26000 16702	Chỉ khâu phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0	Chỉ khâu phẫu thuật không tan tổng hợp Trustilene (Polypropylene) số 6/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm	PP07BB 10L60	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Chỉ khâu phẫu thuật CPT	Chỉ khâu không tan tổng hợp Trustilene (Polypropylene) số 6/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm, kim thép series 300 chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Chỉ được đóng trong khay ít nhôm hình hoặc đóng tép dạng dài. Tiêu chuẩn: ISO, TCCS, TCVN, CE	Hộp 12 sợi	Sợi	24	78.750	1.890.000	N05.02.030.11 41.000.0033	N05.02.030		Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C

STT	Mã phần (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
88	PP26000 16703	Chỉ khâu phẫu thuật không tan (Polypropylene) sợi 7/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 8 mm	Chỉ khâu tan tổng hợp Trustilen e (Polypropylene) sợi 7/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 8 mm	PP05BB 08L60	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Chí phẫu thuật CPT	Chỉ không tan tổng hợp Trustilene (Polypropylene) số 7/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 8 mm, kim thép series 300 chứa (Ni)ken, Titanium, Chromium và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2,750 MPa, Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Chỉ được đóng trong khay ít nhớ hình hoặc đóng nếp dẹt dài.	Hộp/12 tệp	Tệp	72	7.371.000	N05.02.030.11 41.000.0026	N05.02.030	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế - Khoa học kỹ thuật MEDIC	
89	PP26000 16704	Chỉ khâu phẫu thuật làm bằng chất liệu tơ (silk), số 2/0, dài 60cm, kim không sợi x 60cm	Chỉ khâu phẫu thuật làm bằng chất liệu tơ (silk), số 2/0, dài 60cm, kim không sợi x 60cm	SE10X6 0	2024-2025	Ấn Độ	Healthium Meditech Limited	Chỉ không tan tự nhiên số 2/0, chất liệu silk, dài 60cm, không Xur ty tiết trùng bằng EO (Ethylene Oxide).	Hộp 12 tệp	Tệp	36	399.168	N05.02.030.23 65.115.0030	N05.02.030	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LAM	
90	PP26000 16705	Chỉ khâu phẫu thuật làm bằng chất liệu tơ (silk), số 3/0 kim tam giác.	Chỉ khâu phẫu thuật làm bằng chất liệu tơ (silk), số 3/0, (KCA-KOGJA6 ICABN1	KCA-KOGJA 61CAB (N1)	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Trang Y tế Việt USM Healthcare	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk - 1 kim, đa sợi, Đường kính 3/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420), Kim không mài, kim Premium, công nghệ U-Filo. - Đầu tam giác, dài 18 mm, bán kính cong kim 3/8C - Lực kéo đứt khi thắt nút tiêu 9 Newton - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 6,8 Newton - Tiết trùng bằng khí Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80). - Giấy chứng nhận: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	24 tệp/hộp	Tệp	350	4.200.000	N05.02.030.09 72.000.0112	3006	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOA VY	

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
91	PP26000 16706	Chỉ khâu phẫu thuật làm bằng chất liệu tơ (silk), số 3/0 kim tròn	Chỉ lùa sợi bên không tiêu Silk 3/0 kim tròn	Silk Braided Suture 3-0	2025 trở về sau	Trung Quốc	Huaiyin Medical Instruments	Chỉ khâu phẫu thuật vô trùng không tiêu Silk là một chất liệu chỉ khâu phẫu thuật tự nhiên, không thấm nước phủ sáp hoặc silicon, được chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori. Số 3/0 dài 75cm. - Chỉ có bề mặt trơn nhẵn, độ bền kéo cao, không gây dị ứng, không gây độc tế bào và không có độc tính di truyền. Chỉ khâu silk có thể tồn tại lâu dài, với thời gian tiếp xúc mô hơn 180 ngày. - Lực căng kéo (độ bền kéo): $\geq 1,35\text{Kg}$ - Lực tách kim và chỉ: $\geq 1,69\text{Kg}$ - Kim bằng thép không gỉ 302 được sản xuất từ tập hợp các hợp kim crom-niken dựa trên sắt được thiết kế để chống lại sự ăn mòn (thép không gỉ chống ăn mòn AISI 300), phủ silicon, có đặc tính đâm thủng tốt. Kim tròn dài 26mm, 1/2 vòng tròn. - Đóng gói bằng túi giấy Tyrek tiệt trùng từng sợi, bằng tia Gamma. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE (Châu Âu)	1 sợi/gói 12 sợi/hộp	Tép	24	7.999	191.976	N05.02.030.56 45.279.0001	N05.02.030	3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
92	PP26000 16707	Chỉ khâu phẫu thuật tự tan đơn sợi làm từ collagen tinh khiết số 4/0	Chỉ tan chậm tự nhiên Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	C20A26	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Chỉ khâu phẫu thuật CPT	- Chỉ tự tiêu tự nhiên tan chậm đơn sợi, chất liệu collagen tinh khiết, màu nâu. Chỉ giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày. Cấu trúc vững chắc, sợi tròn, không gợn cục, không có xơ tua hay mối nối - Kích cỡ: số 4/0, dài $\geq 75\text{cm}$. - Kim tròn 1/2c, dài 26mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon - Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.76 Kg - Tiệt trùng EO/CO₂ tỉ lệ 20:80. - Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiêu chuẩn: ISO, TCCS, TCVN, CE	Hộp/30 tép	Tép	120	26.460	3.175.200	N05.02.050.11 41.000.0043	N05.02.050		Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
93	PP26000 16708	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 2/0	Chỉ phẫu thuật không tiêu ARES - Chỉ Nylon 2/0, chỉ dài 75cm, 1 kim đầu tam giác 3/8C, dài 24mm	MCA (MCA-MAKK A61CA BU1)	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon - 1 kim, đơn sợi (chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6). Đường kính 2/0, dài 75 cm, màu xanh dương Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420). Kim không mắt, kim Premium, công nghệ U-filo, phủ silicone Đầu tam giác, dài 24 mm, bán kính cong kim 3/8C Lực kéo đứt khi thắt nút tối thiểu 9 Newton Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 6,8 Newton - Tiệt trùng bằng khí Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO₂ tỉ lệ 20:80). - Giấy chứng nhận: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	24 tép/hộp	Tép	120	12.000	1.440.000	N05.02.030.09 72.000.0391		3006	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOA VY

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu	
94	PP26000 16709	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 10/0, dài 13mm, 1/2C	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 10/0, dài 13mm, 1/2C		2025	Mexico	Ethicon, Inc	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6 hoặc 6/6 số 10/0 dài 30cm, 2 kim hình thang Micro-point spatula TG 140-6 dài 6,5mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, được phủ bột lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đạt Tiêu Chuẩn: CE	12 tộp/hộp	Tộp	56	258.300	14.464.800	N05.02.030.20 25.175.0036	N05.02.030	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
95	PP26000 16710	Chi không tan tổng hợp đơn sợi (Nylon) Teklon 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm, kim thép series 300 chứa (Niken, Titanium, Chromium và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Lực kéo đứt khi thật nút tới thiểu 9 Newton Lực liên kết giữa kim và chỉ tới thiểu 6,8 Newton Tiêu chuẩn: ISO, TCCS, TCVN, CE	Chi không tan tổng hợp đơn sợi (Nylon) số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm, kim thép series 300 chứa (Niken, Titanium, Chromium và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Lực kéo đứt khi thật nút tới thiểu 9 Newton Lực liên kết giữa kim và chỉ tới thiểu 6,8 Newton Tiêu chuẩn: ISO, TCCS, TCVN, CE	Công ty TNHH Chi phẫu thuật CPT	2025	Việt Nam	Chi phẫu thuật CPT		24 tộp/ hộp	Tộp	600	9.975	5.985.000	N05.02.030.11 41.000.0309	N05.02.030	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
96	PP26000 16711	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 6/0, dài 45cm, 1 tam giác 3/8C, dài 12mm	Chi phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6 hoặc polyamide 6/6, dài 45 cm, màu xanh dương Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420). Kim không mất, kim Premium, công nghệ U-Filo, phủ silicone Đầu tam giác, dài 12 mm, bán kính cong kim 3/8C Lực kéo đứt khi thật nút tới thiểu 9 Newton Lực liên kết giữa kim và chỉ tới thiểu 6,8 Newton - Tiệt trùng bằng khí Ethylene oxide (EO) 100% hoặc EO/CO ₂ tiệt trùng 20:80, là 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Công ty Cổ phần Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Việt Nam	Việt Nam	2025	trở về sau	MCA (MCA-MAKG A01CA BFI)	trở về sau	2025	Việt Nam	trở về sau	2025	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOA VY

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
97	PP26000 16712	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 3/0 có kim	Nylon 3/0	Nylon	2025 trở về sau	Trung Quốc	Shandong Haidike Medical Products Co., Ltd.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon - 1 kim, đơn sợi (chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6). Đường kính 3/0, dài ≥75 cm Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420). Kim không mắt, phủ silicone Đầu tam giác, dài 24 mm, bán kính cong kim 3/8C Lực kéo đứt khi thắt nút tối thiểu 9 Newton Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 6,8 Newton - Tiệt trùng	24 tệp/ hộp	Tệp	3.600	7.850	28.260.000	N05.02.040.58 73.279.0003		3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
98	PP26000 16713	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 5/0	Nylon 5/0	Nylon	2025 trở về sau	Trung Quốc	Shandong Haidike Medical Products Co., Ltd.	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon - 1 kim, đơn sợi (chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6). Đường kính 5/0, dài ≥75 cm Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420). Kim không mắt, phủ silicone Đầu tam giác ngược, dài 16 mm, bán kính cong kim 3/8C Lực kéo đứt khi thắt nút tối thiểu 9 Newton Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 6,8 Newton - Tiệt trùng	24 tệp/ hộp	Tệp	1.080	7.850	8.478.000	N05.02.040.58 73.279.0009		3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
99	PP26000 16714	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 7/0	Chỉ phẫu thuật không tiêu ARES - Chỉ Nylon 7/0, chỉ dài 75cm, 1 kim đầu tam giác 3/8C, dài 13mm	MCA (MCA-MAKFA 61CAB H1)	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon - 1 kim, đơn sợi (chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6). Đường kính 7/0, dài 75 cm, màu xanh dương Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420). Kim không mắt, phủ silicone Đầu tam giác, dài 13 mm, bán kính cong kim 3/8C Lực kéo đứt khi thắt nút tối thiểu 9 Newton Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 6,8 Newton - Tiệt trùng bằng khí Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80). - Giấy chứng nhận: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	24 tệp/ hộp	Tệp	120	27.000	3.240.000	N05.02.030		3006	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOA VY

STT	Mã phần (10)	Danh mục thương mại	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
100	PP26000 16715	Chi Caresorb da sợi tổng hợp (Polyglac tin 910) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	Chi Caresorb da sợi tổng hợp (Polyglac tin 910) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	GT30A2 6	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Chi phẫu thuật CPT	Chi tan tổng hợp da sợi Caresorb (Polyglactin 910) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, được bọc bột 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, kim thép series 300 chứa (Niiken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Tiêu chuẩn: ISO, TCSS, TCVN, CE, FDA	12 tệp/ hộp	Tệp	36	47.250	1.701.000	N05.02.090.11	N05.02.090	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
101	PP26000 16716	Chi Novosyl 4/0, dài 45cm, kim tam giác PRIME 16mm, 3/8C	Chi Novosyl 4/0, dài 45cm, kim tam giác PRIME 16mm, 3/8C	W3205	trở về 2025	Mexico	Ethicon, Inc	Chi tiêu tổng hợp đơn sợi polyglactoprone 25 số 4/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược, bằng thép Ethallloy có chứa (Niiken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa có phủ silicone cải tiến, dài 16mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 7 ngày 20% sau 14 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 90 - 120 ngày. Đạt Tiêu chuẩn: CE	12 tệp/ hộp	Tệp	120	193.410	23.209.200	N05.02.040.20	N05.02.040	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
102	PP26000 16717	Chi tan da sợi Poly (glycolide- co-L-lac- tide) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	Chi tan da sợi Caresorb (Polyglac tin 910) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	GT20A2 6	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Chi phẫu thuật CPT	Chi tan tổng hợp da sợi Caresorb (Polyglactin 910) số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, được bọc bột 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, kim thép series 300 chứa (Niiken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Tiêu chuẩn: ISO, TCSS, TCVN, CE, FDA	12 tệp/ hộp	Tệp	36	47.250	1.701.000	N05.02.090.11	N05.02.090	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
103	PP26000 16718	Chỉ tan tổng đơn sợi số 4/0	Chỉ phẫu thuật Oryl PD Mono số 4/0	9G75DZ 20	2025	Ấn Độ	Orion Sutures (India) Pvt Ltd	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đơn sợi tổng hợp - Chất liệu Polydioxanone - Cỡ chỉ số 4/0 dài $\geq 75\text{cm}$ - Trương lực còn lại tối thiểu 70% sau 14 ngày, 50 - 60% sau 28 ngày. Tiêu hoàn toàn trong 180 - 210 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 20mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	12 sợi/hộp	Sợi	280	30.250	8.470.000		N05.02.040	3006	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
104	PP26000 16719	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi Polyglactin 370 là Calcium Stearate số 6/0	Chỉ phẫu thuật Mitsui 6/0 dài 45cm, kim tròn 1/2C 13mm	PGN609 981	từ năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Meril Endo Surgery Pvt. Ltd	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 6/0 dài 45cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 13mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Hộp/ 12 tệp	Tệp	48	44.100	2.116.800	N05.02.090.30 76.115.0027	N05.02.090	3006	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ANH DƯƠNG
105	PP26000 16721	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi Polyglactin 370 và Calcium Stearate số 3/0	Chỉ phẫu thuật Oryl 910 số 3/0	10F75D 226	2025	Ấn Độ	Orion Sutures (India) Pvt Ltd	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi - Chất liệu poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% calcium stearate - Cỡ chỉ số 3/0 dài $75\text{cm} \pm 5\%$ - Độ bền kéo nút thắt đạt tối thiểu 2,5 kgf - Giữ vết thương trong khoảng 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ 302, phủ silicon. - Thân kim hình vuông, có rãnh để kẹp kim được chắc trong lúc thao tác. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín. - Tiêu chuẩn CE	12 sợi/hộp	Sợi	1.700	24.750	42.075.000	N05.02.040.58 07.115.0022	N05.02.040	3006	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn xuất	Năm xuất	Nước xuất	Hang xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (nếu có) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu				
106	PP26000 16722	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi Calcium Stearate số 5/0	Solus 910	LNW25 28STP-910	2025	Ấn Độ	Lotus	- Chất liệu Poly (glycolide-co-lactide 90/10) - Bao phủ bột 50% Poly(glycolide-co-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 5/0 dài 75cm - Trục lực còn lại 81% sau 14 ngày, 60% sau 21 ngày. Gọt vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 54 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 17mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông (phần nối chỉ), có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong là nhóm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	12 tệp/ hộp	Tệp	1200	27.869	33.442.800	N05.02.090.28 70.115.0001	N05.02.090.28	Công Ty TNHH Dầu Tự Ovi Vina	3006	N05.02.090	
107	PP26000 16723	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi Calcium Stearate số 1	Chi phẫu thuật Oryl 910 số 1	10C90D Z40	2025	Ấn Độ	Sutures (India) Pvt Ltd	Chi khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi - Chất liệu poly (glycolide-co-lactide 90/10) - Bao phủ bột 50% poly(glycolide-co-lactide 30/70) + 50% calcium stearate - Cỡ chỉ số 1 dài 90cm±5% - Độ bền kéo đứt đạt tối thiểu 7,5 kgf - Gọt vết thương trong khoảng 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 40mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ 302, phủ silicon. - Thân kim hình vuông, có rãnh để kẹp kim được chắc trong lúc thao tác. - Chỉ được đóng trong là nhóm hàn kín. - Tiêu chuẩn CE	12 sợi/hộp	Sợi	2.500	25.740	64.350.000	N05.02.040.58 07.115.0001	N05.02.040.58	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	3006	N05.02.040	
108	PP26000 16724	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi Calcium Stearate số 2/0	Chi phẫu thuật Oryl 910 số 2/0	10E75D Z26	2025	Ấn Độ	Sutures (India) Pvt Ltd	Chi khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi - Chất liệu poly (glycolide-co-lactide 90/10) - Bao phủ bột 50% poly(glycolide-co-lactide 30/70) + 50% calcium stearate - Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm±5% - Độ bền kéo đứt đạt tối thiểu 3,7 kgf - Gọt vết thương trong khoảng 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ 302, phủ silicon. - Thân kim hình vuông, có rãnh để kẹp kim được chắc trong lúc thao tác. - Chỉ được đóng trong là nhóm hàn kín. - Tiêu chuẩn CE	12 sợi/hộp	Sợi	3.000	24.750	74.250.000	N05.02.040.58 07.115.0002	N05.02.040.58	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	3006	N05.02.040	

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
109	PP26000 16725	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi Polyglactin 370 và Calcium Stearate số 4/0	Chỉ phẫu thuật Oryl 910 số 4/0	10G75D Z20	2025	Ấn Độ	Orion Sutures (India) Pvt Ltd	- Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 4/0 dài ≥ 75cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 20mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	12 sợi/hộp	Sợi	600	24.750	14.850.000	N05.02.040.58 07.115.0004	N05.02.040	3006	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
110	PP26000 16726	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc Polyglactin 370 và Calcium Stearate số 0	Chỉ phẫu thuật Oryl 910 số 0	10D90D Z40	2025	Ấn Độ	Orion Sutures (India) Pvt Ltd	- Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 0 dài ≥ 90cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 40mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	12 sợi/hộp	Sợi	24	25.740	617.760	N05.02.040.58 07.115.0021	N05.02.040	3006	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
111	PP26000 16727	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 8/0	Chỉ phẫu thuật Mitsui 8/0 dài 30cm, hai kim hình thang 3/8C 6.5mm	PGN809 560DN	từ năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Meril Endo Surgery Pvt. Ltd	- Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 8/0 dài 30cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày 2 kim hình thang 3/8 vòng tròn, dài 6.5mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Hộp/ 12 tệp	Tệp	12	178.500	2.142.000	N05.02.090.30 76.115.0064	N05.02.090	3006	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ANH DƯƠNG

STT	Ma phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hàng xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Ma vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021	Ma nhóm theo Thông tư 14/4/2017	MA HS	Tên nhà thầu
112	PP26000 16728	Chỉ thép bánh chè xuong số 5, dài 75 cm, dày 5 mm	Chỉ thép Caresteel	5, dài 75 cm, dày 5 mm	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Chi thép Caresteel số 5, dài 75 cm, kim loại 1/2c, dài 55 mm	Chỉ thép Caresteel số 5, dài 75 cm, kim loại 1/2c, dài 55 mm	12 rập /hộp	Tép	48	6.804.000	N05.02.070.11	N05.02.070	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khoa học kỹ thuật MEDIC	
113	PP26000 16729	Chỉ thí hóa học kiểm soát tiết độ nhiệt độ hấp thụ bằng khí ethylene oxide	Chỉ thí hóa học kiểm soát tiết độ nhiệt độ hấp thụ bằng khí ethylene oxide	Ký mã hiệu: 1251 Nhãn hiệu: 3M™ Công ty: 3M	Từ năm 2025	Nước Mỹ	Hàng sản xuất: Hang Proppe Mfg. Co., Inc. Hạng chủ sở hữu: 3M Company	Sử dụng tương thích Máy tiệt khuẩn EO 3M steri-vac seri GS5, Model: GS5-2D	240 hộp/ 4 hộp/ thùng	Miếng	2.500	8.500.000	N00.00.000.00	N00.00.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ THAI SON	
114	PP26000 16730	Chỉ thí kiểm soát pha rửa của máy rửa khử khuẩn tự động	Chỉ thí kiểm soát pha rửa của máy rửa khử khuẩn tự động	CDWA4	2025	Argentina	Terragen e S.A	Đánh giá hiệu quả của quá trình làm sạch cho máy rửa khử khuẩn tự động	200 miếng/ gói	Miếng	400	33.000	13.200.000	Không phải	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Khánh Lâm An	

Đánh giá hiệu quả của quá trình làm sạch cho máy rửa khử khuẩn tự động

Đánh giá hiệu quả của quá trình làm sạch với máy rửa dùng cu

- Kích thước: 70 x 30mm ± 5%

- Màu ban đầu: Fuchsia (màu hồng).

- Kết quả: loại bỏ chất hữu cơ màu hồng.

- Đọc kết quả sử dụng bằng hướng dẫn theo hướng dẫn sử dụng

- Có thể đọc kết quả sử dụng máy đọc kết quả tự động

- Tiêu chuẩn: ISO 13485

Sử dụng tương thích Máy tiệt khuẩn EO 3M steri-vac seri GS5, Model: GS5-2D

Chỉ thí hóa học bên trong gói dùng đánh giá chất lượng tiệt khuẩn cho quy trình tiệt khuẩn với khí EO 100% hoặc hỗn hợp khí EO/HCF (hydrochlorofluorocarbon)

- Cầu tạo:

+ Kiểu đục lỗ ở giữa cho phép sử dụng toàn bộ hoặc nửa chiều dài tùy thuộc vào kích thước gói khác nhau.

+ Một chỉ thí hóa học bên trong nên được sử dụng bên trong mỗi gói cần khử khuẩn.

- Kích thước: 1,5cm x 20cm

- Màu đỏ trên que chỉ thí hóa học chuyển sang màu xanh lá khi đạt các điều kiện tiệt khuẩn bằng khí EO

- Mục chỉ thí đối màu sau khi tiếp xúc với các thông số quan trọng của quá trình tiệt khuẩn EO (nồng độ khí EO, thời gian và nhiệt độ, độ ẩm)

- Phù hợp cả chu trình tiệt khuẩn EO ở 38 độ C và 55 độ C

- Thành phần: Giấy với độ hoà màu đen và mực chỉ thí 100%

- Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO 13485:2016

- Xuất xứ: Mỹ (GT)

Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
115	PP26000 16731	Chỉ thị sinh học kiểm soát tiết trùng EO, sử dụng với máy đọc 390G	Chỉ thị sinh học 3M Attest™ Biological Indicator s 1294	Ký mã hiệu: 1294 Nhãn hiệu: 3M™ Attest™	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	3M Company	Chỉ thị sinh học dùng để để kiểm tra chất lượng và kiểm soát nhanh chóng quá trình tiệt khuẩn EO (ethylene oxide) - Cho kết quả nhanh trong 4 giờ với máy đọc 3M™ Attest™ Auto-reader 390G của Bệnh viện - Nhiệt độ ủ: 37°C - Cấu tạo: - Bảo tử Bacillus atrophaeus - Ống thủy tinh chứa môi trường tăng trưởng; - Chỉ thị hóa học trên nhãn chuyển màu sau khi tiếp xúc với khí EO - Chỉ thị hóa học trên nhãn sẽ chuyển sang màu xanh lá khi tiếp xúc với khí ethylene oxide - Thành phần: Lọ nhựa và nắp 35-45%, Môi trường sinh học 30-40%, Ống thủy tinh 15-25%, Máng chắn 1-3%, Nhãn với mực chỉ thị 1-3%, Dải bảo tử Bacillus atrophaeus 0.1-1% - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO 13485-2016 - Xuất xứ: Mỹ (G7)	50 ống/ hộp; 4 hộp/ thùng	Ông	100	108.650	10.865.000	N00.00.000.00 05.175.0022	N00.00.000	4E+07	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ THÁI SON
116	PP26000 16732	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 4/0	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi Trustisorb (Polyglecaprone 25) số 4/0 màu trắng, dài 45 cm, kim tam giác thẩm mỹ 3/8c, dài 16 mm	GCU15E 16PL45	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Chỉ phẫu thuật CPT	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi Trustisorb (Polyglecaprone 25) số 4/0 màu trắng, dài 45 cm, kim tam giác thẩm mỹ 3/8c, dài 16 mm. Được cấu thành từ 75% glycolide và 25% epsilon-caprolactone, kim thép series 300 chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 21-28 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 90 đến 120 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Duy trì sức căng: 50-60% sau 1 tuần, 20-30% sau 2 tuần. Tiêu chuẩn: ISO, TCCS, TCVN, CE	12 tệp/ hộp	Tệp	12	75.600	907.200	N05.02.060.11 41.000.0041	N05.02.060		Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
117	PP26000 16733	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 5/0	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi Trustisorb (Polyglecaprone 25) số 5/0 màu trắng, dài 45 cm, kim tam giác thẩm mỹ 3/8c, dài 16 mm	GCU10E 16PL45	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Chỉ phẫu thuật CPT	Chỉ tan nhanh tổng hợp đơn sợi Trustisorb (Polyglecaprone 25) số 5/0 màu trắng, dài 45 cm, kim tam giác thẩm mỹ 3/8c, dài 16 mm. Được cấu thành từ 75% glycolide và 25% epsilon-caprolactone, kim thép series 300 chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 21-28 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 90 đến 120 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Duy trì sức căng: 50-60% sau 1 tuần, 20-30% sau 2 tuần. Tiêu chuẩn: ISO, TCCS, TCVN, CE	12 tệp/ hộp	Tệp	75	94.500	7.087.500	N05.02.060.11 41.000.0038	N05.02.060		Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C

STT	Mã phần (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước xuất sản	Hạng xuất sản	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
118	PP26000 16734	Chối rửa kênh dùng một lần			2025	Trung Quốc	Pengtian Zhui Medical Instrument Ltd.	- Gồm có một chốt rửa kênh làm việc và một chốt rửa van khi nước. - Chối rửa kênh làm việc: loại có hai đầu chốt, đường kính chốt 1.8mm, chiều dài 2300mm. - Chối rửa van: loại có hai đầu chốt, đường kính chốt 5mm và 12mm, chiều dài chốt 40mm. Kích thước tay cầm 16x72mm. - Phù hợp với đường kính kênh 2.0mm/ 2.8mm.	125 cái/ hộp	Cái	5	180.000	900.000				Công ty Cổ phần Vật tư và Trang thiết bị y tế CMD
119	PP26000 16737	Còn rửa tay nhanh	CLEAN WEL SHIELD	Y tế A thiết bị Đồng	2025	Nam Việt	Sản xuất TNHH Thương mại dịch vụ Lolipop	Hoạt chất: Ethanol 50% (w/w), Isopropanol 28% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w), Hệ dưỡng ẩm: Glycerine... Chất tạo màu, hương liệu. Hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l) Cò giấy chứng nhận hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l) Tiêu chuẩn: ISO 9001:2015	12 chai/ thùng 500ml	Chai	2500	49.350	123.375.000	Không phải	Không phải	Công ty TNHH Dược và Trang thiết bị y tế A Đông	
120	PP26000 16739	Cuộn túi đựng thuốc sắc	Cuộn đựng thuốc sắc	đồng y	2025	Nam Việt	Công ty TNHH LKsim Bắc	- Mặt trước có chữ thuốc sắc đồng túi, mặt sau có ghi hướng dẫn sử dụng, ngôn ngữ Tiếng Việt. - Kích thước: 400m x 10cm (DxR) - Trọng lượng: 9kg/cấp - Đóng túi loại: 180ml/túi - Chất liệu: PET/PE chịu nhiệt, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tiện lợi	2 cuộn/ cấp, 2 cấp/ thùng	Cấp	3	1.250.000	3.750.000				Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
121	PP26000 16740	Đại cốt lưng cao các số	Đại cốt lưng thấp (Loại 3)	Đại cốt lưng thấp (Loại 3)	2026	Nam Việt	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên	- Lamin từ đệm mút, vải có lỗ thoáng khí, thân nhẹ hợp kim nhôm uốn theo đường cong cơ thể ôm sát vùng lưng có thể rút ra được và khóa Velcro. Sản phẩm có hai dây chun có độ đàn hồi cao ở hai bên có tác dụng bó chặt sản phẩm vào vùng thắt lưng.	Túi 1 cái	Cái	50	110.000	5.500.000	51.000.0025	N07.06.050.12	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI
122	PP26000 16741	Đại cốt lưng thấp các số	Đại cốt lưng thấp (Loại 3)	Đại cốt lưng thấp (Loại 3)	2025	Nam Việt	Công ty TNHH Gia Hưng Na	- Lamin từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và hệ thống thanh nẹp đàn hồi. Sản phẩm gồm đệm mút, vải cotton và hệ thống thanh nẹp được bố trí đều ở vùng thắt lưng, hai dây chun ở hai bên làm tăng tính có độ đàn hồi của sản phẩm. Hỗ trợ ổn định giảm chịu lực vùng thắt lưng, đau cấp vùng thắt lưng, thoát hóa cột sống thắt lưng, trật đĩa đệm, thoát vị đĩa đệm, sai lệch cột sống vùng thắt lưng. Gồm túi thiếu các cỡ S, M, L, XL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1 cái/ gói	Cái	30	64.500	1.935.000	22.000.0033	N07.06.050.13	9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
123	PP26000 16742	Đai Desault các cỡ	Đai Desault	GLAHU - 005	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH MTV Gia Hưng Vi Na	- Gồm 2 phần: Phần 1 nâng đỡ tay ở tư thế điều trị, phần 2 quấn quanh người giúp cố định tay và khớp vai không bị di lệch, hai phần kết hợp với nhau bởi băng dính nhám - Chất liệu: Vải lưới mềm, có lỗ thoáng khí, khóa Velcro - Các cỡ: 1-2-3, 4-5-6, 7-8-9-10 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1 cái/ gói	Cái	100	63.000	6.300.000	N07.06.050.13 22.000.0057		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
124	PP26000 16743	Đai xương đòn các cỡ	Đai xương đòn các cỡ	GLAHU-004	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Một thành viên Gia Hưng Vi Na	- Chất liệu: đệm mút, vải cotton - Dây đai có băng nhám dính, được thiết kế định hình ôm quanh phần xương đòn và nách. - Chỉ định: Cố định chấn thương gãy xương đòn, trật khớp xương đòn, bả vai, khớp ức-đòn. - Các cỡ: 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1 cái/ gói	Cái	50	31.500	1.575.000	N07.06.050.13 22.000.0065		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
125	PP26000 16744	Dao đốt điện	Tay dao mổ điện đơn cực	CP1001	2025 trở về sau	Trung Quốc	Cathay Manufacturing Corporation	• Tay cầm bằng nhựa ABS có độ bền cao. Không chứa Latex. • Có 2 nút điều khiển: Nút màu vàng dùng để cắt (CUT), nút màu xanh dùng để cầm máu (COAG) • Điện cực (lưỡi dao) bằng thép không gỉ, chuôi hình lục giác, có thể tháo rời, dài 70mm • Đầu nối (phích cắm) loại 3 chân (3 chấu) theo tiêu chuẩn, tương thích với nhiều loại máy cắt đốt điện • Dây nối dài 3m, lớp cách điện bằng nhựa PVC • Tiết trùng • Đóng gói: túi 01 cái • Tiêu chuẩn: ISO 13485	Bì 1 Cái	Cái	2.000	27.153	54.306.000	N05.03.040.54 55.279.0001		9018	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH

STT	Mã phân (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu						
126	PP26000 16745	Dao mổ	Dao mổ	Feather các số	không có	từ năm 2025 trở về sau	Feather Razor Co., Ltd. Nhật Bản	- Chất liệu : Thép không rỉ. Thiết kế cân đối, mềm dẻo, rất sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. Thao tác thuận tiện cho các phẫu thuật mắt, tai mũi họng, thăm mỵ, tương thích với cân dao bằng tay. - Kích thước: - Lưỡi dao số 10: chiều cao lưỡi: 5,2mm-6,5mm, độ dài lưỡi: 24,0mm-26,5mm, độ dài lưỡi: 38,0mm-40,5mm. - Lưỡi dao số 11: chiều cao lưỡi: 5,3mm-6,2mm, độ dài lưỡi: 19,5mm-21,5mm. - Lưỡi dao số 12: chiều cao lưỡi: 8,0mm-11,1mm, độ dài lưỡi: 12,0mm-15,5mm, độ dài lưỡi: 35,0mm-37,2mm. - Lưỡi dao số 15: chiều cao: 2,8mm-4,0mm, độ dài lưỡi: 9,0mm-11,5mm, chiều dài lưỡi: 35,0-37,5mm. - Lưỡi dao số 20: chiều cao lưỡi: 7,6mm-9,1mm, độ dài lưỡi: 27,0mm-28,5mm, độ dài lưỡi: 44,4mm - 46,4mm. - Lưỡi dao số 21: chiều cao lưỡi: 7,6mm - 9,2mm, độ dài lưỡi: 32,0mm-34,1mm, độ dài lưỡi: 50,1mm-52,1mm. Độ dày: 0,38mm Độ cứng: 680-740 HV Góc đầu lưỡi dao: 22° cho lưỡi dao số 11 Rãnh căn lưỡi dao: 17,75mm cho số 10, 11 & 15 Đóng gói : Nhóm và màng nhựa. - Đông gói tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma. - Tiêu chuẩn Chất lượng: FDA, ISO, EC, Free Sales	Hộp/ 100 cái	Cái	6,000	4,620	27,720.000	N05.03.080.20	74,232.0002	N05.03.080	9018	CÔNG TY TNHH TRƯỜNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ANH DƯƠNG	CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT Y KHOA VIỆT LONG	9018	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀN THÔNG
127	PP26000 16746	Đầu đốt (không công) mũi người lớn và trẻ em	Đầu đốt Reflex Ultra 45	EIC 4845-01	2025	Costa Rica	Arthrocare Corporation	Đầu đốt cường mũi bằng công nghệ Plasma dùng cho máy Coblator II. - Đầu đốt cường mũi được uốn cong. - Thiết kế không có đường nước. - Trên đầu đốt mỏng, nhọn, có hai vách chia màu cam được sử dụng như một thước đo để định độ sâu của việc đưa vào trong cuống mũi.Đặt tiêu chuẩn ISO13485, FDA	1 cái/ hộp	Cái	4	6,500.000	26,000.000	91,146.0004	N05.03.020.45	N05.03.020	9018	CÔNG TY TNHH TRƯỜNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT Y KHOA VIỆT LONG	9018	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀN THÔNG	
128	PP26000 16750	Dây dao siêu âm mô mềm	Dây dao xanh dương	HPBLU E	2025	Mexico	Endo-Surgery S.A. de C.V. Planta de II, NPA	Bộ phân tạo ra xung động siêu âm, kết nối giữa máy phát Harmonic và dao siêu âm mô mềm (Dùng cho máy Gen II)	Hộp/1 cái	Cái	1	52,123.050	52,123.050	21,213.0011	N05.03.040.20	9018	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀN THÔNG	9018	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀN THÔNG		

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
129	PP2600016752	Dây hút dịch phẫu thuật dùng 1 lần	Dây hút dịch phẫu thuật	NM05	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Y tế Nhật Minh	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Túi 1 cái	Cái	3.000	8.379	25.137.000	N04.02.060.15 63.000.0002		9018	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
130	PP2600016753	Dây hút nhớt có khóa và không khóa (các số)	Dây hút đảm các số	GM-003-001	2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo Great Mountai n Medical Instruments Co., Ltd	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài ≥ 50 cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE	1cái/túi	Cái	20.000	1.870	37.400.000	N04.02.060.32 59.279.0001		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
131	PP2600016754	Dây máy thở dùng 1 lần	Bộ dây máy thở, GM-001-008A (người lớn; trẻ em)	GM-001-008A	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo Great Mountai n Medical Instruments Co.,Ltd	- Chất liệu: Nhựa PP trong y tế. Dây có dẫn có thể xếp lại được. - Chiều dài dây: 1.8m. Đường kính ngoài 22mm. - Chỉ số Lumen lớn, chống tắc nghẽn và độ trong suốt cho phép hình dung rõ ràng về chất lỏng - Có công lấy mẫu khí có nắp khóa. Có nối chữ L (dạng khủy tay) xoay được, có chữ Y song song. - Kích cỡ công kết nối thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế 15mm/22mm. - Dùng để dẫn khí thở từ máy thở, máy gây mê tới bệnh nhân, sử dụng cho bệnh nhân thông khí nhân tạo. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; EC - Hạn sử dụng 5 năm	Người lớn: Thùng/ 80 cái; Trẻ em: Thùng/ 100 cái	Cái	150	56.700	8.505.000	N04.03.030.32 59.279.0001		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu				
132	PP2600016755	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	Welllex Extensio n tube	2025	Trở về sau	Ấn Độ An Độ Wellmed s Pvt.Ltd	- Được sử dụng để đưa dịch truyền tĩnh mạch và thuốc vào hệ tuần hoàn của con người và kéo dài chiều dài của đường truyền tĩnh mạch. - Làm bằng chất liệu nhựa PVC trong suốt cao cấp dùng trong y tế với khóa kết nối, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. - Không độc hại, không chứa DEHP và latex, không gây sốt. - Có đầu nối khóa ren âm và dương đáp ứng các tiêu chuẩn của ISO 80369-7, chịu áp lực S3 bars - Chiều dài 10cm, 25cm, 50cm, 75cm, 140cm, 150cm, 200cm hoặc theo yêu cầu - Đường kính ngoài 1,9 / 2,6 / 4,0 mm. (75cm/140cm/150cm – tùy kích thước dây) - Đường kính trong 0,9 / 1,1 / 2,8 mm. (75cm/140cm/150cm – tùy kích thước dây) - Đóng gói riêng biệt từng cái. - Được tiệt trùng bằng khí EO gas.	Bí 1 Cái	Tệp	2.500	3.360	8.400.000	N04.03.090.43	90.115.0001	9018	CÔNG TY TNHH THẠI TRUONG	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
133	PP2600016756	Dây Oxy 1 nhanh các cỡ	DÂY TIẾP OXY (Oxy 1 nhanh)	HS-OXY01	2025	trở về sau	Việt Nam Hoàng Sơn	Được làm từ chất liệu nhựa y tế, mềm dẻo và trơn láng, phù hợp với việc dẫn khí oxy cung cấp cho bệnh nhân. Chiều dài: ≥ 40cm, được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ từng cái. Size: 8,10,12,14,16	Gói 1 cái	Sợi	600	2.679	1.607.400	N04.03.030.14	07.000.0004	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	
134	PP2600016757	Dây oxy nhí	Dây thở oxy ECO	DTOSS: ECO DTOYE: ECO DTONL: ECO	2026	Việt nam	Công ty Nhựa y tế Việt Nam (MPV) Việt Nam	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gong mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống xoắn, Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tắc dòng bọt oxy - Bầu thở mềm, có 2 ống thông đưa vào mũi màu trắng trong. - Dây dẫn có chất tạo màu không có chất tạo màu em và người lớn - Các cỡ: trẻ sơ sinh (dưới 1 tháng tuổi) và trên 1 tháng tuổi), trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khía (cấu trúc hình sao) chống gấp. - Đóng gói tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016	Túi 01 cái x 300 túi / kiện	Cái	30	3.846	115.380	SS: N04.03.030.09 TE: 76.000.0011 NL: N04.03.030.09 76.000.0012 76.000.0013						

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
135	PP26000 16758	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn + trẻ em	Dây thở oxy ECO	DTOSS: ECO DTOTE: ECO DTONL: ECO	2026	Việt nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gong mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh (dưới 1 tháng tuổi và trên 1 tháng tuổi), trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khía (cấu trúc hình sao) chống gập. - Đóng gói tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016	Túi 01 cái x 300 túi / kiện	Cái	9.000	3.846	34.614.000	SS: N04.03.030.09 76.000.0011 TE: N04.03.030.09 76.000.0012 NL: N04.03.030.09 76.000.0013		9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
136	PP26000 16759	Dây truyền dịch có bộ điều chỉnh tốc độ	Bộ dây truyền dịch HTA sử dụng một lần	DTD07: HTA	2026	Việt nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	- Dây truyền dịch loại 20 giọt = 1 ml, kèm kim thẳng size các cỡ, có công tắc tiêm thuốc chữ y an toàn, không chứa latex, đầu nổi luer lock - Dây dài $\geq 1,8$ m. Dây làm từ PVC y tế cao cấp không chứa DEHP, thay bằng DEHT, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng. - Kim xuyên nút chai: làm từ nhựa ABS nguyên sinh. Có công tắc thông khí. - Thể tích bầu nhỏ giọt $\geq 8,5$ ml - Đường kính trong ống dây: 3,0 mm - Đường kính ngoài ống dây: 4,1 mm - Không có chất gây tan huyết khi thử theo tiêu chuẩn BP 2022 - Không có chất gây sốt - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016	Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Bộ	50.000	2.610	130.500.000	N03.05.010.09 76.000.0020		9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
137	PP26000 16760	Dây truyền máu có kim	Dây truyền máu	2002001	2025 trở về sau	Trung Quốc	Suzhou Yudu Medical Co., Ltd	- Sử dụng cho việc truyền máu. - Cùng với chất liệu nhựa y tế dẻo chống gập gãy, trong suốt giúp hiển thị rõ ràng. - Ống nhựa PVC y tế với độ dài tiêu chuẩn là ≥ 180 cm. Không chứa DEHP - Có air vent và đầu gắn kim Luer Lock kim tiêm 18Gx1 1/2" thành kim mỏng sắc nhọn, vát 3 cạnh - Có bầu cao su. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. - Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. - Kim tiêm chất lượng cao giúp giảm thiểu cảm giác đau khi luồn kim, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh không có gờ sản xuất từ vật liệu không gỉ, không bị cặn trong, có nắp đậy bảo vệ. - Bầu đếm 20 giọt/ml, dài 98mm. Màng lọc Micon kích thước lỗ lọc 200μm. - Sản phẩm tiệt trùng, chỉ dùng một lần. - Không chứa chất độc hại (Non-toxic), không chất gây sốt (Non-pyrogenic). - Tiêu chuẩn ISO 13485	1 cái/ gói	Cái	500	5.800	2.900.000	N03.05.030.40 43.279.0001		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hàng sản xuất	Câu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (nếu có) VND (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu		
138	PP26000	Đe lưới gỗ	Cây de lưới gỗ	Cây de lưới gỗ	Từ về sau 2025	Việt Nam	An Phú	• Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, độ nhẵn cao, • Quy cách: 1 cái/gói, 100 cái/hộp, 50 hộp/thùng.	1 cái/gói, 100 cái/hộp, 50 hộp/thùng.	Cái	100.000	252	25.200.000	N08.00.240.09	9018	CÔNG TY TNHH THAI TRƯƠNG	
139	PP26000	Điện cực tim 3M Red Dot	Điện cực tim 3M Red Dot	3,3cm x 4cm	trở về sau 2025	Canada	Canada Co.	- Điện cực có một mặt gel dẫn điện có keo acrylate 100%, Propylen glycol 10-20%, một cảm biến phân tử được tráng bạc/bạc clorua, và một đầu nối thép không gỉ dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG) tốt từ da đến màn hình ECG. Được thử nghiệm kéo dài liên tục lên đến 3 ngày. Nền xốp kháng nước. - Kích thước : 3,7 x 3,3 cm - Đặc tính: hình chữ nhật, góc bo tròn, thông thoáng, gel sử dụng ít chloride, dễ chịu cho da, nút điện cực có nắp bảo vệ. Độ dính tốt ngay cả trên bệnh nhân đổ mồ hôi - Dinh tốt trên da lên đến 3 ngày. - Đạt tiêu chuẩn CE	50 miếng/túi, 20 túi/tùng	Miếng	21.600	2.200	47.520.000	N08.00.250.00	03.140.0002	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
140	PP26000	Trung tâm điện cực (trẻ em)	Tâm điện cực (trẻ em)	3,3cm x 4cm	trở về sau 2025	Trung Quốc	Cathay Manulac Corporation	- Tâm điện cực trung tâm loại dẫn, sử dụng một lần. - Bề mặt dẫn điện làm bằng tấm nhôm, điện trở thấp, không gây độc cho da, không gây nhạy cảm và kích ứng da. - Góc dính dễ dán vào bề mặt da - Diện tích dẫn điện: 110 x 70 mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Hộp 25 miếng	Miếng	150	21.000	3.150.000	N08.00.250	9018	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH	
141	PP26000	Dùng cu chống cắn	Dùng cu chống cắn	Dùng cu chống cắn	2025	Ba Lan	SUMI spółka z ograniczoną odpowiedzialnością sp. k.	Dây có định ống nội khí quản người lớn, loại 3 dây • Làm bằng vật liệu siêu mềm không gây tấy xước, giảm lộ loét có và miệng cho bệnh nhân. • Bộ bao gồm: 1 dây quản có màu trắng dài ≥ 39cm, 2 đầu có miếng dán xé dễ có định, có thể tùy chỉnh theo kích thước dễ phù hợp với kích cỡ cổ khác nhau, 3 dây màu xanh, dài ≥ 28cm, ở giữa có miếng dán có định ống nội khí quản, có thể thay thế khi cần. • Không gây dị ứng, kích ứng, không chứa latex	Cái/ Gói	Cái	20	273.000	5.460.000	N00.00.000.40	08.118.0001	9018	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Khánh Lâm An

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
142	PP26000 16765	Dụng cụ cố định ống thông đứng thẳng	Dụng cụ cố định ống thông đứng thẳng 9782	9782	2024 trở lên	Mỹ	Hollister Incorporated	- Cố định ống thông - ống dẫn lưu theo hướng thẳng đứng ngay tại lỗ thông hoặc cách xa lỗ thông - Dụng cụ vô trùng, có thể sử dụng ngay trong phòng mổ - Thời gian sử dụng từ 5 - 7 ngày - Cố định được ống có kích thước từ 5 - 40 Fr - Bảo vệ da xung quanh lỗ thông, tránh gây loét tại lỗ thông - Bộ cố định có thể điều chỉnh khi cần thiết - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, FDA	Hộp/5 cái	Cái	10	220.000	2.200.000	N00.00.000.56 39.175.0007	N00.00.000	9018399	CÔNG TY TNHH ĐẠT PHÚ LỢI
143	PP26000 16766	Dụng cụ hoạt hoá huyết tương giàu tiểu cầu	Bộ kit ống nghiệm lấy máu chân không VATRAC Y - tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu PRP (Bộ kit tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu PRP VATRAC Y)	KIG-104TT (Model 05)	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Wembley Medical	- Dụng cụ hoạt hóa cơ học: 01 màng lọc vô trùng. • Bộ vật tư hỗ trợ thu nhận huyết tương giàu tiểu cầu VATRACY bao gồm: - 03 ống nghiệm lấy máu chân không ACD (có chứa chất chống đông Sodium Citrate) + gel - 04 bơm tiêm (xy-lanh) 10ml - 02 bông tam cotton (alcohol pad) - 01 băng dán cá nhân - 01 kim lấy máu chân không cánh bướm - 01 giá đỡ ống nghiệm chân không (holder) có nút bấm hủy kim, an toàn. - 01 đầu nối vô trùng (connector): Dụng cụ chuyên dụng để kết nối màng lọc với bơm tiêm (xy-lanh) giúp đảm bảo sự khép kín, vô trùng cho chế phẩm PRP. - 01 màng lọc vô trùng - 01 đầu kim (micro-cannula) 17G, dạng kim đầu tù, dài 10cm - 02 đầu kim 21G - 03 ống nghiệm chân không chứa mẫu 6ml, vô trùng gồm: + 01 ống dùng để chứa huyết tương giàu tiểu cầu (PRP) + 02 ống dùng để chứa huyết tương nghèo tiểu cầu (PPP) • Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	1 bộ/hộp	Bộ	20	2.800.000	56.000.000	N07.07.010		CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY WEMBLEY MEDICAL	
144	PP26000 16767	Dụng cụ phẫu thuật trị tự động bằng phương pháp Longo các số	Dụng cụ cắt khâu nối trị tự động	DHS B-32 DHS B-34	2025 trở về sau	Trung Quốc	Sinolinks Medical Innovation, Inc.	- Bộ dụng cụ khâu cắt nối trị tự động theo Phương pháp Longo - Kèm theo có Dụng cụ banh hậu môn, Dụng cụ nong hậu môn, Dụng cụ soi khâu, Que móc chỉ khâu, 4 tem phụ. - Dụng cụ cắt trị: Vật liệu: Vô nhựa ABS, lưỡi dao Thép không gỉ 30Cr13, Ghim bằng Hợp kim Titanium TA1G, dạng chữ B. - Đường kính lưỡi dao 23-25mm, chiều dài thân 400 mm. - Có 2 hàng ghim gồm 32 ghim. Chiều dài chân ghim khi đóng 0.8-1.5mm, đường kính ghim 0.3 mm, chiều cao ghim 4.0mm. - Đường kính ngoài trục 32-34mm. Thể tích hộp chứa 46-54cc. - Tiệt trùng bằng EO. - Chứng nhận: CE	1 cái/hộp	Cái	45	2.310.000	103950000	N07.04.040.11 39.000.0002		CÔNG TY TNHH QUẢN TRỊ T.78	

STT	Mã phân (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế phí, lệ phí (nếu có)) VND	Thành tiền (đã bao gồm thuế, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
145	PP26000	Dung dịch Acid	Acetic 3%	Dung Acid acetic 3%	Năm 2025	Việt Nam	Khải Vân	Dung dịch Acid acetic nồng độ 3%.	Chai 500ml	Chai	40	180.000	7.200.000	Không thuộc VYT			CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT
146	PP26000	Dung dịch Amoniac	Ammoni hydroxit	NH ₄ OH	2025	Việt Nam	Công ty Tập đoàn hóa chất Đức Giang	Dung dịch amoniac.	Chai	Chai	1	500.000	500.000				Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiệt bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
147	PP26000	Dung dịch diệt khuẩn	RAY SURF 29 SL	ANIOSP RAY SURF 29	2025	Pháp	Laboratoires Anios	Thành phần: 0,05% Didecylidimethyl ammonium chloride + 0,06% Chlorhexidine digluconate kết hợp 22,57% Ethanol Khử khuẩn nhanh các bề mặt Xuất xứ: G7 Hiệu quả diệt khuẩn, diệt nấm theo EN 13697 Diệt virus (PRV, BVDV, HSV 1,...) từ 1 phút Đạt tiêu chuẩn CE	Can 5 lít	Can	10	1.238.000	12.380.000	N01.02.040.27	N01.02.040	3808	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
148	PP26000	Dung dịch Formol 10%	Formol trung tính 10%, code: FX1003	FX1003	Năm 2025	Mỹ	Cancer	- Dung dịch dạng lỏng, trong suốt, mùi formalin đặc trưng, có thể hòa tan trong nước. - Độ PH= 6,8-7,2 - Điểm sôi: Khoảng 100°C - Mật độ: 1,00-1,03g/ml - Thành phần gồm có: Nước dibasic 1,5%; Sodium Phosphate monobasic 0,4% - Tiêu chuẩn ISO 13485	Chai 5 lít	Chai	70	580.000	40.600.000	N00.00.000.06	24.175.0001		CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT
149	PP26000	Dung dịch Javen	Javen	Javen	2025	Việt Nam	Thuận Phát	Dùng sát trùng, tẩy rửa.	Can 20 lít	Lit	40	15.000	600.000				CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
150	PP26000 16773	Dung dịch khử khuẩn Glutaraldehyde 2%	STERAN IOS 2% 5L	STERANIOS 2%	2025 trở về sau	Pháp	Laboratoires Anios	Thành phần: 2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử) Can 5 lít Xuất xứ: G7 Hiệu quả diệt khuẩn: - Diệt khuẩn EN 14561 (Enterococcus hirae, Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus...) - Diệt nấm EN 14562 (Candida albicans, Aspergillus niger...) - Diệt vi khuẩn lao EN 14563 (Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium...) - Diệt bào tử EN 17126 trong 120 phút (Clostridium difficile, Bacillus cereus, Bacillus subtilis) - Diệt virus EN 14476, EN 17111 trong 10 phút Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE	Can 5 lít	Can	200	485.000	97.000.000	N01.02.030.27 89.240.0003	N01.02.030	3808	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
151	PP26000 16774	Dung dịch làm sạch enzyme và kiểm nhẹ cho rửa máy	Dung dịch làm sạch enzyme, kiểm nhẹ cho máy rửa tự động	Deconex Alka-x	2025	Thụy sĩ	Borer Chemie AG	Thành phần tối thiểu: Chất hoạt động bề mặt: N,N-DIMETHYLDECYLAMINE N-OXIDE, nồng độ: 1-5% theo khối lượng Enzymes (proteases): ≥ 2.0 % theo khối lượng, Chất hỗ trợ hòa tan, chất bảo quản, chất tạo phức, tạo kiềm,... - Đặc tính: Ít bọt, Không yêu cầu bước trung hòa - Tương thích tất cả các loại vật liệu thiết bị y tế, bao gồm cả nhôm và nhôm anod,... - Tuân thủ theo yêu cầu của AAMI TIR 30, ISO 15883-1:2009, DGKH, DGSV, AKI: tổng protein tồn dư trên dụng cụ Davinci < 100 µg - pH của dung dịch sử dụng: $10.0 \pm 4\%$. Có thể sử dụng với tất cả các loại chất lượng nước (RO, nước mềm, nước cứng) - Nồng độ sử dụng tối thiểu đối với nước RO: ≤ 1 mL/L Tiêu chuẩn: ISO 13485	can 5 lít	Can	15	2.990.000	44.850.000	N01.02.050.60 32.274.0003		3402	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Khánh Lâm An
152	PP26000 16775	Dung dịch làm sáng bóng dụng cụ, loại bỏ gỉ sét	ANIOS R444 1L	ANIOS R444	2025 trở về sau	Pháp	Laboratoires Anios	1. Thành phần: $\geq 52,5\%$ Acid Phosphoric 2. Làm mới dụng cụ và trang thiết bị y tế có chất liệu thép không gỉ. Loại bỏ cặn sắt oxide và các vết oxy hóa khác. Nồng độ pha loãng từ 3% - 5% trong nước ấm Thời gian ngâm: 1 giờ Thay mới dung dịch ngâm tối thiểu 1 lần một ngày 3. Xuất xứ: G7	Can 1 lít	Lit	15	1.379.000	20.685.000	N01.02.050.27 89.240.0004	N01.02.050	3808	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG

STT	Mã phân (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Tên nhà thầu	
153	PP26000 16776	Dung dịch Lugol 3%	Dung dịch Lugol 3%	Lugol 3%	Nam 2025	Việt Nam	Khải Vân	Dung dịch Lugol 3%	Chai 500ml	Lit	15	700.000	Không thuộc VYT	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT		
154	PP26000 16777	Dung dịch nhuộm mô EA50	Dung dịch nhuộm mô EA50	EA50	2025	CM8952	Cancer Diagnostic, Inc. (CDI)	Dung dịch nhuộm Papanicolaou EA-50, dạng lỏng, màu xanh, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước - Điểm nóng chảy / điểm đóng băng: ~ -114°C - Điểm sôi và Phạm vi sôi: 78-80 °C - Điểm nóng chảy / Điểm đóng băng: -89,5°C - Thanh phần gồm có: Ethyl Alcohol ~85%; Nước 5%; Isopropyl Alcohol ~4%; Methyl Alcohol ~4%; Eosin Y disodium <3%; Phosphotungstic Acid <5%; Fast Green FCF <3% - Quy cách: chai 1000ml	Chai 1000ml	Chai	10	1.650.000	16.500.000	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C		
155	PP26000 16778	Dung dịch nhuộm mô OG6	Dung dịch nhuộm mô OG6	OG6	2025	CM7952	Cancer Diagnostic, Inc. (CDI)	Dung dịch nhuộm Papanicolaou OG-6, dạng lỏng, màu cam, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước - Điểm nóng chảy / điểm đóng băng: ~ -114°C - Điểm sôi và Phạm vi sôi: 78-80 °C - Điểm nóng chảy / Điểm đóng băng: -89,5°C - Điểm chớp cháy: ~13 °C - Ethyl Alcohol ~85%; Nước 5%; Isopropyl Alcohol ~4%; Methyl Alcohol ~4%; Phosphotungstic Acid <5%; Orange G <2% - Quy cách: chai 1000ml	Chai 1000ml	Chai	5	1.650.000	8.250.000	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C		
156	PP26000 16779	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt MEGAS EPT S012	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt MEGAS EPT S012	MEGAS EPT S012	Nam 2025	trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần Lavitec	Hoạt chất: Hydrogen peroxide 6,0 % (w/w), Ion Ag 0,001 % Dung dịch pha sẵn để sử dụng ngay, không cần pha loãng	Can 5L/ Thùng 4 can	Chai	8	1.090.000	8.720.000	N01.02.040.08	CÔNG TY TNHH LAVICOM

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
157	PP26000 16780	Dung dịch xả phòng Chlohexidine Gluconate 2%	PUREHA ND	Công ty TNHH Dược và Trang thiết bị y tế Á Đông	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Lollipop	Hoạt chất: 2% w/v Chlorhexidine gluconate. Hệ dưỡng ẩm: Glycerine. Chất hoạt động bề mặt: Sodium Lauryl Sulfate (SLS), Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu. Tiêu chuẩn: ISO 9001:2015	Thùng 4 can 5L	can	70	399.000	27.930.000	Không phải TTBYT	Không phải TTBYT		Công ty TNHH Dược và Trang thiết bị y tế Á Đông
158	PP26000 16781	Dung dịch xả phòng Chlorhexidine gluconat 4%	Dung dịch sát khuẩn tay ALFASE PT CLEANSER PLUS	AF2120 50	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu.	Can 5L/ Thùng 4 can	Can	45	529.000	23.805.000	N01.02.010.08 08.000.0011	N01.02.010		CÔNG TY TNHH LAVICOM
159	PP26000 16782	Dung dịch sát khuẩn bề mặt	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dùng trong lĩnh vực y tế MEGAS EPT SURFAC E-C	MG2180 50	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Hoạt chất: Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride 6,6% (w/w), N-(3-aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine 6,0% (w/w), Didecyl Dimethyl Ammonium Chloride 3,0% (w/w). Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg ²⁺ , Ca ²⁺ : EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH: Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, chất tạo màu và hương liệu.	Can 5L/ Thùng 4 can	Can	30	1.048.000	31.440.000	N01.02.040.08 08.000.0007	N01.02.040		CÔNG TY TNHH LAVICOM
160	PP26000 16783	Dung dịch sát khuẩn Natri clorua 0,9%	Dung dịch sát khuẩn BRINE PLUS	BRPL10 .23	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng/ Việt nam	1. dung dịch trong suốt, không màu, không mùi 2. Thành phần chính: NaCl 0,9%, acid boric 3. Thể tích: 200ml/ chai		Chai	300	2400	720.000			3004	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

STT	Mã phần (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương hiệu, nhãn mác	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT	Mã nhóm theo QĐ số 04/11/2021 ngày 12/10/2022	Mã vật tư theo QĐ số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	Công ty TNHH Dược và Trang thiết bị y tế A Đông	CÔNG TY TNHH PHẠM LAN TIẾN	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
161	PP26000	16784	Dung dịch tiêm sát khuẩn	PUREHA ND 4	Công ty TNHH Trang và Dược y tế Á Đông	Việt Nam	Sản xuất tại vùng mại vụ	Hoạt chất: 4% w/v Chlorhexidine gluconate; Hệ dung dịch: Glycerine; Chất hoạt động bề mặt: Sodium Lauryl Sulfate (SLS), Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside...; Chất khử ion nước cứng: EDTA Disodium; Chất làm đặc, hương liệu; Tiêu chuẩn: ISO 9001:2015	Thùng 20 chai 50ml	chai	800	14.910	11.928.000	Không phải	Không phải	Không phải	Công ty TNHH Dược và Trang thiết bị y tế A Đông	CÔNG TY TNHH PHẠM LAN TIẾN	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C	
162	PP26000	16785	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ da hoạt tính enzyme	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ da enzyme Greenazymes	Công ty TNHH MTV Sản xuất Dược - Mỹ phẩm Gamma	Việt Nam	Sản xuất tại vùng mại vụ	Thành phần: Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 5% hỗn hợp 5 enzyme : Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, là được và nước tinh khiết vừa đủ.	Can 5 lít	Can	70	911.250	63.787.500				Công ty TNHH Dược và Trang thiết bị y tế A Đông	CÔNG TY TNHH PHẠM LAN TIẾN	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C	
163	PP26000	16786	Dung dịch tẩy rửa khuân sản nhà	SURFAN IOS PREMIO M 5L	Laboratoire Anios	Pháp	Sản xuất tại vùng mại vụ	Thành phần: 2,5% Didecylidimethyl ammonium chloride + 5,1% N-(3-aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine; Làm sạch khuân sản nhà, bề mặt, Nồng độ pha: 0,25% (20ml dung dịch trong 8 lít nước); Thời gian tiếp xúc: từ 15 phút; Xuất xứ: G7; Hiệu quả diệt khuẩn theo EN 13697 (Enterococcus hirae, Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus); Diệt vi khuẩn Serratia marcescens theo EN 16615; Tương thích tốt với các chất hiệu bề mặt; Đạt tiêu chuẩn CE	Can 5 lít	Can	10	1.799.000	17.990.000	N01.02.040.27	89.240.0013	N01.02.040.27	3808	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
164	PP26000	16787	Eosin	Eosin	Cancer Diagnostic, Inc. (CDI)	Mỹ	Sản xuất tại vùng mại vụ	Eosin Y dung dịch nhuộm có chứa còn, pha sẵn sử dụng chủ yếu trong mô học để nhuộm hematoxylin và eosin thường quy. Eosin Y cũng được sử dụng rộng rãi trong nhuộm Papanicolaou và tế bào học; - Tính chất vật lý: - Dung dịch lỏng màu tươi sáng - Điểm chớp cháy: ~200C - Độ hòa tan: Có thể hòa tan trong nước - Thành phần gồm có: Ethyl Alcohol <75%; Nước <25%; Isopropyl Alcohol <5%; Methyl Alcohol <5%; Acetic Acid <5% - Qui cách: Chai 1000ml - ISO 13485	Chai 1000ml	Chai	8	1.650.000	13.200.000				Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C	

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
165	PP26000 16788	Eugenol	Vật liệu trám răng - Eugenol	40017	Năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Prevest Denpro Limited	Dung dịch dầu Eugenol tinh khiết dùng để làm dịu cơn đau răng nhẹ và để tạo hợp chất giảm đau cho răng với oxide kẽm (zinc oxide), giảm đau răng, trộn với oxide kẽm để tạo hợp chất giảm đau.	Hộp (lô)/ 30ml	Hộp	4	99.000	396.000	Không áp dụng	Không áp dụng	3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
166	PP26000 16790	Formol đậm đặc	Formalde hyde	HCHO	2025; 2026	Việt Nam	Công ty cổ phần Tập đoàn hóa chất Đức Giang	Dạng lỏng. Thành phần hóa chất Formalin 37% Formol: HCHO	Chai 1L	Lít	2	150.000	300.000				Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
167	PP26000 16791	Gạc cầu sản khoa, vô trùng	Gạc cầu sản khoa Fi 45mm, VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	GCA08 WV001	2025 - 2026 trở về sau	Việt Nam	Danameco	Lớp gạc hút nước (100% cotton) bọc bên ngoài và lớp bông xơ thiên nhiên ở giữa, hình cầu. - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Quy cách: hình cầu Fi 45mm Đóng gói túi giấy y tế chuyên dụng có chỉ thị màu: 1 cái/ túi tiệt trùng. Tiệt trùng bằng EO gas Đạt chứng nhận ISO 13485:2016; ISO 9001:2015; cGMP, EN ISO 11135:2014	1 cái/ gói	Cái	3.000	2.000	6.000.000	N02.03.020.41 96.000.0489		3005	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
168	PP26000 16792	Gạc củ ấu, vô trùng	Gạc củ ấu sản khoa M3, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	GCU05 WV010	2025 - 2026 trở về sau	Việt Nam	Danameco	"Vải dệt hút nước 100% cotton màu trắng tự nhiên, không ô vàng. Gạc gấp thành nhiều lớp, có hình củ ấu. - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm - Trọng lượng: ≥ 23 g/m ² - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Hàm lượng chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$ - Hàm lượng chất béo $< 0,1\%$ - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. Quy cách 5 x 5 x 5cm Đóng gói 2 túi: 1 túi PE +, 1 túi giấy y tế chuyên dụng có chỉ thị màu. Số lượng: 10 cái/ gói. Tiệt trùng bằng EO gas Đạt chứng nhận ISO 13485:2016; ISO 9001:2015; FDA, cGMP; EN ISO 11135:2014	10 cái/ gói	Cái	200.000	330	66.000.000	N02.03.020.41 96.000.0350		3005	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hang sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu	
169	PP26000 16794	Gạc hút dịch không dính vết	thương mại 10x10cm	Solvaline N, không dính vết 10x10cm	280005	Bồ Đào Nha	Bastos Viegas	- Thành phần: Lõi thấm hút: 80% viscose, 20% polyester Phẩm: polyethylene - Tính chất khác: + Miếng gạc lót Solvaline N bao gồm lõi polyester / visco có khả năng thấm hút cao được bao phủ cả hai mặt bằng màng polyetylen đục lỗ mịn. + Dịch ri được hấp thụ nhanh chóng qua các lỗ trên màng polyetylen + Vi cả mặt trên và mặt dưới của bằng Solvaline N đều có lớp màng phủ nên có thể dùng cả hai mặt bằng lên vết thương, giúp tăng độ an toàn cho cả bệnh nhân và người sử dụng. - Kích thước: 10x10cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC	Hộp/ 100 miếng	Miếng	3.000	20.000	60.000.000	N02.03.020.03 74.129.0002	N02.03.020 3005902	CÔNG TY TNHH DAI PHU LOI
170	PP26000 16795	Gạc hút dịch không dính vết	thương mại 10x20cm	Solvaline N, không dính vết 10x20cm	280006	Bồ Đào Nha	Bastos Viegas	- Thành phần: Lõi thấm hút: 80% viscose, 20% polyester Phẩm: polyethylene - Tính chất khác: + Miếng gạc lót Solvaline N bao gồm lõi polyester / visco có khả năng thấm hút cao được bao phủ cả hai mặt bằng màng polyetylen đục lỗ mịn. + Dịch ri được hấp thụ nhanh chóng qua các lỗ trên màng polyetylen + Vi cả mặt trên và mặt dưới của bằng Solvaline N đều có lớp màng phủ nên có thể dùng cả hai mặt bằng lên vết thương, giúp tăng độ an toàn cho cả bệnh nhân và người sử dụng. - Kích thước: 10x20cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC	Hộp/ 50 miếng	Miếng	2.000	30.000	60.000.000	N02.03.020.03 74.129.0003	N02.03.020 3005902	CÔNG TY TNHH DAI PHU LOI
171	PP26000 16796	Gạc hút dịch tạo gel diệt khuẩn A+Ag, 10x10 cm	Suprasorb trung A+Ag, 10x10cm	Gạc hút dịch tạo gel diệt khuẩn A+Ag, 10x10cm	20571	Áo	Lohman n & Rauscher GmbH	- Khả năng hấp thụ: dạng miếng gạc: 16,6 g / 100 cm2 dạng sợi: 15,98 g / 100 cm2 - Thành phần: Gạc hút dịch tạo gel- diệt khuẩn Suprasorb® A + Ag bao gồm sự kết hợp đồng nhất của sợi alginat canxi và sợi alginat bạc (1,5% guluronic. + Sợi alginate bao gồm khoảng 60% axit mannuronic và khoảng 40% axit ion bạc). + Các sợi canxi alginate ngâm tẩm bạc phân tán với dịch tiết vết thương hoặc máu để tạo thành gel tạo ra môi trường ẩm ướt cho vết thương. Khả năng hấp thụ dịch tiết cao thúc đẩy quá trình chữa lành vết thương. - Bạc có trong băng vết thương: Có hoạt tính diệt khuẩn phổ rộng, bao gồm MRSA và VRE (phổ tác nhân gây bệnh trong ống nghiệm). Trong phòng thí nghiệm, 5,5 ppm / 10 cm" (băng vết thương) của ion bạc được giải phóng khi các sợi alginate bạc (1,5%) trong vòng 24 giờ. - Kích thước: 10x10 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC	Hộp/ 10 miếng	Miếng	30	150.000	4.500.000	N02.03.090.49 64.109.0002	N02.03.090 3005902	CÔNG TY TNHH DAI PHU LOI

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
172	PP26000 16797	Gạc lưới 10cmx10cm	Gạc lưới tạo gel Lomatuel 1 Pro, 10x10cm	30874	2025 trở lên	Đức	Lohmann & Rauscher GmbH & Co.KG	Thành phần: Vải tuyền lưới rộng: + Polyester (Polyethylene terephthalate) - Mắc lưới: + vaseline + dầu trắng y tế + sodium carboxymethyl cellulose antioxidant pentaerythritol tetrakis (3-(3,5-di-tert-butyl-4-hydroxyphenyl-propionat) - Sản phẩm được khử trùng bằng bức xạ theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 11137 - Nồng độ Hydrocolloid: 15% của khối lượng lớp phủ, 12% của tổng số lớp tiếp xúc vết thương; - Kích thước mỗi lưới: 1,0 mm x 0,7 mm = 0,7 mm² - Khử trùng: Băng được niêm phong riêng và vô trùng (khử trùng bằng chiếu xạ gamma). - Khoảng thời gian thay băng: + Tùy thuộc vào loại vết thương và quá trình lành của nó, băng có thể để lại trên vết thương trong thời gian ngắn hơn hoặc lâu hơn (tối đa là 7 ngày). - Tính chất khác: + Hình thành một lớp gel từ dầu hỏa và các hạt hydrocolloid + Có thể sử dụng cả hai mặt + Có thể được cắt theo kích thước cho các kích cỡ khác nhau của vết thương và các vùng trên cơ thể + Thoát dịch tốt vào lớp băng thứ cấp - Kích thước: 10x10cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE	Hộp/ 50 miếng	Miếng	200	55.000	11.000.000	N02.03.020.49 65.155.0008	N02.03.020	3005902	CÔNG TY TNHH ĐẠT PHÚ LỢI
173	PP26000 16798	Gạc mét loại 1	Gạc hút nước khổ 0,8m	GHN	2026	Việt Nam	Mem-co	Vải dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế) có độ thấm hút rất cao. - Tinh bột hoặc dextrin: không phát hiện - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) ≤ 8% - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Chất tan trong chất béo: < 0,1% - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Acid và kiềm: đạt trung tính Quy cách: Khô 80cm; 0,8 x 2 mét/lớp Đóng gói: 100 mét cuộn, không vô trùng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	500 mét/kiện	Mét	2.500	3.150	7.875.000	N02.03.020.10 83.000.0296	N02.03.020	3005	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PTC
174	PP26000 16799	Gạc phẫu thuật 10 cm x 10cm x 12 lớp vô trùng	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp, M2, VT (10 cái/gói) (Danameco, VN)	GPT81 WV010	2025 - 2026 trở về sau	Việt Nam	Danameco	Vải dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế) - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) ≤ 8% - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Hàm lượng chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Hàm lượng chất béo < 0,1% - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; - Tinh bột và dextrin: Không phát hiện. - Chất màu: Dịch chiết không màu Quy cách: 10 x 10cm x 12 lớp Đóng gói: 10 cái/ túi ép tiệt trùng. Tiệt trùng bằng EO gas. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; ISO 9001:2015, EN ISO 11135:2014	10 cái/gói	Cái	280.000	428	119.840.000	N02.03.020.41 96.000.0087		3005	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đơn vị tính, thuế, bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
175	PP26000	Gạc phẫu thuật 7,5 cm x 7,5cm x 8 lớp, túi vô trùng	Gạc phẫu thuật 7,5 cm x 7,5cm x 8 lớp, túi vô trùng		2026	Việt Nam	Damedco	- Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 10 gam nước trở lên; - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm; - Trọng lượng: $\geq 23g/m^2$ - Tốc độ hút nước: $\leq 5s$ - Độ PH: Bạt trung tính - Tính bột và dextrin: không có - Chất tan trong chất béo: $< 0,1\%$ - Chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$ - Độ ẩm: $\leq 8\%$ - Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp Quy cách đóng gói: 10 cái / gói Đóng gói 2 túi: 1 túi PE + 1 túi giấy y tế chuyên dùng có chỉ thị màu: 10 cái/ túi. Tiệt trùng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	10 cái/gói	Cái	45.000	224	10.080.000	N02.03.020.15		3005	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ DẠ NANG
176	PP26000	Gạc phẫu thuật 8cm x 12 cm x 12 lớp, không tiệt (100 cái/gói)	Gạc phẫu thuật 8cm x 12 cm x 12 lớp, không tiệt (100 cái/gói)		2025 - 2026	Việt Nam	Danamec	Vai dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế) - Độ ẩm (Mật khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Hàm lượng chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$ - Hàm lượng chất béo $< 0,1\%$ - Giới hạn acid và kiềm: Bạt trung tính; - Tính bột và dextrin: Không phát hiện; - Chất màu: Dịch chiết không màu Đóng gói: 100 cái/gói. Không vô trùng, đóng gói trong túi nylon hàn kín - Bạt tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, TCVN ISO 13485:2016, cGMP, FDA	100 cái/ gói	Cái	30.000	413	12.390.000	N02.03.020.41		3005	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
177	PP26000	Gạc phẫu thuật 30 x 40cm x 6 lớp, CQVT (5 cái/gói)	Gạc phẫu thuật 30 x 40cm x 6 lớp, CQVT (5 cái/gói)		2025 - 2026	Việt Nam	Danamec	"Nguyên liệu: vải dệt hút nước 100% cotton có độ Không có độc tố, Không chứa chất gây dị ứng. Có sợi cân quang gấp trong miếng gạc để kiểm tra sợi gạc. - Độ ẩm (Mật khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Hàm lượng chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$ - Hàm lượng chất béo $< 0,1\%$ - Giới hạn acid và kiềm: Bạt trung tính; - Tính bột và dextrin: Không phát hiện; - Chất màu: Dịch chiết không màu Quy cách: 30 x 40cm x 6 lớp Đóng gói: 5 cái/gói, cân quang vô trùng. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas Bạt TCVN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, EN ISO 11135:2014, CE	5 cái/ gói	Cái	45.000	2.818	126.810.000	N02.03.020.41		3005	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
178	PP26000 16804	Gạc vaselin 7cm x 40cm	Gạc vaselin Petrolatum Gauze	201	2026	Việt Nam	Milopha	- Gạc không thấm được tẩm vaseline dùng để băng vết thương hở. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp 10 miếng	Miếng	2.250	1.196	2.691.000	N02.03.090.15 30.000.0001	N02.03.090	3005	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
179	PP26000 16805	Gạc vô trùng 10x20cm	Bông gạc đắp vết thương 10cmx20cm tiết trùng, vải không dệt	12406	2025	Việt Nam	Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết	□Thành phần: Gồm 2 lớp vải làm từ sợi không dệt thấm nước, ở giữa là 1 lớp bông hút nước bông xơ tự nhiên, sợi chắc, mịn, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, đồng đều; không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác, không lẫn tạp chất khi nhìn thấy bằng mắt thường, không có độc tố, không bị xơ khi lau rửa vết thương, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng, thấm hút tốt. □Đặc tính của Bông hút nước: □Chất hoạt động bề mặt: < 2mm; □Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính □Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$ □Tốc độ chìm: < 8s □Khả năng hút nước: >100g (5g bông hút không ít hơn 100gr nước); □Chất tan trong ether: không quá 0,5%; □Chất tan trong nước: không quá 0,5%; □Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0%; Tro sunfat: không quá 0,4%. -Đặc tính của vải không dệt thấm nước: 70% sợi viscose và 30% polyester. Định lượng màng: $40 \pm 2g/m^2$ -Đóng gói: 1 miếng/túi (túi sữa), 10 miếng/ gói (túi PE) -Kích thước: 10cm x 20cm, Sản phẩm tiết trùng bằng khí EO.Gas -Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016, TCCS, CE, GMP, FDA. -Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam -Hạn dùng: 24 tháng	1 Miếng/túi 1, 10 miếng/gói	Miếng	40.000	1.092	43.680.000	N02.03.020.07 95.000.0084	N02.03.020	3005	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
180	PP26000 16806	Găng sản khoa đã tiết trùng các cỡ	Găng phẫu thuật cổ tay dài tiết trùng	GPTCT D	2026	Việt Nam	Merufa	-Tiết trùng từng đôi một. Găng có tay phải tay trái riêng biệt, bền, không rách, không lủng, có viền mép, bề mặt nhám, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. - Chiều dài (min): 490 mm. - Chiều dày 1 lớp: $0,15 \pm 0,03$ mm. - Chiều rộng: số 7.0: 89 ± 5mm; số 7.5: 95 ± 5mm - Cường lực kéo đứt: trước giả hóa $\geq 12.5N$; sau giả hóa $\geq 9.5N$. - Độ đàn hồi: trước giả hóa $\geq 700\%$, sau giả hóa $\geq 550\%$. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Hộp 50 đôi	Đôi	100	14.700	1.470.000	N03.06.050.09 63.000.0004	N03.06.050	4015	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG

STT	Mã phân (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn, xuất	Nước sản xuất	Hàng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu					
181	PP26000 16807	Găng tay không bột	Găng tay khám bệnh cao cấp latex không bột	GT01-REGEN TOX	Việt Nam	Công ty Cổ Phần Găng Tay Bình Phước	- Chất liệu: 100% cao su thiên nhiên. - Thiết kế găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, se viền cổ tay, nhám ở đầu ngón tay. - Chiều dài găng tay (mm): 240 ± 10 mm - Size XS, S, M, L - Chiều rộng lòng bàn tay: Size XS ≤ 80 mm, Size S (80 ± 10)mm, Size M (95 ± 10)mm, Size L (110 ± 10)mm - Độ dày: Tối thiểu: Vùng trỏ ngón: 0,08 mm, vùng nhám: 0,11 mm Tối đa: Vùng trỏ ngón: 2,00 mm, vùng nhám: 2,03 mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh ≥ 7N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh ≥ 650%, Lực kéo đứt tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh ≥ 6N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh ≥ 500% - Hàm lượng protein ≤ 200 µg/dm ² - Hàm lượng bột ≤ 2 mg - Giấy phép lưu hành tự do CFS (Việt Nam) - Hàng hóa được kiểm nghiệm đáp ứng các tiêu chuẩn: ISO 37, ASTM D3578:2019 * Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, CE, ISO 13485, ISO 9001	50 đôi/ hộp	đôi	2.000	1.098	2.196.000	N03.06.030.54	81.000.0003	N03.06.030	4015	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ RECENTOX MB VIỆT NAM	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
182	PP26000 16808	Găng tay phẫu thuật tiết trùng số 6,5-7-7,5	Găng tay phẫu thuật tiết trùng số 6,5-7-7,5	GPGL OVES	Việt Nam	I-Med	1. Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên có phủ bột chống dính. Găng có tay phải tay trái riêng biệt. Tiết trùng. Đóng gói trong túi dạng Peel down. Đóng gói rời, 1 đôi/túi, 2. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài găng tay tới thiểu 280 mm - Chiều rộng: số 6,5: 83±5mm; số 7,0: 89±5mm; số 7,5: 95±5mm; số 8,0: 102±5mm. - Bạt tiêu chuẩn CE.	Hộp 50 đôi	Đôi	45000	2.700	121.500.000	N03.06.050.66	18.000.0001			CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	
183	PP26000 16809	Găng tay khám latex có bột	Găng tay khám latex có bột	I-Med	Việt Nam	I-Med	- Đạt, chắc ko rách khi sử dụng, đủ các cỡ - Độ co giãn và mềm mại cao - Dễ đeo găng - Độ bám dính vật dụng khi sử dụng găng cao. Thao tác thuận tiện dễ dàng. - Chiều dài găng ≥ 240mm - (M): 110 ± 10 (L); XL ≥ 111 (XL) - Bạt tiêu chuẩn: CE	Hộp 50 đôi	Đôi	500000	960	480.000.000	N03.06.010.66	18.000.0001			CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	
184	PP26000 16810	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn	Merufa	Việt Nam	Merufa	- Thành phần chính: nước cất, Propylen Glycol, Hydroxyl ethyl Cellulose, Glycerin, Sodium Benzoate... - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Hộp 1 tube	Tube	100	33.663	3.366.300	N00.00.000.09	63.000.0002	N00.00.000	3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	

STT	Mã phân (10)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
185	PP26000 16811	Gel điện tim	Gel điện tim	#####	2026	Thổ Nhĩ Kỳ	Turkuaz	Gel điện tim được sử dụng trong các điện cực chẩn đoán kỹ thuật số. Không gây dị ứng, không kích ứng da. Không có chứa chất dầu, không có chất formadehyd và muối	Chai 250ml	Chai	15	18.000	270.000	N00.00.000.52 78.272.0004	N00.00.000	3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
186	PP26000 16812	Gel siêu âm	Gel siêu âm	GSA-3006	2026	Việt Nam	Merufa	Sản xuất từ: Nước, Propylene glycol, Hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate ... -Gel siêu âm giúp tạo môi trường thu nhận tín hiệu siêu âm, được dùng trong siêu âm, chẩn đoán hình ảnh y khoa. Gel không có tính chất ăn mòn, không gây hồng đầu đỏ và không gây dị ứng da. Chỉ sử dụng bên ngoài. - Màu sắc: Không màu hoặc màu xanh. - Độ pH: $6,5 \pm 0,75$ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE	Can 5 lít	Can	150	96.000	14.400.000	N00.00.000.09 63.000.0001	N00.00.000	3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
187	PP26000 16813	Giấy cản	Giấy cản để kiểm tra khớp cắn răng - Articulating Paper	5513/00 1/E 5517/00 1/E	2025	Ấn Độ	Shiva Products	Giấy cản sử dụng trong nha khoa để xác định điểm tiếp xúc giữa răng hàm trên và răng hàm dưới trong mọi hình thức điều chỉnh khớp cắn răng tự nhiên và lắp răng giả. - Giấy cản được phủ một lớp mực dễ chuyển, làm nổi bật chính xác các điểm tiếp xúc khớp cắn. - Có độ dày 100μ, hai mặt xanh đỏ - Quy cách Hộp 10 xấp (120 tờ) - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Hộp 120 tờ (= 10 xấp x 12 tờ)	Xấp	30	28.000	840.000		K07.03.000		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHÀ KHOA
188	PP26000 16814	Giấy in kết quả điện tim 6 cần 14cm x 11m	Giấy đo điện tim 110x140 mm	PAP-ECG-B-110*140	2025; 2026	Việt Nam	Công ty TNHH Context Việt nam	KT 110mm x 140mm x 143 tờ, dùng cho máy điện tim 6 cần Nihonkohden. Đạt ISO 13485.	01 gói /xấp	Xấp	2.500	21.000	52.500.000				Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
189	PP26000 16815	Giấy in kết quả siêu âm đen trắng	Giấy in siêu âm	CTP-110S	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Context Việt Nam	Tương thích với máy in siêu âm Sony & Mitsubishi. Kích thước: 110mm x 20m Khả năng chống nước cao. Bề mặt bảo vệ đầu in nhiệt. Bề mặt chống tích điện. Chất lượng in vượt trội. Chống nhiệt và chống ẩm tốt. Độ cong thấp.	Gói 01 cuộn	Cuộn	1.000	54.000	54.000.000				CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LAN TIỀN
190	PP26000 16816	Giấy in nhiệt	Giấy in nhiệt 57mm	PAP-GSH-R-57	2025; 2026	Việt Nam	Công ty TNHH Context Việt nam	Kích thước: 57mm x 30m, dùng cho máy in nhiệt nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Hộp 10 cuộn	Cuộn	230	8.500	1.955.000				Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C

STT	Mã phân (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu, năm xuất	Nước xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu
191	PP26000 16817	Giấy in nhiệt 50 mm	Giấy in nhiệt 50 mm	PAP-GSH-R-50	Việt Nam	Công ty TNHH Context Việt nam	Giấy in nhiệt. Kích thước 50mm x 30m. Dùng cho máy phân tích nước tiểu U-QA Smart. ISO13485	10 cuộn/ hộp	Cuộn	400	7.500	3.000.000	Công ty TNHH Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật MEDIC	
192	PP26000 16818	Giấy in nhiệt 80 mm	Giấy in nhiệt 80 mm	PAP-GSH-R-80	Việt Nam	Công ty TNHH Context Việt nam	Giấy in sử dụng cho in phiếu khám bệnh và cây lấy số tự động. kích thước 80mm x 45mm (±2mm) Đạt tiêu chuẩn ISO13485	gói/1 cuộn	Cuộn	400	18.000	7.200.000	Công ty TNHH Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật MEDIC	
193	PP26000 16819	Giấy in nhiệt dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Giấy in nhiệt	110*20/ Printing Paper trở về sau 2025	Trung Quốc	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd	Giấy in nhiệt 110mm x 20 m Màu nền trắng trơn, không sọc Đạt ISO 13485.	1 gói/ 2 cuộn	cuộn	100	17.850	1.785.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH	4823
194	PP26000 16821	Giấy lau kính	Giấy lau kính	Lens cleaning paper 2025	Trung Quốc	Ningbo Sintrue Medical Instruments Co., Ltd	Dùng lau kính hiển vi. Kích thước 10x15cm	Hộp/ 100 tờ	Tờ	1.800	500	900.000	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật MEDIC	
195	PP26000 16822	Giấy lọc định tinh F11cm, 4500-2110 (100 tờ/hộp)	Giấy lọc	4500-2110 F11cm, định tinh (100 tờ/hộp)	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	Giấy lọc miếng tròn đường kính 11cm	100 tờ/hộp	Xấp	50	78.840	3.942.000	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
196	PP26000 16823	Giấy monitor sản khoa sử dụng cho máy monitor sản khoa BT-350	Giấy monitor sản khoa Analogic USA-3, Bistos BT-350 (sọc đỏ)	152*90* 150/ CTG Paper	2025 trở về sau	Trung Quốc	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd	Kích thước: 152 mm x 90 mm x 12mm / 150 tờ. Sọc lưới đỏ. Sử dụng tương thích với máy monitor sản khoa BT-350 Đạt ISO 13485.	Gói /xấp	Xấp	20	23.100	462.000		N00.00.000	4823	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
197	PP26000 16824	Giêm Sa Mẹ	Giemsa's Azur eosin methylene blue Solution 1092041 000	1092041 000	2025-2026	Đức	Merck KGaA	- Dung dịch Giemsa sử dụng trong các kỹ thuật nhuộm sắc thể đỏ (Nhuộm mô, tế bào) - Nhân tế bào (Mẫu mô): từ xanh đến xanh đen - Tế bào (cell): từ xanh đến xanh đen - Collagen: Màu xanh nhạt - Osteoid : Màu xanh nhạt - U hạt tăng bạch cầu ái toan (Mẫu mô): Màu đỏ - Mucopolysaccharides có tính axit: Màu đỏ tím - Hạt tế bào Mast: Màu đỏ tím - Cartilage matrix : Màu đỏ tím - Vật liệu ura acid: Màu đỏ cam - Vi khuẩn HP: Từ xanh đến xanh đen - pH: 6.0 - 8.2 - Chai 1000ml	1L/chai	Chai	2	2.061.720	4.123.440			CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	
198	PP26000 16825	Hệ thống chữ T cai máy thở	Bộ dây nối Oxy co nối chữ T (OXYGEN RECOVERY "T" KIT)	4013T 4013T2. VV	2025	Ấn Độ	Suru International Pvt. td./	- Chất liệu: ống PVC, đầu nối PP - Cổng hút đàm 7,6mm có nắp, không cản ngắt kết nối với nguồn oxy - Có sẵn các lựa chọn van venturi loại: 28%, 35%, 40% hoặc 60% - Dây oxy 2m - Co T có kích thước 22mm M / 15mm F dùng để cung cấp oxy cho bệnh nhân sau phẫu thuật, cung cấp oxy trong lúc chuyển bệnh, hỗ trợ bệnh nhân thở trước khi tháo ống nội khí quản. - Đầu nối 15mm phù hợp với tất cả các ống nội khí quản - Tốc độ dòng có thể điều chỉnh 200cc/giây - 1200cc/ giây - Tiệt trùng - Không DEHP, không Latex	Cái/ Gói	Cái	50	73.290	3.664.500	N04.03.090.40 30.115.0001		9018	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Khánh Lâm An

STT	Mã phần (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đa bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
199	PP26000 16826	Dung dịch nhuộm mô Hematoxylin	Hematoxylin	Cancer Diagnostic, Inc. (CDI)	2025; 2026	Mỹ	Cancer Diagnostic, Inc. (CDI)	Dung dịch này không chứa oxit thủy ngân, và nhuộm nhanh trong 2-5 phút, độ pH: 2,3-2,5. Thanh phần gồm có: Nước; Hematoxylin; Muối nhôm; Select Glycolis; Select Acid; Select Preservative. Quý cách: chai 1000ml - ISO 13485	Chai 1000ml	Chai	5	1.650.000	8.250.000			Công ty TNHH Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật MEDIC
200	PP26000 16828	Keo dán lamên	Keo dán lamên	Cancer Diagnostic, Inc. (CDI)	2025; 2026	Mỹ	Cancer Diagnostic, Inc. (CDI)	Là một loại keo gắn nhanh với độ nhớt thấp dùng để gắn lamên với lam kính. Chất chống oxy hóa được thêm vào để ngăn ngừa phai màu vết nhuộm và các vết ô hàng năm. Nó hòa tan trong Xylene, Toluene và hầu hết các chất thay thế xylene. - Tính chất vật lý: chất lỏng không màu, mùi điển hình, Mật độ, g/cm3: 0,941, Phạm vi sôi, ° F: 231 – 656, Điểm chớp cháy, ° F: 40 - Thanh phần gồm có: Toluene:50-75%, Acrylic copolymer: 25-50%, Butylated hydroxytoluene: 1-2,5%.	Chai 118ml	Chai	2	850.000	1.700.000			Công ty TNHH Thương mại& Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật MEDIC
201	PP26000 16829	Kẹp mũi	Kẹp mũi	MIR Medical International S.P.A.	2025 trở về sau	Italy	MIR Medical International S.P.A.	Kẹp màu xanh, có đệm nút êm	1 cái/gói	Cái	20	135.000	2.700.000	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
202	PP26000 16830	Kẹp rốn trẻ sơ sinh	Kẹp rốn MPV	Công ty Nhựa y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	2026	Việt nam	Công ty Nhựa y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao, Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016	Hộp 100 cái x 30h/ kiện	Cái	300	360.000	76.000.000		3926	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
203	PP26000 16831	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 3 lớp, PRE, đeo tai, VT (1 cái/gói - 50 cái/gói) (Danameco, VN)	KTY3PL YVT	2025 - 2026 trở về sau	Việt Nam	Danameco	Mã quản lý sản phẩm: KTY103BV001 hoặc KTY103WV001 Khẩu trang thiết kế có nếp gấp. Cấu tạo 3 lớp: - Lớp ngoài: Vải không dệt không thấm nước - Lớp giữa: Giấy vi lọc thổi khí Meltblown không thấm nước - Lớp trong tiếp xúc da mặt: Vải không dệt không thấm nước Thanh nẹp mũi bằng nhựa hoặc kim loại bọc nhựa, mềm dẻo, dễ uốn nắn, định hình. Chiều dài 10cm (± 1 cm) Dây thun đeo tai, mềm mại, đàn hồi Kích thước khẩu trang: 17.5 x 9 cm (± 0.5 cm). Độ bung tối đa của khẩu trang theo chiều rộng: 16.5 cm (± 0.5 cm) Hiệu suất lọc khuẩn (BFE): $\geq 99\%$ Hiệu suất lọc hạt (PFE): $\geq 99\%$ Áp lực thở (DeltaP) < 5mmH ₂ O/cm ² Đóng gói: 1 cái/ bao tiệt trùng - 50 cái/ túi nylon. Đã tiệt trùng bằng EO gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; cGMP, EN ISO 11135:2014	1 cái/gói - 50 cái/gói	Cái	140.000	445	62.300.000	N08.00.310.41 96.000.0001		6307	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
204	PP26000 16832	Khẩu trang y tế dùng trong phẫu thuật	Khẩu trang y tế 3 lớp PRE dây buộc, Blue, VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	KTY3D PBTVT0 5010	2025 - 2026 trở về sau	Việt Nam	Danameco	Chủng loại: KTY3PLYVT Khẩu trang thiết kế có nếp gấp. Cấu tạo 3 lớp: - Lớp ngoài: Vải không dệt không thấm nước - Lớp giữa: Giấy vi lọc thổi khí Meltblown không thấm nước - Lớp trong tiếp xúc da mặt: Vải không dệt không thấm nước Thanh nẹp mũi bằng nhựa hoặc kim loại bọc nhựa, mềm dẻo, dễ uốn nắn, định hình. Chiều dài 10cm (± 1 cm) Dây buộc vải không dệt không thấm nước, chiều dài: 40cm x 4 dây Kích thước khẩu trang: 17.5 x 9 cm (± 0.5 cm). Độ bung tối đa của khẩu trang theo chiều rộng: 16.5 cm (± 0.5 cm) Hiệu suất lọc khuẩn (BFE): $\geq 99\%$ Hiệu suất lọc hạt (PFE): $\geq 99\%$ Áp lực thở (DeltaP) < 5mmH ₂ O/cm ² Đóng gói: 1 cái/ bao tiệt trùng - 50 cái/ hộp. Đã tiệt trùng bằng EO gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; cGMP EN ISO 11135:2014	1 cái/ gói	Cái	25.000	720	18.000.000	N08.00.310		6307	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
205	PP26000 16833	Khóa 3 ngã (không dây)	Khóa 3 chạc không kèm dây nối	9000	2025 trở về sau	Ấn Độ	Wellmed International Industries Pvt.Ltd	"Khóa ba ngã - Không kèm dây nối - Đầu nối Luer lock dạng xoay làm bằng nhựa Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS), kết nối chắc chắn, tương thích với hệ thống dây truyền - Van 3 cánh làm bằng Nhựa Polyethylene (PE), xoay 360 độ, có mũi tên chỉ hướng dòng chảy, dòng chảy ngắt dòng sau mỗi 90 độ - Thân khóa làm bằng Nhựa Polycarbonate (PC) - Nút chặn không có công tiêm làm bằng nhựa High-Density Polyethylene (HDPE) - Chịu được áp suất 5 bar Giấy chứng nhận: ISO 13485 Tiệt trùng EO	1 cái/ gói	Cái	300	2.790	837.000	N03.05.060.43 90.115.0001		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY

STT	Mã phân (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu							
206	PP26000016834	Khóa 3 kèm dây	Khóa 3	Khóa 3	2025	Ấn Độ	Wellmed International Pvt.Ltd	"Khóa ba ngã - Kèm dây nối - Chiều dài dây ≥25 cm - Đường kính dây 3,0 x 4,1 mm - Đầu nối Luer lock dạng xoay làm bằng nhựa Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS) - Van 3 cánh làm bằng Nhựa Polyethylene (PE), xoay 360 độ, có mũi tên chỉ hướng dòng chảy, dòng chảy ngược sau mỗi 90 độ - Thân khóa làm bằng Nhựa Polycarbonate (PC) Giấy chứng nhận - ISO 13485	1 gói	Cái	8.000	3.490	27.920.000	N03.05.060.43	90.115.0002	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY	9018	CÔNG TY TNHH KHOA THUẬT S.N.C	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG		
207	PP26000016835	Khăn dục bệnh phẩm	Embeddi cassette màu nhựa POM, nắp rời 1106-12	Khăn dục bệnh phẩm	2024	Trung Quốc	Citotest Manulac Co., Ltd	Thiết kế bế bản là đặc biệt khóa chất hộp đựng và nắp lại với nhau, giúp đóng mở nắp thuận tiện hơn mà không gây nguy cơ mất mẫu - Được làm bằng vật liệu P.O.M, chống lại 100% phản ứng hóa học của dung môi mô học - Có lỗ hình chữ nhật kích thước 5mm×1mm - Có hai vùng dán nhãn lớn ở hai bên hộp đựng và một mặt viết nghiêng phía trước góc 45°, phù hợp với hầu hết các máy dán nhãn tự động - Nắp có thể tháo rời dễ dàng tháo ra và lắp lại - Được nạp sẵn bằng ống bọc hoặc băng dính, tối ưu hóa dạng kẻ sự tiện lợi cho người dùng - Hình dạng bên ngoài: Không có điểm đen hoặc tạp chất	250 cái/hộp	Cái	3000	1.296	3.888.000			CÔNG TY TNHH KHOA THUẬT S.N.C						
208	PP26000016836	Kim canh bướm các số	Kim canh bướm ECO	Kim canh bướm ECO	2026	Việt nam	Công ty Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Kim châm cứu dùng cho điều trị trong châm cứu Đường kính: 0,16-0,45mm Chiều dài: 13-75mm Kim châm cứu vô trùng dùng 1 lần, được khử trùng hợp lệ, đảm bảo độ vô trùng Kim sử dụng thép y tế không gỉ 06Cr19Ni10 (S304). Có khả năng chống ăn mòn tốt nếu được bảo quản trong điều kiện tiêu chuẩn. Đầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét, không có vết nhám, rãnh, gai hoặc mốc. Áp lực chịu tác động của kim: 0,4N - 0,6N Lực châm: 0,7N - 0,9N Độ cứng của thân kim: (480-650) HV theo thang đo Vickers Thân kim được cuộn chặt quanh 1 trục gá có đường kính gấp 3 lần thân kim, thân kim không bị nứt, gãy hay tách lớp. Kim vi nhôm, đúc đồng có khuôn Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE	01 cái/túi	Chiếc	3.500	940	3.290.000	N03.02.020.09	76.000.0003					CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

STT	Mã phân (16)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
209	PP2600016837	Kim châm cứu các số	Kim châm cứu tiết trùng dùng một lần	TX-Pinpai	2025 trở về sau	Trung Quốc	Suzhou Tianxie Acupuncture Instruments Co., Ltd	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, được cuộn xoắn ốc đồng đều, bằng 1 sợi thép y tế, có màu đồng nhất, không có nếp nhăn. - Thân kim được làm từ thép không gỉ có khả năng chống gỉ, chống ăn mòn, không có vết nứt, vết gãy hoặc tách thành các lớp - Kích thước của kim: Đường kính x Chiều dài: (0,16 - 0,45)mm x (13 - 75) mm - Đầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét và không có vết nhám, gờ, rìa gai hoặc móc - Đầu kim không bị cong hoặc ran nứt sau khi bị tác động áp lực và lực châm tiêu chuẩn - Kim được đóng gói vô trùng, mỗi kim là khuôn riêng biệt. Vì được làm từ nhựa và giấy, dễ xé trong quá trình sử dụng, đảm bảo vô khuẩn. Vì được tạo đường rãnh xé giữa các kim, dễ dàng xé từng kim khi sử dụng mà không ảnh hưởng đến các kim còn lại. - Thiết kế an toàn, dễ sử dụng, tiết kiệm thời gian. - Chứng nhận: ISO 13485:2016	10 cái/ ví	Cây	300.000	232	69.600.000	N03.04.010.40 42.279.0003		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
210	PP2600016838	Kim chọc dò gây tê tủy sống các số	Kim chọc dò tủy sống Uniever	K-3 Lancet Point	2025 trở đi	Nhật Bản	Unisis Corp	- Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 3 1/2", sắc bén - Chuôi kim có tích hợp lăng kính phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Lăng kính trở nên trong suốt sau khi dịch não tủy xuất hiện... - Có các cỡ G18, G20, số G22 (dài 40mm, 88mm), G25, G27 - Đóng gói vô khuẩn từng cái	Hộp/ 25 cái	Cái	3000	28.200	84.600.000	N03.03.070.62 31.232.0001	N03.03.000	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DSC VIỆT NAM
211	PP2600016839	Kim gây tê đâm rối thần kinh dùng với máy Stimulator dài từ 100mm	STIMUP LEX A,30,21 GX4,0.8 0X100	4894260	2025 trở về sau	Nhật Bản	Hakko Co., Ltd	- Kim gây tê đâm rối thần kinh, cỡ 21G, dài 100mm (4") - Kim được lớp phủ cách điện giúp đảm bảo an toàn trong khi tiến hành thủ thuật - Có đánh dấu mỗi khoảng 1 cm trên thân kim, hỗ trợ xác định độ sâu khi chọc dò - Chuôi kim trong suốt có các rãnh chống trượt giúp dễ cầm khi chích và quan sát được dòng chảy khi bơm thuốc - Dây nối bơm thuốc để hạn chế đi lệch kim (Chính là dây truyền thuốc gắn cố định với chuôi kim) - Tương thích với máy kích thích thần kinh Stimuplex	25 cái/ hộp	Cái	50	199.500	9.975.000	N03.03.070.23 34.232.0001	N03.03.070	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hang sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
212	PP26000 16840	Kim gây tê thần kinh đảm rời LEX A, STMUP 30,22GX 2,0,70XS 0 Stimulator máy dùng với đai từ 50 mm	SPINOC AN 29GX31/ 2*(88M M)	4501900 -13	2025	Nhật Bản	Hakko Co., Ltd	- Kim gây tê đảm rời thần kinh, cỡ 22G, dài 50mm - Kim được lớp phủ cách điện giúp đảm bảo an toàn trong khi tiến hành thủ thuật - Cò đánh dầu môi khoan 1 cm trên thân kim, hỗ trợ xác định độ sâu khi chọc dò - Chuột kim trong suốt có các rãnh chống trượt giúp dễ cầm khi chích và quan sát được dòng chảy khi bơm thuốc - Dây nối bơm thuốc dễ hạn chế di lệch kim (Chính là dây truyền thuộc gần cò định với chuột kim) - Tương thích với máy kích thích thần kinh Stimplex	25 cái/ hộp	Cái	100	178.500	17.850.000	N03.03.070.23 34.232.0002	N03.03.070	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
213	PP26000 16841	Kim gây tê rủy sống số 29	SPINOC AN 29GX31/ 2*(88M M)	4501900 -13	2025	Nhật Bản	Braun Aesculap Japan Co. Ltd	Đầu kim Quincke 3 mặt vật dài 3 1/2" G29, sắc bên Chuột kim có tích hợp lăng kính phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra . Lăng kính trở nên trong suốt sau khi dịch não tủy xuất hiện	25 cái/ hộp	Cái	50	2.467.500	N03.03.070.03 27.232.0006	N03.03.070	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB	
214	PP26000 16842	Kim lấy thuốc G18 đến G25	Kim tiêm ECO	KT18G: ECO KT20G: ECO KT22G: ECO KT23G: ECO KT25G: ECO KT26G: ECO KT27G: ECO	2026	Việt nam	Công ty Nhựa y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, có nắp chụp bảo vệ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có độ cứng cơ khí, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế. Đồng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốc, không DEHP (có phớt phân tích chất lượng). Các cỡ kim: Cỡ kim 18GX1½", 20GX1½", 22G x 1 1/2", 22G x 1 1/4", 23GX1", 23GX1½", 25GX1", 25GX1½", 25GX5/8", 26GX1/2", 26GX5/8", 27GX5/8", 27GX1½", ISO 13485:2016	Hộp 200 cái x 50h/ kiện	Cái	100.000	191	19.100.000	N03.02.060	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ BÀ NANG	

STT	Mã phân (16)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
215	PP2600016843	Kim luân an toàn có cánh có cổng các cỡ 18-22G	Kim luân tĩnh mạch an toàn - Polysafet y	11892 11894 11895	2025 Trở về sau	Ấn Độ	Poly Medicur e Limited	khóa dễ dàng mở và đóng, có đầu bảo vệ bằng nhựa. • Ống PUR, Có 6 đường cân quang • Dụng cụ thân thiện, cơ chế an toàn tự kích hoạt. • Bộ phận bảo vệ kim an toàn tự động che phần vật nhọn của kim giảm thiểu nguy cơ bị thương do kim đâm. • Đầu bảo vệ kim an toàn nhẵn, mịn • Chuôi kim ôm sát thân kim dễ dàng thao tác • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn • Kim được làm từ thép không gỉ, sắc bén, được phủ 1 lớp silicone • Mắt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch trơn tru, nhẹ nhàng. • Trim Length, khoảng cách từ đầu kim luân đến đầu mặt vát: 0mm~1mm (ISO 10555) • Tiệt trùng bằng khí EO. • Sử dụng 1 lần TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng dòng chảy 11892: 18Gx13/4": Ø 1.3/45mm - 100ml/min 11894: 20Gx11/4": Ø 1.1/32mm - 61ml/min 11895: 22Gx1": Ø 0.9/25mm - 36ml/min	50 cái/hộp	Cây	200	13.860	2.772.000	N03.02.070	N03.02.070	9018	CÔNG TY TNHH THÁI TRƯƠNG
216	PP2600016844	Kim luân tĩnh mạch có cánh có cổng các cỡ	Kim luân tĩnh mạch có cánh, cổng VINACA TH	VNC-14G00000 VNC-16G00000 VNC-17G00000 VNC-18G00000 VNC-20G00000 VNC-22G00000 VNC-24G00000	Từ năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Kim luân tĩnh mạch có cánh có cổng các cỡ (các cỡ) - Mũi kim bằng thép không gỉ 304, phủ silicon, thiết kế 03 góc vát, độ dày đầu nhọn ≤ 0.05mm. - Thời gian lưu kim (ống thông) liên tục lên đến 96 giờ. - Ống thông Fluorinated ethylene propylene (FEP), có 03 đường cân quang. - Thân kim làm từ Styrene-butadiene, trong suốt, đầu nối lõm hình côn có độ côn 6%. - Buồng chặn Polypropylen cấp độ y tế, chống rò rỉ chất lỏng, có màng lọc PTFE kháng khuẩn. - Kim luân có các cỡ: G14, G16, G17, G18, G20, G22, G24 - Độ bền kéo ống thông 14G - 22G: ≥ 15,20 N; 24G: ≥ 6,00 N. - Đường kính x Chiều dài và Lưu lượng dòng chảy qua ống thông phù hợp TCVN 7609-5: G14: 1.9 x 42 mm 265 ml/ phút G16: 1.6 x 42 mm 170 ml/ phút G17: 1.4 x 42 mm 135 ml/ phút G18: 1.2 x 40 mm 100 ml/ phút G20: 1.0 x 32 mm 60 ml/ phút G22: 0.8 x 25 mm 30 ml/ phút G24: 0.7 x 19 mm 18 ml/ phút - Cổng bơm thuốc nằm ở vị trí trung tâm và kết nối chặt chẽ với kim, giúp kim không bị dịch chuyển khi bơm thuốc, có van silicon một chiều chống rò rỉ dịch. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO₂ tỉ lệ 20:80). - Đạt tiêu chuẩn: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	50 cái/hộp	Cái	25.000	4.000	100.000.000	N03.02.070	9018	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHOA VY	
217	PP2600016846	Lam kính	Lam kính	GT201-7102-2		Trung Quốc	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd	Lam kính tròn (7102); có đầu mờ; 1-1,2mm; 25,4x76,2mm. Độ dày: 1.0-1.2mm. Vật liệu cấu thành: Kính.	Hộp 72 cái	Hộp	200	16.500	3.300.000				Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C

STT	Mã phần (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
218	PP26000	Lam kính	lâm mắt	Lam kính mắt	GT201-7105-3	Trung Quốc	Ningbo Greentree Medical Instruments Co., Ltd	Độ dày: 1,0-1,2 mm, kích thước: 25,4 x 76,2 mm (1"-3"), Vật liệu cấu thành: Kính, lam kính nhám.	Hộp 72 cái	Hộp	400	20.000	8.000.000				Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
219	PP26000	Lamen	22x22 mm	Phiên kinh (Lamen) m (100c/ hộp) 0340-1130	2024-0340-1130	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	- Chất liệu: Được làm bằng thủy tinh siêu trắng (CSW), có tính chất quang học lý tưởng, cấu trúc phân tử ổn định, độ phẳng và kích thước đồng đều. - Dày: 0,13 - 0,16mm - Kích thước: 22x22±0,5mm - Không màu và trong suốt, bề mặt phải phẳng và không được lượn sóng. Đáp ứng ISO2859-1:1999 Normal test level II - Chỉ số khúc xạ: ne=1,523±0,005 - Độ bền hóa học: chống ăn mòn trong không khí - Ứng dụng được đề xuất: quy trình làm việc thủ công trong mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh	100 cái/hộp	Hộp	40	32.400	1.296.000				CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
220	PP26000	Lamen	24x50 mm	Phiên kinh (Lamen) m (100c/ hộp) 0340-3610	2024-0340-3610	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	- Chất liệu: Được làm bằng thủy tinh siêu trắng (CSW), có tính chất quang học lý tưởng, cấu trúc phân tử ổn định, độ phẳng và kích thước đồng đều. - Dày: 0,13 - 0,16mm - Kích thước: 24x50±0,5mm - Không màu và trong suốt, bề mặt phải phẳng và không được lượn sóng. Đáp ứng ISO2859-1:1999 Normal test level II - Chỉ số khúc xạ: ne=1,523±0,005 - Độ bền hóa học: chống ăn mòn trong không khí - Ứng dụng được đề xuất: quy trình làm việc thủ công trong mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh	100 cái/hộp	Cái	12000	864	10.368.000				CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
221	PP26000	Kim chọc	Kim chọc	Kim chọc (Lancet)	GT042-200	Trung Quốc	Taizhou	Kim sắc bên được làm từ thép không gỉ.	Hộp 200 cái	Cái	10.000	161	1.610.000	N03.02.030.40	N03.02.030	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
222	PP26000 16851	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm vô trùng	Lọ mẫu nước tiểu nhựa PP 60ml, nắp đỏ, có nhãn, tiệt trùng	PFB001 0502	2025 trở về sau	Việt nam	Công ty TNHH Polygree n Việt Nam, Việt Nam	Lọ mẫu nước tiểu bằng nhựa PP tinh khiết 100%, dung tích 60ml, Nắp màu đỏ. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, Tiệt trùng bằng khí EO.	50 lọ/ túi, 600 lọ/ thùng	Cái	5.000	1309	6.545.000	N03.07.070.60 45.000.0003		3926	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
223	PP26000 16853	Lưỡi dao cắt mô	Lưỡi dao cắt tiêu bản Feather dùng 1 lần A-35	A-35	từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Feather Safety Razor Co., Ltd.	Lưỡi dao cắt tiêu bản dùng một lần các loại, các cỡ: Nguyên liệu thô: -Chất liệu: thép không rỉ -Chiều dài: 80 mm -Chiều cao: 8 mm -Góc lưỡi: 35 độ -Dùng 1 lần, tiêu chuẩn tạo ra các phần rất mỏng và phù hợp với các mô cứng và mô mềm. -Chất lượng: tuổi thọ sử dụng rất cao (kể cả đối với mô cứng) -Độ bền cao -Thời gian cắt ngắn với góc hờ tương ứng. -Rất sắc bén -Chưa tiệt trùng Phủ lớp crom tăng độ bền của lưỡi dao, tăng khả năng chống rỉ sét, ngăn cùn, mờ và trầy xước trong quá trình cắt. Phủ bạch kim (Platinum Sputtering) và phủ PTFE: tăng cường độ sắc bén và giảm lực cản khi cắt. Tương thích với nhiều loại máy cắt. Cắt được hầu hết các loại mô (mô cứng, mô mềm, mô sinh thiết lạnh, mô dài...) - Tiêu chuẩn Chất lượng: FDA, ISO, Free Sales	Hộp/50 cái	Cái	400	39.900	15.960.000	N05.03.070.20 74.232.0002	N05.03.070	9018	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ANH DƯƠNG
224	PP26000 16854	Mask gây mê các cỡ	Mask gây mê các cỡ	HW001-x	2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo Hanyue Medical Technology Co., Ltd.	Được làm từ nhựa y tế không độc hại. • Đệm hơi mềm mại đàn hồi kín không khí và ít mùi. • Mặt nạ được thiết kế đặc biệt phù hợp với khuôn mặt bệnh nhân tạo cảm giác thoải mái. • Được sử dụng trong kết nối với các thiết bị như máy gây mê, máy thở, máy oxy áp suất cao. • Được tiệt trùng, đóng gói riêng lẻ từng cái. • Size: 1, 2, 3, 4, 5. • Quy cách: 1 cái/gói	Cái/ gói	Cái	150	25.000	3.750.000	N08.00.310.63 17.279.0001	N08.00.310	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB

STT	Mã phân (10)	Danh mục hàng hóa	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Mã vật tư	Mã nhóm theo QĐ số	Mã nhóm theo Thông	Mã HS	Tên nhà thầu	
225	PP26000	Mask oxy	Mask oxy có túi các số	Mask na thở oxy có túi (S), Adult (L), Pediatric (XL), Elongated (Q), Sterile and Non-sterile	2025	Trung Quốc	Hitec Medical Co., Ltd	- Có đủ kích cỡ (size) cho trẻ em và người lớn. - Được làm từ chất liệu nhựa PVC y tế; Mask kèm dây đeo đàn hồi, kẹp nhôm gắn lên mũi một cách thích hợp bảo đảm sự thoải mái, kẹp nhôm gắn lên mũi một cách thích hợp bảo đảm sự thoải mái. - Dây dẫn cung cấp oxy dung tích: 1000ml - Dây dẫn cung cấp oxy dung tích: 200cm. Lòng ống có khía chống gấp. - Tiêu chuẩn ISO 13485	Thùng/ 100 cái	Cái	800	12.100	9.680.000	N08.00.310.24	13.279.0008	N08.00.000	9020	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DSC VIỆT NAM
226	PP26000	Mask xông	Mask xông size M, L, XL	Mask xông MPV	2026	Việt nam	Công ty Nhựa y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	- Mask thủ được làm từ nhựa PVC mềm, dẻo, trong suốt, không chứa DEHP, không latex, mang lại cảm giác an toàn và thoải mái cho người sử dụng. Bề mặt nhẵn mịn, không gây dị ứng, không gây tổn thương. - Có màu trắng trong. - Kẹp mũi nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Lòng ống có khía chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. - Dây chun có định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao, dẻo có định qua đầu. - Cốc chứa thuốc 6ml, thiết kế thẳng đứng, giảm tổn động thuốc sau khi phun. - Áp lực hoạt động: 0,5 – 1 bar - Kích thước hạt: 3-5um - Dây nối Oxy: dây dẫn hơi, chống gấp, chống xoắn, có chiều dài 2m – 2,1m, được tiết trùng bằng khí EO nâng từng bộ. - Có kết nối dạng trượt hoặc luer lock - Có các loại cho người lớn và cho trẻ em (các cỡ S, M, L, XL) - Tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016	Túi 01 cái x 100 túi / kiện	Cái	1.000	10.250	10.250.000	N08.00.310	3926	CÔNG TY CỔ THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG		
227	PP26000	Mặt nạ thanh quản	Mặt nạ thanh quản 2 GEL	Mặt nạ thanh quản 2 GEL	2025	Quốc Anh	Intersurgical	+ Chất liệu: medical grade thermoplastic elastomer (dẫn hơi nhiệt dẻo y tế). + Sản phẩm được vệ trùng (Sterile) non+ PVC, non+ latex. + Trọng lượng tương ứng từ size 1 > 5: 12,4g / 20,4g / 32g / 49,9g / 47,3g / 58,6g / 72,2g. + Không cần bơm hoặc nút khi khi đặt. + Thở gian đặt thấp hơn 20 giây rất nhanh và gọn. + Mask đảm bảo kín khí và màu sắc nhẵn diện rộng biết từ size 1: 1, 5; 2, 2, 5; 3, 4; 5 + Có nòng da dày thủ 2 thiết kế bên trong lòng ống giúp hút dịch trong cùng lúc bệnh nhân vẫn thở (tương ứng với 3 size 3/4/5 là 22,6ml / 26,5ml/ 34ml) + Thể tích bên trong tương ứng 3 size 3/4/5 là 22,6ml / 26,5ml/ 34ml + Thiết kế là chân nằm cuối mask ngăn không cho nước tràn rơi xuống làm cản trở đường thở. + Mask đang bán có định không bị xoay khi đặt và kết hợp chống bệnh nhân cần ông làm ảnh hưởng đến đường thở thay cho airway miệng. + Trên thân ống thể hiện số kg và size cho từng bệnh nhân và thể hiện vạch lồi da khi đặt. + Co nối: 15mm	Túi 1 cái	Cái	35	745.500	26.092.500	N08.00.310.49	00.107.0006	N08.00.310	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
228	PP26000 16859	Miếng cảm máu gelatin dùng mô tả dạng ống	Vật liệu cảm máu Equispon chất liệu Gelatin, kích thước dạng ống 8x3cm	EQU-80-30	2024-2025	Hà Lan	Equimed ical B.V.	Vật liệu cảm máu tự tiêu dùng trong tất cả phẫu thuật - Chất liệu bằng gelatin dạng xốp, hiệu quả cảm máu 2-4 phút, có thể hấp thụ lại hoàn toàn bằng phương pháp tái hấp thụ enzym và thủy phân, thời gian tái hấp thụ 4-6 ngày. - Kích thước: dạng ống 8x3cm - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp 5 Miếng	Miếng	70	152.586	10.681.020	N02.04.050.47 83.173.0012	N02.04.050	3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG LÂM
229	PP26000 16860	Miếng cảm máu mũi	Bóng xốp cảm máu mũi SUNTO UCH	ND0802 B	2025 trở về sau	Trung Quốc	Huizhou Foryou Medical Devices Co., Ltd.	- Kích cỡ khoảng 80x20x15mm loại có dây, được nén ép trong túi tiệt trùng, có thể cắt định hình theo nhu cầu thực tế. Chất liệu PVA (polyvinylacetat) hấp thụ cao. Sử dụng trong phẫu thuật mũi xoang, hốc mũi với tốc độ cảm máu nhanh, thấm hút cực tốt có thể lên tới trên 20 lần trọng lượng ban đầu. - Đóng gói tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA	10 miếng/hộp	Miếng	200	49.300	9.860.000	N02.04.040.61 97.279.0002		3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
230	PP26000 16865	Mô vật phụ khoa	Mô vật MPV	MV	2026	Việt nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)/ Việt Nam	Mô vật cỡ M và L, sản xuất từ chất liệu nhựa nguyên sinh, độ trơn láng cao. Sản phẩm đã được tiệt trùng và chỉ sử dụng 1 lần để phòng tránh các bệnh lây nhiễm qua đường sinh dục. Công dụng: dùng để thăm khám âm đạo. Tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016	Túi 1 cái x 300 cái / kiện	Cái	4.000	3.500	14.000.000	N08.00.260.09 76.000.0002		9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG

STT	Mã phần (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo QĐ số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
231	PP26000 16866	Mũ giấy phẫu thuật (1 y tế, VT dùng cho M4, thuật Mũ Phẫu thuật)	Mũ giấy phẫu thuật (1 y tế, VT dùng cho M4, thuật Mũ Phẫu thuật)	Mũ giấy phẫu thuật (1 y tế, VT dùng cho M4, thuật Mũ Phẫu thuật)	2025 - 2026	Việt Nam	Danamec o	"Vải không dệt không hút nước 14gam/m ² (±1), chất liệu 100%PP, màu xanh blue Dây thun đôi gồm 2 sợi thun ôm sát vòng đầu Kích thước mũ con sâu: Rộng 2,2 ÷ 2,5cm x dài 19 ÷ 21cm. Đường kính kéo căng: 47,5 - 52cm Đường kính ở trạng thái nghỉ: 15 - 20cm Đông gói 1 cái/gói - 100 gói/bao. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas 1/ISO 9001:2015 2/ISO 13485:2016 3/ GMP-FDA 21 CFR Part 820 4/ISO 11135:2014,"	1 cái/ gói - 100 cái/ bao	Cái	90.000	419	37.710.000	96.000.000.41	9018	TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO	
232	PP26000 16867	Nền hạt tinh khiết	Paraffin wax	Paraffin wax	2025; 2026	Trung Quốc	Labware Co., Ltd	Được thiết kế để dễ cài thiện khả năng nhưng và thấm thấu vào các phần mô và được cung cấp trong túi có khóa zip tiện lợi. Thành phần gồm có hợp chất của paraffin. Không chứa thành phần độc. Không có dimethyl sulfoxide (DMSO) Màng lại khả năng cắt mịn, giảm thiểu đứt đoạn hay rách lát cắt Độ dày lát cắt giảm xuống còn 2 μm Hình dạng viên ngọc trai tiện lợi. Phạm vi cung cấp: Nhiệt độ nóng chảy đa dạng từ 52 °C đến 62 °C cho bàn lựa chọn. - Tiêu chuẩn ISO 13485	Túi 1kg	Kg	12	290.000	3.480.000			Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C	
233	PP26000 16868	Nếp căng bàn chân	Nếp căng chân ngắn	Nếp căng chân ngắn	GIAHU-019	Việt Nam	Công ty TNHH Hưng Vi	Gồm bàn nếp hợp kim nhôm, đệm mút, vải cotton, vải không dệt và khoá velcro. Được làm từ bàn nếp hợp kim nhôm định hình uốn theo độ cong của bàn chân và căng chân, sản phẩm được bọc bởi đệm mút, vải cotton và hệ thống khoá velcro giúp cố định căng bàn chân. Dùng cho bệnh nhân có kích thước chân size L (Size 3). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	1 cái/ gói	Cái	100	116.025	11.602.500	22.000.000.13	9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH	

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
234	PP26000 16869	Nep căng tay	Nep căng tay dài (trái - phải)	GIAHU-007	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Một thành viên Gia Hưng Vi Na	- Chất liệu: Vải có lỗ thoáng khí, vải cotton, mút xốp, vật liệu tự dính. Băng nhám dính (khóa Velcro), nep hợp kim nhôm uốn định hình và thanh nep đàn hồi. - Chỉ định: Cỗ định chấn thương gãy xương bong gân cẳng tay, cổ tay và bàn tay. Sơ cấp cứu chấn thương xương, khớp, cân cơ vùng cẳng tay, cổ tay. Hỗ trợ cố định sau gãy đầu dưới xương quay, xương trụ, gãy potocol. - Các cỡ: 1-2-3, 4-5-6, 7-8-9 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Túi 1 cái	Cái	100	37.632	3.763.200	N07.06.050.13 22.000.0017		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
235	PP26000 16870	Nep chống xoay	Nep chống xoay dài H2 (NL-TE)	725	2026 trở đi	Việt Nam	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên	- Gồm nep hợp kim nhôm, vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot và băng nhám dính (khóa velcro). - Làm từ bàn nep hợp kim nhôm đàn hồi uốn cong theo độ cong của bàn chân và cẳng chân kết hợp với thanh nep hợp kim nhôm xoay ngang đặc biệt chịu lực tốt, có tác dụng chống xoay và giữ thẳng đầu gối, hệ thống băng nhám dính giúp cố định chân với sản phẩm. - Chỉ định: Cỗ định cổ chân sau chấn thương, sau mổ, chống xoay ở tư thế nằm của chân chấn thương. - Các cỡ: S, M, L, XL - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Túi 1 cái	Cái	100	190.000	19.000.000	N07.06.050.12 51.000.0008	N07.06.050	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI
236	PP26000 16871	Nep cổ cứng	Nep cổ cứng H1	010	2026 trở đi	Việt Nam	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên	- Nep cổ cứng hỗ trợ sau phẫu thuật đốt sống cổ, sơ cứu chấn thương đốt sống cổ. - Chất liệu: mút xốp bằng Ethylene Vinyl Acetate - Cấu tạo: gồm 2 mảnh riêng biệt được gắn với nhau bởi băng nhám dính, có những lỗ nhỏ làm thoáng khí sử dụng. - Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L.	Túi 1 cái	Cái	50	92.000	4.600.000	N07.06.050.12 51.000.0026	N07.06.050	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀ NỘI
237	PP26000 16872	Nep Gối H2	Nep đùi dài (Zimmer)	GIAHU-018	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH MTV Gia Hưng Vi Na	Làm từ thanh nep hợp kim nhôm, mút PU, vật liệu tự dính, vải cotton và khóa velcro. Sản phẩm được ghép từ 3 mảnh khác nhau, mỗi mảnh gồm các thanh nep hợp kim nhôm định hình, đệm mút và vải tự dính. Mảnh ở giữa có 2 thanh nep, hai mảnh còn lại có 1 thanh nep. Các mảnh được gắn với nhau bằng băng nhám dính có thể điều chỉnh. Có các cỡ 40cm, 50cm, 60cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1 cái/ gói	Cái	600	118.000	70.800.000	N07.06.050.13 22.000.0055		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY

STT	Mã phân (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu bình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
238	PP26000 16873	Nhiệt kế 42 độ	Nhiệt kế	NKGM	2025	Trung Quốc	Ningbo GREET MEDICAL Instrument Co., Ltd.	Nhiệt kế thủy ngân có dải đo 35 ~ 42 độ Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	01 cái/ hộp	Cái	300	23.310	6.993.000		9025	CÔNG TY TNHH THUONG MAI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ MINH
239	PP26000 16874	Nước cất	Nước cất 10 lít	Nước cất 10 lít	2026	Việt Nam	Công ty Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (BidiPha r)	Nước cất 10 lít Dùng tráng rửa dụng cụ y tế vô khuẩn, các trang thiết bị khác. Dùng rửa tay, rửa vết thương trong phòng mổ; Tiêu chuẩn ISO 13485; 2016	Can 10 lít	Can	200	102.900	20.580.000	N01.02.050.08 62.000.0001		CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
240	PP26000 16875	Ống khi có lọc	Ống cannula	552010, 552011	Từ 2025	Mexico	Nox Medical	- Chất liệu: nhựa PVC - Chiều dài: 90 cm	40 sợi /hộp	Sợi	40	190.000	7.600.000		9033	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM O
241	PP26000 16877	Ống EDTA lấy mẫu	Ống K2EDTA (Ống URI)	2075010 2	2025	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Wembie y Medical	• Thể tích chứa: 2 mL, có vạch định mức 2 mL và dấu chứng nhận CE trên nhãn. • Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0,5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực lý tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu xanh dương, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. • EDTA ≥ 99,8% của cơ quan kiểm định. • Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.	ống/khay 100 ống/hộp 2.400	Ống	70.000	820	57.400.000	N03.07.070.09 73.000.0004	3926	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY WEMBLEY MEDICAL

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
242	PP26000 16878	Ống Heparin	Ống nghiệm lấy máu URI (Ống nghiệm Lithium Heparin, 2 mL, không tiệt trùng)	URA-2075060 2	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Wembley Medical	Ống nghiệm Lithium Heparin URI, nắp đen • Thể tích chứa: 2 mL, có vạch định mức 2 mL và dấu chứng nhận CE trên nhãn. • Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0.5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút. (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu đen, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. • Hoạt lực Lithium Heparin: 10 - 30 IU/mL máu. Có phiếu kiểm tra độ tạp nhiễm ion Cl- < 0.05% bằng phương pháp AOAC 937.09 của cơ quan kiểm định. • Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.	100 ống/khay, 2.400 ống/thùng	Ống	70.000	840	58.800.000	N03.07.070.09 73.000.0027	3926	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY WEMBLEY MEDICAL	
243	PP26000 16879	Ống ly tâm Eppendorf 1,5mm	Ống ly tâm Eppendorf 1.5ml	HDCT02	2025 trở về sau	Trung Quốc	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd., Trung Quốc	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm 13.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	500 chiếc/túi, 12000c/thùng	Chiếc	8.000	149	1.192.000		3926	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	
244	PP26000 16880	Ống Natri citrat	Ống nghiệm lấy máu URI (Ống nghiệm Tri-sodium citrate 3.2%, 1.8 mL, không tiệt trùng)	URA-2075081 8	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Wembley Medical	Ống nghiệm Tri-sodium citrate 3.2% URI, nắp xanh lá • Thể tích chứa: 2 mL, có vạch định mức 2 mL và dấu chứng nhận CE trên nhãn. • Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0.5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút. (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu xanh lá, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. • Nồng độ Sodium Citrate: 0.109 M (3.2%). Có phiếu kiểm tra độ tinh khiết hóa chất Sodium Citrate > 99.95% của cơ quan kiểm định. • Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.	100 ống/khay, 2.400 ống/thùng	Ống	8.000	830	6.640.000	N03.07.070.09 73.000.0043	3926	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY WEMBLEY MEDICAL	

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu, năm	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu																																																
245	PP26000 16881	Ông nghiệm làm xét nghiệm đường máu	Ông nghiệm làm xét nghiệm Glucose, Sodium Fluoride và Potassium Oxalate, 2 mL, không tiết (trung)	URA-2075100	2025	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Wembley Medical	• Thử tích chứa: 2 mL, có vạch định mức 2 mL và dấu chứng nhận CE trên nhãn. • Thân ống Polypolyene (PP), kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0,5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu xám, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm • Nồng độ hóa chất: S. Fluoride: 1 – 4 mg/mL máu, P. Oxalate: 1 – 3 mg/mL máu. (Có phiếu kiểm định nồng độ của cơ quan kiểm định) • Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.	100 ống/khay 2,400 g	Ông	40.000	810	32.400.000	N03.07.070.09	3926	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY WEMBLEY MEDICAL	245	PP26000 16882	Ông nghiệm lấy máu URI (Ông nghiệm lấy máu, nắp trắng, không tiết (trung))	URA-2075041	2025	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Wembley Medical	• Thử tích chứa: 4 mL, có vạch định mức 1 mL, 2 mL, 3 mL, 4 mL và dấu chứng nhận CE trên nhãn. • Thân ống Polypolyene (PP), kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0,5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu đỏ, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. • Số lượng hạt Polystyrene hình trụ: 0,3 - 0,45 g/ống. Có phiếu kiểm định định danh hạt nhựa Polystyrene bằng phương pháp FTIR của cơ quan kiểm định. • Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.	100 ống/khay 2,400 g	Ông	45.000	750	33.750.000	N03.07.070.09	3926	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY WEMBLEY MEDICAL	246	PP26000 16883	Ông nghiệm lấy máu URI (Ông nghiệm lấy máu, nắp trắng, không tiết (trung))	URA-2075032	2025	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Wembley Medical	• Thử tích chứa: 4 mL, có vạch định mức 1 mL, 2 mL, 3 mL, 4 mL và dấu chứng nhận CE trên nhãn. • Thân ống Polystyrene (PS), kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0,5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu trắng, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. • Số lượng hạt Polystyrene hình trụ: 0,3 - 0,45 g/ống. Có phiếu kiểm định định danh hạt nhựa Polystyrene bằng phương pháp FTIR của cơ quan kiểm định. • Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.	500 ống/bịch, 2.500 g	Ông	55.000	345	18.975.000	N03.07.070.09	3926	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY WEMBLEY MEDICAL	247	PP26000 16883	Ông nghiệm lấy máu, nắp trắng, không tiết (trung))	URA-2075032	2025	Việt Nam	Công ty Cổ phần Nhà máy Wembley Medical	• Thử tích chứa: 4 mL, có vạch định mức 1 mL, 2 mL, 3 mL, 4 mL và dấu chứng nhận CE trên nhãn. • Thân ống Polystyrene (PS), kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0,5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu trắng, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. • Số lượng hạt Polystyrene hình trụ: 0,3 - 0,45 g/ống. Có phiếu kiểm định định danh hạt nhựa Polystyrene bằng phương pháp FTIR của cơ quan kiểm định. • Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE.	500 ống/bịch, 2.500 g	Ông	55.000	345	18.975.000	N03.07.070.09	3926	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY WEMBLEY MEDICAL

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
248	PP26000 16884	Ống nghiệm nhựa nước tiểu có nắp 10ml	Ống nghiệm nhựa PP 16x100mm, nút trắng	PFA005 0406	2025 trở về sau	Việt nam	Công ty TNHH Polygreen Việt Nam, Việt Nam	Ống nghiệm PP tinh khiết 100%, dung tích 10ml, kích thước 16x100mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong. Có nắp đậy sẵn.	200 ống/túi, 1600 ống/thùng	Ống	55.000	750	41.250.000	N03.07.070.60 45.000.0024		3926	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
249	PP26000 16885	Ống nối dây máy thở với nối khí quản	Ống nối dây máy thở có giãn (Catheter mount)	489 541	2025	Thổ Nhĩ Kỳ	Plasti-med Plastik Medikal Ürünler Sanayi ve Ticaret Limited Şirketi/	" Ống nối dây máy thở có giãn vật liệu PP - EVA, Tổng chiều dài 20cm, chiều dài ống 15cm Cơ nối xoay kép, xoay 360 độ, có cổng hút dịch có nắp đậy (nắp lật kép) Đầu nối với bệnh nhân 15F/22M. Đầu nối dây thở 22F * Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	1 cái/túi	Cái	2.500	20.979	52.447.500	N04.03.100.35 03.272.0002		9018	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Khánh Lâm An
250	PP26000 16886	Ống nội khí quản có bóng các số	Ống đặt nội khí quản có bóng	GM-001-012	2025 Trở về sau	Trung Quốc	Ningbo Great Mountain Medical Instruments Co., Ltd	• Dùng để thở thông đường khí quản. • Chất liệu nhựa PVC dùng trong y tế: không độc hại, không gây sốt, trong suốt, mềm, nhạy cảm với nhiệt, chống xoắn và gãy gấp. • Cơ nối tiêu chuẩn màu trắng và dày, chiều dài 15mm có thể tháo lắp được: giúp đảm bảo sự kết nối an toàn giữa các khớp nối • Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ giúp tạo độ kín của ống nội khí quản trên khí quản; • Đầu mềm mại không gây tổn thương: Đầu bo tròn đảm bảo việc cắm ống mềm mại và trơn tru • Thân ống mềm mại không có gờ sắc giúp việc đặt ống trở nên dễ dàng hơn, không gây chấn thương niêm mạc khí đặt. • Ống kín: Thiết kế hình trụ và thành ống dày. • Có đường cân quang tia X: chạy dọc thân ống, giúp dễ dàng nhận biết được vị trí của ống, kiểm soát vị trí chính xác. Có mắt (lỗ) Murphy • Có 2 vạch đánh dấu độ sâu thanh môn từ vị trí đầu xa. • Các size số từ 2.0mm đến 10mm (Đường kính bóng: 12mm - 30mm) • Đóng gói từng cái riêng biệt, sử dụng 1 lần. Được khử trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn ISO, CE	Bí 1 Cái	Cái	500	9.450	4.725.000	N04.01.030	N04.01.030	9018	CÔNG TY TNHH THÁI TRƯƠNG

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên trong mại	Ký mã nhân hiệu, sản xuất	Nam xuất	Nước xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (nếu có) VND	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu	
251	PP26000 16887	Ông nội thông quan lọ xo (Reinforced) Endotracheal Tube	Ông thông quan lọ xo (Reinforced) Endotracheal Tube	2007001 (ced); Endotracheal Tube	Từ năm 2025	Trung Quốc	Suzhou Yudu Medical Co., Ltd	Công dụng: được sử dụng để đặt nội khí quản miệng và mũi. Được sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt, mềm mại. Lọ xo giúp ông không bị gập lại gây tắc nghẽn khi bệnh nhân co lại cổ. Tiết trùng, đóng gói riêng lẻ từng túi.	Thùng/ 100 cái	Cái	1.300	49.612	64.495.600	N04.01.030.40	43.279.0006	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM
252	PP26000 16888	Ông thông phổi	Ông dẫn lưu màng phổi - Ultra Cath Novo	90089-90170-90185	Từ năm 2025	Ấn Độ	Poly Medicur e Limited	• Thích hợp để dẫn lưu hiệu quả sau phẫu thuật tim-ngực & ngực • Đầu xa tơm lằng với mắt dẫn lưu lớn giúp giảm chấn thương • Đầu gần được trang bị co nội di kèm • Ông catheter cần quanng. Có vạch chia đánh dấu các mất cách nhau 2 cm trên ông • Mắt bên so le giúp ngăn chặn việc hút các mô tế bào • Đầu nối có kích thước phù hợp để dễ dàng kết nối với hệ thống thoát nước • Ông PVC mềm, chống mở và chống xoắn • Chiều dài: 45 cm • Kích thước: 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 28, 30, 32, 34, 36, 38, 40FG • Không độc hại, không chứa phthalate, không chứa DEHP	25 cái/ hộp, 250 cái/ thùng	Cái	10	54.600	546.000	N04.04.010.35	20.115.0005	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM
253	PP26000 16889	Ông soi mềm 1 lần	Ông soi mềm	URS301 6D	2025	Trung Quốc	Bonree Medical Co., Ltd	- Độ phân giải: 160K - Kênh làm việc: 3, 6Fr - Trùng nhìn: 90 độ - Đường ngắm 0 độ - Vùng khả kiến: 3 - 50 mm - Chiều dài làm việc: 650mm - Độ rộng cửa ống chèn: 9,2Fr - Chiếu rỗng tới da của đầu xa: 9,0Fr - Góc uốn cong: - 275 độ, + 275 độ - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO13485	01 cái/ Hộp	Cái	7	6.645.000	46.515.000	N08.00.180	9018xxx	Công ty cổ phần Accutech Việt Nam	

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
254	PP2600016890	Phin lọc khuẩn máy thở	Lọc khuẩn 3 chức năng	ST-AN20	2025	Trung Quốc	Ningbo Sintue Medical Instruments Co.,LTD	Phin lọc khuẩn loại 3 chức năng HME (lọc khuẩn, giữ ẩm, giữ ẩm), dùng cho Người lớn - Thời gian sử dụng tối đa: 24 giờ - Vật liệu: Sản phẩm làm bằng nhựa nguyên sinh và các vật liệu đạt cấp độ y tế, không latex, không chứa DEHP * Thân phin lọc: Nhựa nguyên sinh cấp độ y tế SBC * Màng lọc: Polypropylene, cotton tinh diện - Khoảng chết cơ học: 18 ml - Độ sụt áp: 30 L / phút (LPM): 1,2 hPa; 60 L / phút (LPM): 2,7 hPa; 90 L / phút (LPM): 4,6 hPa (test ở TIM lab, Đức) - Kết nối: 22F / 15M – 22M / 15F - Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): 99% - 99,999% - Hiệu quả lọc virus (VFE): 99% - 99,999% - Khối lượng: 29 g - Giấy chứng nhận: ISO 13485, - Tiệt trùng:	1 cái/túi	Cái	2.500	11.900	29.750.000	N08.00.350.2413	N03.04.050	9018	Công ty TNHH Medifood
255	PP2600016891	Que cấy vi sinh dùng 1 lần (1μL, 10μL)	Đầu que cấy vi sinh 1μL, nhựa PS, tiệt trùng (20c/gói) 2121-1001	2121-1001	2024-2026	Trung Quốc	Citotest Labware Manufacturing Co., Ltd	- Đầu que cấy khuyến tròn 1μl - Vật liệu nhựa PS - Bề mặt nhẵn mịn, đảm bảo đường kẻ đều và mượt mà - Kích thước được mã hóa màu sắc giúp dễ dàng nhận dạng - Cán cầm lục giác dễ cầm nắm, dễ thao tác và điều khiển hướng đi - Đóng gói để bóc mở và có khóa kéo (Zip-lock) (chống giả mạo và có thể đóng lại), loại bỏ nguy cơ nhiễm bẩn trong quá trình sử dụng	20 cái/gói	Chiếc	10000	1.620	16.200.000				CÔNG TY TNHH KHOA HỌC KỸ THUẬT S.N.C
256	PP2600016892	Que đo mẫu bề mặt Sử dụng với máy đo ATP LX24	Kiểm tra mức độ sạch bề mặt bằng cách quét trực tiếp lên bề mặt cần đo. Sử dụng với máy đo ATP LX25.	UXC	2025	Anh	Neogen Ireland LTD	Kiểm tra mức độ sạch bề mặt bằng cách quét trực tiếp lên bề mặt cần đo. Sử dụng với máy đo ATP LX25.	100 que/hộp	que	100	146.000	14.600.000	Không phải BHYT		3822	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Khánh Lâm An

STT	Mã phân (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên mặt hàng	Ký mã nhân hiệu, xuất	Nam xuất	Nước xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu	
257	PP26000 16895	Que nóng cùng ống nội khí	Cây thông nóng nội khí: quần syler các số 6, 10, 14F	IC64200 0xx	2025	Malaysia	Ideal Healthcare Sdn. Bhd/	Thanh dẫn đường dài nội khí quần (sylet), bằng nhôm bọc PVC, dễ dàng thích ứng với hình dạng khác nhau của đường thở Kích cỡ: 6Fr/10Fr/14Fr. + Chiều dài ống ngoài các cỡ: 305-425mm + Đường kính ngoài các cỡ: 1.9- 4.7mm + Đường kính trong các cỡ: 1.2 -3.3mm + Chiều dài ống nhôm các cỡ: 300 -420mm + Đường kính ống nhôm các cỡ 1.1 - 3.2mm Đồng gói tiết trùng	1 Cái /Gói	Cái	15	941.850	N00.00.000.24 90.205.0001	Công ty TNHH Lâm An	9018	
258	PP26000 16896	Que Spaula	Que lấy mẫu bệnh xét nghiệm	QLBPG M		Trung Quốc	Ningbo Greentime Medical Instruments Co.,Ltd	Được chế tạo bằng gỗ thông đa trục nhẵn ung thư có từ cung. Tiết	Hộp 100 cái	Cái	5.000	850	4.250.000	Công ty TNHH Thương mại M.E.D.I.C		
259	PP26000 16897	Sáp parafin	Sáp parafin	8002-74-2		Trung Quốc	Dalian Kaxing International Trade Company	Sáp dạng này có màu trắng, không mùi, không nóng chảy 47 ~ 65°C	Bao 50 kg	Kg	500	55.000	27.500.000	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C		
260	PP26000 16898	Sáp xuong màu xuong Ortwax	Sáp cầm màu xuong Ortwax	OS810	2025	An Độ	Orton Sures (India) Pvt Ltd	-Miếng sáp cầm màu xuong 2.5 gram (hộp 12 miếng) màu trắng ngà. Thành phần: Sáp ong, sáp paraffin và Isopropyl Palmitate -Đồng gói tiết trùng bằng tia gamma từng miếng. - Bọ xạ phòng hoá 101.35 - Đạt tiêu chuẩn: CE	12 miếng/hộp	Miếng	100	15.950	1.595.000	N02.04.050	3006	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
261	PP26000 16899	Sonde da dây có khóa và không khóa các số	Ông thông dạ dây "COMFO RSOFT STOMA CH TUBE" có nắp, có đường cân quang Xline dọc thân các số	BSTxxX	2025	Đài Loan	Symphon Medical Technology Co., Ltd./	* Ống có nắp gắn vào đầu nối chống lây nhiễm và có cân quang dọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp * Có 4 lỗ dẫn lưu so le nhau để tăng tốc độ dòng * Có các vạch đánh dấu 45,55,65 và 75cm từ đầu xa * Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn * Kích cỡ: 8FG (OD/ID =2.65/1.5mm), 10FG (OD/ID=3.35mm/2.0mm), 12 FG (OD/ID=4.0mm/2.45mm), 14FG (OD/ID = 4.65mm/2.95mm), 16 FG (OD/ID=5.35mm/3.40mm), 18FG (OD/ID=6.0mm/3.9mm). - Chiều dài 125cm * Đóng gói tiệt trùng, Không chứa DEHP	Cái/ Gói	Cái	200	14.679	2.935.800	N04.01.090.40 59.296.0003		9018	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Khánh Lâm An
262	PP26000 16900	Sonde dẫn lưu màng phổi có nòng	Ông dẫn lưu màng phổi - Ultra Cath Novo	90090-90099, 90176-90180 90184, 90186	Từ năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Poly Medicure Limited	• Đánh dấu ở 5, 10, 15 & 20 cm từ đầu xa giúp xác định vị trí • Đầu xa trơn láng với mắt dẫn lưu lớn giúp giảm chấn thương • Ống PVC mềm, chống mờ và chống xoắn • Không độc hại, không chứa phthalate, không chứa DEHP • Hai mắt bên giúp thoát nước hiệu quả • Đầu gắn được trang bị có nối để dễ dàng kết nối với chai dẫn lưu • Kích thước: 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 32, 34, 36, 38, 40FG	25 cái/ hộp; 250 cái/ thùng	Cái	5	115.500	577.500	N04.04.010.35 20.115.0005		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM
263	PP26000 16901	Sonde Foley 2 nhánh các số	Ông thông tiểu(Sonde foley) các số FR12-28	WS-B002	2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo Weishan Technology Co.,Ltd	- Không chứa DEHP gây ung thư. - Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên ,Phủ Silicon - Có bóng dung tích 5cc-30cc, bóng căng đều. - Lỗ thông tiểu tiêu lớn và trơn - Tráng silicon trong lòng ống - Tiệt trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí ETO. - Tiêu chuẩn ISO13485, FSC	Bì 1 Cái	Cái	3.500	7.875	27.562.500	N04.01.030	N04.01.030	9018	CÔNG TY TNHH THÁI TRƯƠNG
264	PP26000 16903	Sonde hậu môn các số	Thông hậu môn (Rectal)	GT020-100	2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo Greetmed	Ông thông hậu môn các số 22,24,26,28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo.	Gói 1 cái	Cái	20	2.966	59.320	N04.04.010.32 62.279.0002	N04.04.010	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG

STT	Mã phần (tô)	Danh mục	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (nếu có) VND	Thành tiền (đã bao gồm thuế phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu
265	PP26000 16904	Sonde JJ (Double J) các số	Ông (Double J) niều quân	GDJPxx	Trở về 2025	Thổ Nhĩ Kỳ	Saglik Hizmetleri Sanayi Ticaret Limited Sirkeci	Ông thông hai đầu cong hình chữ J dùng để dẫn lưu tằm thời từ niều đạo đến bàng quang. - Chất liệu TPU (Polyurethan nhạy nhiệt) - Kích cỡ : 3Fr - 8Fr, dài 12-30cm tương ứng các cỡ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Bi 1 Cái	Cái	450	220.500	99.225.000	N04.04.010	N04.04.010	CÔNG TY TNHH THÁI TRƯƠNG
266	PP26000 16905	Tam bóng vô trùng có ống nghiệm	Que gòn xét nghiệm tiết trùng từng ống	GT207-502		Trung Quốc	Ningbo Greteimed Instrument Co.,Ltd	Chất liệu: tre tự nhiên, có đầu bóng tằm, dùng trong ống nghiệm Kích thước: 150x18x2 mm Than muội trơn, nhẵn, đã hấp sấy tiệt trùng từng cái Cảnh báo: Sản phẩm chỉ sử dụng một lần	100 chiếc/túi	Chiếc	3.500	1.450	5.075.000			Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế-Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C
267	PP26000 16906	Tam dần phẫu thuật, kích thước 28x45cm	Màng phẫu thuật Ioban 2 35cm x 35cm	6640EZ	trở về 2025	Mỹ	3M Company	- Kích thước tổng thể: 35cm x 60cm; Kích thước lớp dính: 35cm x 35cm; - Thành phần: Polyester film 55 - 70%, Polyethylene 25 - 30%, Antimicrobial Iodophor 5-15%, giấy: 2 - 5% - Iodine thấm sâu dưới da lên tới 1000µm và hiệu quả 99,999% đối với 12 loại vi sinh vật theo tiêu chuẩn danh giá của ASTM (Hội thử nghiệm và vật liệu Mỹ) sau 90 phút sử dụng và kéo dài ít nhất 6h - Tiệt khuẩn từng miếng - Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc CE - Xuất xứ G7	10 miếng/hộp 4 hộp/thùng	Miếng	200	150.000	30.000.000	N02.03.100.00 05.175.0008		CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY
268	PP26000 16907	Tam trái HD (100 x 130) cm	Tam trái 130cm x 130cm, tiệt trùng	TT	2026	Việt Nam	Darmedco	Chất liệu: Màng nylon HD, màu trắng trong, không thấm nước Kích thước: 100cm x 130cm Tiệt trùng đóng gói trong giấy y tế chuyên dụng có chỉ thị màu Đạt ISO 13485	1 cái/gói	Cái	14.000	2.838	39.732.000	N00.00.000.15 25.000.0013		CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC- THIẾT BỊ Y TẾ DÀ NẰNG

81

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
269	PP26000 16908	Tập dề dùng 1 lần không tay	Tập dề y tế 0.8*1.2m	NM11	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Y tế Nhật Minh	- Kích thước: 80cmx120cm. - Chất liệu: Sản phẩm được làm bằng chất liệu Polyetylen (PE), chống thấm nước và ngăn ngừa thấm thấu - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485	Túi 1 cái	cái	2.000	2.730	5.460.000	N00.00.000.15 63.000.0003		3926	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
270	PP26000 16909	Tập dề y tế bằng nhựa	Tập dề y tế	RT063-150	2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo RITO Medical Instruments Co., Ltd.	Tập dề nhựa PE, tay dài có ngón xỏ. Chất liệu Polyetylen, có đặc tính chống nước cao, ngăn ngừa thấm thấu dịch như máu và dịch cơ thể, cổ tay áo có móc ngón tay cái giúp ngăn ngừa tối đa tiếp xúc khi thao tác với cổ tay và cánh tay. Kích thước: 125x200cm Dùng 1 lần Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Túi 1 cái Túi 20 cái	Cái	500	11.130	5.565.000	N00.00.000	3926	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH	
271	PP26000 16910	Tay cầm ống nối hút dịch	Tay cầm hút dịch YANKA UER	RT027-100	2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo RITO Medical Instruments Co., Ltd.	- Được làm từ nhựa K-resin không độc hại. - Chất liệu trong suốt quan sát tốt. - Thiết kế tuyệt vời để tạo góc của tay cầm. - Đầu tip: hình vương miện - Có lỗ thông hơi kiểm soát chân không hoặc không có. - Dài 270mm có 4 lỗ. - Đóng gói vô trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	250 cái/thùng	Cái	560	6.615	3.704.400	N04.02.060	9018	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH	
272	PP26000 16911	Tay dao siêu âm mô mở dạng kéo cong các cỡ	Dao siêu âm HARMO NIC FOCUS mô mở với công nghệ thích ứng mô	HAR9F	2025	Mexico	Ethicon Endo-Surgery S.A. de C.V. Planta II; NPA de Mexico S. de R.L. de C.V.	Dao siêu âm chuyên dùng trong mổ mở; chiều dài cán 9cm. Đầu dao cong dài 16mm, có công nghệ thích ứng mô. Dùng cho máy GEN11 Tiêu chuẩn chất lượng CE, FDA	Hộp/6 cái	Cái	2	12.270.650	24.541.300	N05.03.040.20 21.213.0005	9018	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÂN THỐNG	

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên mã hiệu, nhãn mại	Ký mã hiệu, nhãn mại	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (nếu có) VND	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu
273	PP26000 16912	Tẩy trắng răng tại nhà	Pola Nigrit 22% 50 SYR 3G DISP	Không có	2025	Úc	SDI Limited	Vật liệu tẩy trắng răng dùng làm sạch màng bám trên răng, giúp răng sáng trắng - Thành phần: hoạt chất tẩy trắng Carbamide Peroxide nồng độ 22% - Dạng: Gel, màu trong suốt, không chảy thấm vào mô mềm	Tuyp/ 3g	Tuyp	10	189.900	1.899.000			CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẠI LONG
274	PP26000 16913	Test kiểm soát tiết sữa	Chỉ thị hóa học đa thông số type 4	SIM-250	2025	Ba Lan	Informet Med Sp. z o.o.	- Chỉ thị hóa học Type 4 cho tiết khuẩn hấp ướt, dễ trong gói dung cụ. Kích thước: 1,7 cm x 20,5 cm. - Đo lượng 2 thông số của quá trình tiết khuẩn: thời gian – nhiệt độ. - Thành phần: giấy > 99%, Lead Carbonate Hydroxide: 0,5 - 0,9% - Là chỉ thị hóa học loại 4 theo phần loại của ISO 13485 - Sử dụng cho tất cả quá trình tiết khuẩn hơi nước từ 121 tới 134 độ C - Duy trì kết quả 6 tháng sau tiết khuẩn.	250 que / hộp	que	7.000	1.678	11.746.000	Không còn áp dụng theo QĐ số 3514/QĐ-BYT ngày 21/11/2024		CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TMC VIỆT NAM
275	PP26000 16914	Test kiểm tra hóa học	Test kiểm tra hóa học	1243A	Năm 2025	Mỹ	3M	- Bao gồm một bức giấy và một viên hóa chất nhay cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ là kim loại. - Công nghệ di chuyển mực in phía trước, viên hóa chất chảy và chuyển thành màu tối sẫm chảy dọc theo bức giấy - Hiệu suất tương quan với một chỉ thị thí sinh học - Chỉ bao sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn - Kích thước: 5,1cm x 1,9cm - Thành phần: Giấy 55-65%, Acrylate Adhesive 35-45%, Nhóm <0,1%, Polypropylene <0,1%, Coatings <0,01%, Mực <0,1%, Sản phẩm không chứa chì - Đạt tiêu chuẩn FDA - Xuất xứ G7	Gói 500 miếng	miếng	27500	3.280	90.200.000	05.175.0015		CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
276	PP26000 16915	Test kiểm tra lò hấp diệt trùng bằng hơi nước	Test kiểm tra lò hấp diệt trùng bằng hơi nước	1233LF	Năm 2025 trở về sau	Mỹ	3M	- Xác định chất lượng lò hấp về: khả năng xuyên thấu hơi nước, khả năng hút chân không, hiện tượng rò rỉ khí lò. - Dùng cho lò hơi nước hút chân không 132-134°C trong thời gian 3.5 - 4 phút để kiểm tra chất lượng lò hấp. - Cấu tạo: Một tờ chỉ thị hóa học không chứa chỉ nhạy cảm với hơi nước được đặt bên trong của gói và 1 chấm tròn màu vàng trên nhãn dán bên ngoài là chỉ thị tiếp xúc - Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 24 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn - Vạch chỉ thị màu vàng trên tờ test bên trong được in theo hình đường chéo sẽ chuyển sang màu nâu đen hoặc màu đen đồng nhất nếu đạt - Kích thước 12.7x11x1.9cm - Thành phần: Coated paper 90 - 98%, Sulphur 1-2%, Acrylic Polymer 0-1%, Mực in không chứa chì (Lead Free) - Đạt tiêu chuẩn FDA - Xuất xứ G7	Thùng 60 gói	Gói	195	97.000	18.915.000	N00.00.000.00 05.175.0036			CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT
277	PP26000 16916	Test sinh học kiểm soát diệt trùng hơi nước	Chỉ thị sinh học dùng trong diệt khuẩn	Ký mã hiệu: 1492V Nhãn hiệu: 3M™ Attest™	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	3M Company	Chỉ thị sinh học kiểm tra chất lượng nhanh chóng quá trình diệt khuẩn hơi nước. - Cho kết quả trong 24 phút khi được ủ trong thiết bị 3M Attest Auto-reader 490/490M - Cấu tạo: + Ống đóng sẵn chứa bào tử Geobacillus stearothermophilus + Ống thủy tinh kín với môi trường sinh trưởng - Dùng kiểm tra chất lượng chu trình diệt khuẩn lò chân không từ 132°C đến 135°C - Một chỉ thị hóa học dán trên đỉnh nắp sẽ chuyển màu khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình diệt khuẩn - Chỉ thị hóa học trên đỉnh nắp sẽ chuyển từ màu hồng sang màu nâu hoặc nâu đậm khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình diệt khuẩn - Thành phần: Ống nhựa 50-60%, Nắp Polypropylene 20-25%, Dung dịch môi trường tăng trưởng 10-15%, Ống thủy tinh Borosilicate 5-10%, Chất hỗ trợ quy trình <5%, Nhãn <2%, Vải không dệt Nylon <2%, Bào tử Geobacillus stearothermophilus 0.01-0.05% - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO 13485:2016 - Xuất xứ: Mỹ (G7)	50 ống/hộp; 4 hộp/thùng	ống	180	98.750	17.775.000	N00.00.000.00 05.175.0010	N00.00.000	4E+07	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ THÁI SƠN
278	PP26000 16919	Túi camera, diệt trùng	Túi Camera M6, VT (1 cái/gói) (Danameco, VN)	TCA04Z V001	2025 - 2026 trở về sau	Việt Nam	Danameco	Màng nylon dây dẫn, trong suốt, đảm bảo quản sát. Chất liệu nylon PP Quy cách/ Thành phần: - Túi nylon 9x14cm có dây buộc nylon: 1 cái - Ống nylon fi 18 x230cm có dây buộc 2 ly: 1 cái Đóng gói: 1 cái/gói (gói 2 thành phần). Tiệt trùng bằng EO gas Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, EN ISO 11135:2014	1 bộ/ gói	Cái	2.500	2.879	7.197.500	N08.00.050.41 96.000.0002		9018	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

STT	Mã phần (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân biểu	Năm xuất sản	Nước xuất sản	Hàng xuất sản	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu	
279	PP26000 16921	Túi cuộn tiết trùng loại dep 100mmx200mmx200mm	Túi cuộn tiết trùng loại dep 100mmx200mmx200mm	0m	BMS 100-200	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S - 1 lớp màng film phẳng trong suốt (dùng loại poli-este va polime propylen đặc biệt) - 1 lớp giấy chống thấm màu trắng dùng trong y tế được thiết kế để đảm bảo được độ vô trùng cao. Các lớp màng film trong suốt được cho hấp (Hơi nước), ethylene oxide (EO): được chuyển đổi chỉ thị màu trên túi hấp. Chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu Vàng nếu tiết trùng bằng khí EO, chỉ thị màu Xanh chuyển sang màu Xanh đen nếu tiết trùng bằng hơi nước nhiệt độ 121°C đến 134°C. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	8 cuộn/ thùng	Cuộn	40	185.000	7.400.000	N03.07.030.16	12.000.0007	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S
280	PP26000 16922	Túi cuộn tiết trùng loại dep 200mmx200mmx200mm	Túi cuộn tiết trùng loại dep 200mmx200mmx200mm	0m	BMS 200-200	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S - 1 lớp màng film phẳng trong suốt (dùng loại poli-este va polime propylen đặc biệt) - 1 lớp giấy chống thấm màu trắng dùng trong y tế được thiết kế để đảm bảo được độ vô trùng cao. Các lớp màng film trong suốt được cho hấp (Hơi nước), ethylene oxide (EO): được chuyển đổi chỉ thị màu trên túi hấp. Chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu Vàng nếu tiết trùng bằng khí EO, chỉ thị màu Xanh chuyển sang màu Xanh đen nếu tiết trùng bằng hơi nước nhiệt độ 121°C đến 134°C. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	4 cuộn/ thùng	Cuộn	60	395.000	23.700.000	N03.07.030.16	12.000.0005	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S
281	PP26000 16923	Túi cuộn tiết trùng loại dep 300mmx200mmx200mm	Túi cuộn tiết trùng loại dep 300mmx200mmx200mm	0m	BMS 300-200	2025	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S - 1 lớp màng film phẳng trong suốt (dùng loại poli-este va polime propylen đặc biệt) - 1 lớp giấy chống thấm màu trắng dùng trong y tế được thiết kế để đảm bảo được độ vô trùng cao. Các lớp màng film trong suốt được cho hấp (Hơi nước), ethylene oxide (EO): được chuyển đổi chỉ thị màu trên túi hấp. Chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu Vàng nếu tiết trùng bằng khí EO, chỉ thị màu Xanh chuyển sang màu Xanh đen nếu tiết trùng bằng hơi nước nhiệt độ 121°C đến 134°C. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	2 cuộn/ thùng	Cuộn	40	600.000	24.000.000	N03.07.030.16	12.000.0003	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
282	PP26000 16924	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 300mmx37mmx100m	Túi tiệt trùng cuộn phồng 30cm*100m	MSWGP-300100	2025 trở đi	Trung Quốc	Henan Meishaw a Medical Technology	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 300mmx100m Bao gồm: - 1 lớp màng film phẳng trong suốt, có thể quan sát bên trong túi - 1 lớp giấy chuyên dùng cho bao gói y tế, đạt phẩm cấp y tế - Dùng cho hấp (Hơi nước), ethylene oxide (EtO): được chuyển đổi chỉ thị màu trên túi hấp. Tiêu chuẩn: ISO 13485	1 cuộn/ gói	Cuộn	25	626.000	15.650.000		N03.07.030	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG
283	PP26000 16926	Túi oxy	Túi đựng oxy	GT032-400	2025 Trở về sau	Trung Quốc	Taizhou Kangjian Medical Equipments Co., Ltd.	Công dụng: dùng để dự trữ oxy cho bệnh nhân. Đặc trưng: dễ dàng làm sạch, an toàn, bền và dễ dàng thực hiện việc bơm trữ oxy. Chất liệu: được làm bằng nylon không độc hại và các vật liệu cao su dùng trong y tế Dung tích: 42 lít Quy cách: 1 cái/hộp.	Hộp 1 Cái	Cái	10	132.300	1.323.000	N00.00.000.40 91.279.0026	N00.00.000.	9018	CÔNG TY TNHH THÁI TRƯƠNG
284	PP26000 16927	Turbine dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Tua bin sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp	FlowMI R	2025 trở về sau	Đài Loan	ETECH TECHNOLOGY CO.,LTD	- Mỗi tuabin bao gồm cả ống ngâm giấy được nhà máy kiểm tra riêng biệt bằng hệ thống tự động và được đóng gói riêng lẻ. - Chất liệu: Polycarbonate, giấy/cellulose nguyên chất. Đường kính ngoài: 33.3mm, đường kính trong: 30.5mm	60 cái/ hộp	Cái	50	95.000	4.750.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
285	PP26000 16928	Viên khử khuẩn	Viên nén khử khuẩn	Asisept		Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Và Thiết Bị Y Tế An Sinh	Viên tẩy khử khuẩn dạng sủi tan nhanh trong nước chứa Na dichloroisocyanurate - Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn tường, sàn, giường bệnh, đồ vải... khử khuẩn dụng cụ, thiết bị y tế và môi trường trong y tế. - Ít kích ứng và gây độc, dạng viên nén gọn nhẹ, kinh tế, an toàn, thuận tiện. - Thành phần chính: 50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5 gram Sodium Dichloroisocyanurate/ viên 5 gram - tương đương với 1,5 gram Clorin hoạt tính/ viên 5 gram), acid citric	hộp 100 viên	Viên	14.000	3.200	44.800.000				Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên trong mặt	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số S086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu																																																
286	PP26000	Với Soda hấp thụ CO2 dùng cho máy gây mê (Ventisorb Pink to White)	Sodalin	Với	038-05-602 ≥ 2023	Anh	Flexicare Medical Limited	Với soda chuyên từ hồng sang trắng, (Net weight: 4.5kg ≈ Volume: 5 Litres), loại Ventisorb. Thành phần: 80% Calcium Hydroxide, 12 - 19% Water, 3% Sodium Hydroxide. Dạng hạt biến dạng "D". Các hạt riêng lẻ có hình dạng và kích thước không đồng nhất để tối đa hóa khả năng lọc CO2 mà không làm cản trở luồng khí. Đạt tiêu chuẩn được diện Mỹ: - Kích thước hạt 90% trong khoảng 2.36mm và 4.8mm - Độ cứng: 95% - Bụi (<0.42mm): 0.3% - Hấp thụ CO2: 25% - Độ ẩm: ~ 16.0% *Tiêu chuẩn kỹ thuật CE Xuất xứ: G7	Can 4,5kg (5lit)	Can	519.750	15.592.500	N00.00.000.20	94.107.0001	CÔNG TY TNHH TRẠNG TRĂNG THIẾT BỊ VÀ VẬT TƯ Y TẾ HOÀNG VIỆT LONG	9018	CÔNG TY TNHH TRẠNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY	CÔNG TY TNHH TRẠNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY	287	PP26000	Vòng đeo tay bệnh nhân (nhiều màu)	Vòng đeo tay bệnh nhân (nhiều màu)	Trung Quốc	Ningbo Yimgmed Instrument Co., Ltd	- Dây đeo tay định danh (Vòng đeo tay)/ Vòng đeo tay bệnh nhân - Mục đích sử dụng: Dùng ghi thông tin bệnh nhân, phân loại người lớn/trẻ em - Chất liệu: làm từ nhựa PVC; chống nước, chống ẩm, chống nám mốc	Túi 100 cái	Cái	14.000	1.160	16.240.000		CÔNG TY TNHH TRẠNG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY	288	PP26000	16931	Xylen	XY1004	Mỹ	Cancer Diagnostics, Inc. (CDI)	- Hòa chất tinh khiết dùng trong phòng thí nghiệm. - Xylene <90% - Ethylbenzene <20% - Trạng thái vật lý: Chất lỏng - Màu sắc: Không màu - Mùi: không mùi - Điểm chớp cháy: 78°F /26°C - Mật độ: 0.86	Chai 3.8L	Chai	20	1.550.000	31.000.000		Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị y tế- Khoa học kỹ thuật M.E.D.I.C	289	PP26000	16932	Cassette dùng cho máy Phaco	Cassette dùng cho máy Phaco	Tunisia	Carl Zeiss	Bộ tưới hút dùng 1 lần cho máy Visalis 500 I/A TUBING CASSETTE QUICKSET	Ca/Hộp 40	Cái	30	2.700.000	81.000.000	Không là thiết bị y tế	Không là thiết bị y tế	3917	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ VIỆT TIỀN

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
290	PP26000 16933	Dao mổ phaco 15 độ	Lưỡi dao rạch vi phẫu cho mắt 15 độ Incision Knife Feather	P-715	từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Feather Safety Razor Co., Ltd.	Lưỡi dao rạch vi phẫu cho mắt 15 độ Incision Knife Feather, Dao chọc tiền phòng 15 độ bằng thép không gỉ - Cán dao bằng nhựa, có vị trí giúp chống trượt Lưỡi dao thẳng và siêu bền được mài giữa chính xác đến từng micro đơn vị giúp tối ưu hóa rạch semilaminar và rạch chọc tiền phòng vùng củng mạc và giác mạc. Phương pháp tiệt trùng: Chiếu xạ gamma Thiết kế có vị trí giúp chống trượt Lưỡi dao: Thép không gỉ Hộp đựng: Nhựa polystyrene Cán dao: Nhựa ABS (Acrylonitrile butadiene styrene) Chốt (pin): Nhựa polycarbonate Chiều dài tay cầm: 113.5 mm Độ dày: 0.1 mm Chiều dài cán dao: 7 mm Góc lưỡi dao: 15° Độ cứng: 680-740 HV - Tiêu chuẩn Chất lượng: FDA, ISO, EC, Free Sales	Hộp/5 cái	Cái	20	95.550	1.911.000	N05.03.030.20 74.232.0003	N05.03.030	9018	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ANH DƯƠNG
291	PP26000 16934	Dao mổ Phaco cỡ 2.8mm	Dao mổ phaco Feather Slit Knife	P-0628BUC	từ năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Feather Safety Razor Co., Ltd.	Dao mổ tạo khe: Feather Slit Knife size: 2.8mm. Lưỡi dao bằng thép không gỉ Loại dao này được sử dụng để chọc dò vùng rìa giác mạc trong phẫu thuật điều trị đục thủy tinh thể. Sự kết hợp các đặc điểm về góc keratome (40,45,50 và 60 độ) và loại cạnh vát cho phép bác sĩ có thể thực hiện nhiều đường cắt khác nhau. - Tiêu chuẩn Chất lượng: FDA, ISO, EC, Free Sales	Hộp/5 cái	Cái	20	173.250	3.465.000	N05.03.030.20 74.232.0001	N05.03.030	9018	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ANH DƯƠNG
292	PP26000 16935	Dịch nhầy dùng trong mổ Phaco	Dịch nhầy sử dụng trong phẫu thuật nội nhãn (Z-HYALIN PLUS)	Z-HYALIN PLUS	Từ năm 2025 trở về sau	Vương Quốc Anh	Hyaltech Ltd	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật đục thủy tinh thể Phaco. Thành phần: Sodium hyaluronate 1,5%; pH: 6.8-7.6. Độ thẩm thấu 300->360(mOsmol/kg). Chỉ số dẻo: 133. Độ nhớt: 295.000 mPa.s. Hệ số phân tán/kết dính(CDI): 44. Trọng lượng phân tử: 2.9 megadalton Tiệt khuẩn. Tiêu chuẩn Chất lượng: EC	01 Cái/Hộp	Cái	150	650.055	97.508.250	N07.03.040.24 75.107.0001	N07.03.040	3006	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ VIỆT TIỀN

STT	Mã phần (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu																		
293	PP26000	Miếng dán mi 6 x 7 cm	Grac vô trùng trong HETIS FILM	HTF060 070R	Năm 2025	Nam Việt	Công ty Lavitec có phân giấy lọc (phủ silicone, PE,...) chống dính, không gây kích ứng da, không chứa latex, không sốt keo khi tháo băng ra), lớp màng polyurethane film (PU film) bán thấm, theo dõi vết thương dễ dàng mà không cần tháo băng. Xăm nhập vào vết thương. Sản phẩm trong suốt cho phép việc vật, vì khuẩn, vì rút với đường kính >27 nm (HIV-1, HBV,...) - Gạc vô trùng trong suốt giúp bảo vệ, ngăn nước, ngăn vi sinh xâm nhập vào vết thương. Sản phẩm trong suốt cho phép việc theo dõi vết thương dễ dàng mà không cần tháo băng.	- Co giãn tốt, thông khí, cho phép thoát hơi nước và trao đổi oxy, tốc độ thoát hơi MVTIR (moisture vapor transmission rate) $\geq 600 \text{ g/m}^2.24\text{h}$.	- Không thấm nước, cho phép tắm rửa khi băng kín vết thương. Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép.	- Sản phẩm tiết trung, đóng gói riêng biệt từng miếng, đảm bảo vô khuẩn.	- Kích thước: 60mm x 70mm.	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh nguyên khối cùng chất liệu Hydrophilic Acrylic, màu vàng, Lọc tia UV. - Thiết kế phi cầu mặt trước, cầu sai trung tâm. Hai càng chữ C, góc càng 0°. Cạnh vuông và rìa 360° mặt sau kính ngăn tế bào đục bao sau.	- Đường kính optic 6,0 mm, chiều dài kính 12,5mm.	- Hãng số A(optical) = 18.4	- Chỉ số khúc xạ: 1.46. Độ sâu tiến phòng ACD: 5.374	- Dãy diop từ -20D đến +60 D.	- Kính được định kèm cartridge và Injector qua vết mổ 2,2 mm.	- Tiêu chuẩn ISO 13485, EC	- Xuất xứ: Đức	Hộp 1 Cái/	Cái	10	2.998.000	29.980.000	57.155.0016	N06.03.010.24	9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG VỤ VISIONCARE	CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI & DỊCH VỤ VIỆT CAN					
294	PP26000	Thủy tinh thể đơn tiêu cự, ngâm chất C	Thủy tinh thể nhân tạo Aspira-AY	Aspira-AY	Từ năm 2025	Đức	Humano AG	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh nguyên khối cùng chất liệu Hydrophilic Acrylic, màu vàng, Lọc tia UV. - Thiết kế phi cầu mặt trước, cầu sai trung tâm. Hai càng chữ C, góc càng 0°. Cạnh vuông và rìa 360° mặt sau kính ngăn tế bào đục bao sau.	- Đường kính optic 6,0 mm, chiều dài kính 12,5mm.	- Hãng số A(optical) = 18.4	- Chỉ số khúc xạ: 1.46. Độ sâu tiến phòng ACD: 5.374	- Dãy diop từ -20D đến +60 D.	- Kính được định kèm cartridge và Injector qua vết mổ 2,2 mm.	- Tiêu chuẩn ISO 13485, EC	- Xuất xứ: Đức	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 5 tiêu cự, ngâm nước, phi cầu, nhiều xa, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím, màu vàng tự nhiên	- Sử dụng ánh sáng với 93,5% hiệu suất năng lượng	- Chất liệu: Hydrophilic Acrylic; Đường kính optic 6mm, đường kính tổng 11mm.	- Thiết kế 4 càng; Góc càng 5 độ; Bờ vuông liền tục 360 độ	- Dải công suất từ 10,0D đến 30,0D	- Công suất bổ sung: +0,9D, +1,5D, +2,0D, +3,0D	- Chỉ số khúc xạ 1,46	- Kích thước vết mổ 1,8 mm.	- Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge hoặc tương đương.	Hộp 1 cái	Cái	15	2.998.000	29.980.000	57.155.0016	N06.03.010.23	902190	CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI & DỊCH VỤ VIỆT CAN	CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI & DỊCH VỤ VIỆT CAN
295	PP26000	Thủy tinh thể nhân tạo 5 tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo BN EZ Intensity	BN EZ Intensity	2025	Israel	Hanita Lenses	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 5 tiêu cự, ngâm nước, phi cầu, nhiều xa, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím, màu vàng tự nhiên	- Sử dụng ánh sáng với 93,5% hiệu suất năng lượng	- Chất liệu: Hydrophilic Acrylic; Đường kính optic 6mm, đường kính tổng 11mm.	- Thiết kế 4 càng; Góc càng 5 độ; Bờ vuông liền tục 360 độ	- Dải công suất từ 10,0D đến 30,0D	- Công suất bổ sung: +0,9D, +1,5D, +2,0D, +3,0D	- Chỉ số khúc xạ 1,46	- Kích thước vết mổ 1,8 mm.	- Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge hoặc tương đương.	Hộp 1 cái	Cái	15	2.998.000	29.980.000	57.155.0016	N06.03.010.23	902190	CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI & DỊCH VỤ VIỆT CAN	CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI & DỊCH VỤ VIỆT CAN								

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
296	PP26000 16940	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo BunnyLens MF Easy	BunnyLens MF Easy	2025	Israel	Hanita Lenses	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 2 tiêu cự, ngâm nước, phi cầu, nhiều xạ, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím - Chất liệu: Hydrophilic Acrylic; Đường kính optic 6mm, đường kính tổng 11mm. - Thiết kế 4 cẳng; Góc cẳng 5 độ; Bờ vuông liên tục 360 độ - Dải công suất từ 0.0 đến 35.0D - Công suất bổ sung : +3.0D - Chỉ số khúc xạ 1.46 - Kích thước vết mổ 1.8mm. - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong cartridge hoặc tương đương.	Hộp 1 cái	Cái	70	8.860.000	620.200.000	N06.03.010.23 51.184.0007	N06.03.010	9021900	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VIỆT CAN
297	PP26000 16941	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, không ngâm nước, 4 cẳng	Thủy tinh thể nhân tạo BunnyLens HP Easy	BunnyLens HP Easy	2025	Israel	Hanita Lenses	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, phi cầu, 4 cẳng, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím, màu vàng tự nhiên. - Chất liệu: Hydrophobic Acrylic; Đường kính optic 6mm, đường kính tổng 11mm. - Góc cẳng 5 độ; Bờ vuông liên tục 360 độ - Dải công suất từ 5.0D đến 35.0D - Chỉ số khúc xạ 1.48. - Kích thước vết mổ 2.2mm. - Thủy tinh thể cài đặt sẵn trong cartridge liên injector sử dụng một lần hoặc tương đương.	Hộp 1 cái	Cái	18	3.000.000	54.000.000	N06.03.010.23 51.184.0015	N06.03.010	9021900	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VIỆT CAN
298	PP26000 16942	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, màu vàng, cẳng chữ Z	Thủy tinh thể nhân tạo NP-1	NP-1	2025	Nhật Bản	Nidek Co., Ltd	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, 1 mảnh, cẳng hình chữ Z, màu vàng, lọc ánh sáng xanh, lọc tia UV - Chất liệu: Hydrophobic Acrylic, đường kính optic 6mm, đường kính tổng 13mm - Thiết kế cẳng chữ Z, khoảng cách giữa 2 vai cẳng có đường kính 9.5mm - Dải công suất từ 1.0D đến 30.0D - Chỉ số khúc xạ 1.52, Kích thước vết mổ 2.2mm - Thủy tinh thể cài đặt sẵn trong cartridge liên injector sử dụng một lần hoặc tương đương	Hộp 1 cái	Cái	150	3.500.000	525.000.000	N06.03.010	N06.03.010	9021900	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VIỆT CAN
299	PP26000 16943	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, ngâm nước, 4 cẳng	Thủy tinh thể nhân tạo BunnyLens AF	BunnyLens AF	2025	Israel	Hanita Lenses	- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, phi cầu, 4 cẳng, ngăn chặn tia UV, lọc ánh sáng tím - Chất liệu: Hydrophilic Acrylic đồng trùng hợp; Đường kính optic 6mm, đường kính tổng 11mm. - Góc cẳng 5 độ; Bờ vuông liên tục 360 độ - Dải công suất từ -5.0D đến 40.0D - Chỉ số khúc xạ 1.46. - Kích thước vết mổ 1.8mm. - Thủy tinh thể được giao kèm dụng cụ đặt kính hoặc tương đương	Hộp 1 cái	Cái	15	2.380.000	35.700.000	N06.03.010.23 51.184.0014	N06.03.010	9021900	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VIỆT CAN

STT	Mã phân (lo)	Danh mục hàng hóa	Tên mặt hàng	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu
300	PP26000 16944	Bộ mũi đánh bông composite (nu + dài)	Bộ mũi đánh bông răng	Đầu X: 624045 X: 624055 X: 624065	2025	Mỹ	Dentsply Caulik	Dầu đánh bông răng dùng làm láng miệng trám sau khi trám răng một cách hiệu quả, nhanh chóng. Hình dạng: Cúp, đĩa, nú	Hộp 30 cái	Cái	200	47.250	9.450.000		CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LAN TIỀN
301	PP26000 16951	Calcium Hydroxide bột nha	Calcium Hydroxide bột răng - e Powder	5002/01	2025	Ấn Độ	Shiva Products	Bột canxi hydroxit là vật liệu nha khoa đa dụng, khi trộn với dung môi/ nước muối sẽ tạo thành bột nhào. Canxi Hydroxide hiệu quả cho các mô cứng trong khi Barium Sulphate cung cấp độ cản quang giúp hiển thị vật liệu trên phim X quang. Được sử dụng làm vật liệu bằng thuốc ống rỗng qua tình điều trị nội nha cũng như là trám tạm trong che rủy và lấy rủy. Ly tương cho việc che rủy/ điều trị rủy buồng bột đặc tính đồng nhất của Calxi. Dễ dàng xử lý và ứng dụng trực tiếp dễ dàng tại vị trí mong muốn. Bột nhào calxi hydroxit có thể được pha trộn theo tỷ lệ mong	Hộp 15g	Hộp	10	98.100	981.000	K07.03.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHÀ KHOA
302	PP26000 16952	Cao su đặc	Cao su lấy dấu loại nâng Express	7312	Năm 2025	Mỹ	3M	Dùng để lấy dấu chỉnh xác cho các phức hình cầu, máo, hàm giả tháo lắp và lấy dấu khớp cắn. Cao su đặc sử dụng với khay lấy dấu Thời gian đặt vật liệu ≤ 60 giây. Thời gian đông cứng 5 phút	Hộp 1 bộ	Bộ	2	#####	3.400.000	N01.10.024	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT
303	PP26000 16953	Cao su lỏng	Cao su lấy dấu loại nhẹ Express	7302	Năm 2025	Mỹ	3M	Dùng để lấy dấu chỉnh xác cho các phức hình cầu, máo, hàm giả tháo lắp và lấy dấu khớp cắn. Độ nhớt thấp, đông cứng trung bình, ưa nước, có thể được dùng với bơm syring, được sử dụng để lấy dấu nhiều đơn vị cùng lúc. Thời gian bơm vật liệu ≤ 60 giây. Thời gian đông cứng 5 phút	Hộp 1 bộ	Hộp	2	#####	3.200.000	N01.10.024	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
304	PP26000 16955	Cây dũa H-file (loại nhỏ đeo) số 20, 25, 30 (dài 21mm)	Kim khoan răng H-FILES	21mm #20; 21mm #25; 21mm #30	2025 trở về sau	Nhật Bản/ Việt Nam	MANI, INC. Takanezawa Factory/ MANI HANOI CO., LTD. PHO YEN FACTORY	- Trám H-File có đục lỗ - Dùng nong dũa ống tủy bằng tay. - Chất liệu thép không gỉ. - Mặt cắt thiết diện tròn. - Chiều dài làm việc: 21mm - Độ trơn 2% không đổi. - Vòng chặn bằng cao su. - Kích cỡ: 20, 25, 30	Hộp 6 cây	Mũi	90	19.950	1.795.500	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
305	PP26000 16959	Chất lấy dấu	Vật liệu Alginate lấy dấu răng - Aroma fine plus	004110	Năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	GC Corporation Fuji Oyama Factory	Chất lấy dấu Alginate, độ chảy lỏng tuyệt vời, lấy dấu chính xác, bề mặt mẫu hàm trơn láng.	Gói/ 500g	Gói	8	235.000	1.880.000	Không áp dụng	Không áp dụng	3407	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
306	PP26000 16963	Che nướu	Vật liệu trám răng (OpalDam)	326	2025 trở về sau	Mỹ	Ultradent Products Inc	Chất nhựa đặc biệt chiều dày để cách ly hoàn toàn nướu và răng, dễ đặt và dễ cắt xén. Được sử dụng trước khi tiến hành tẩy trắng răng.	Tuýp/ 1,2ml	tuýp	10	389.400	3.894.000				CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG
307	PP26000 16965	Chỉ thép cuộn răng hàm mặt	Dây chính nha (Leowire Clasp Wires)	K4050-23, K4050-25, K4050-28, K4050-30, K4050-36	2025 trở về sau	Ý	Leone S.p.a	Thép Ligature buộc mắc cài gồm các cỡ: 009' (0.23mm); .010' (0.25mm); .011' (0.28mm); .012' (0.30mm); .014' (0.36mm). Cuộn 20g	Cuộn	Cuộn	1	448.400	448.400				CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
308	PP26000	Choi đánh bóng	Choi đánh bóng răng dùng nha khoa	PB-300	2025	Trung Quốc	Lakong Medical Devices Co., Ltd	Choi đánh bóng được sử dụng kèm với chất đánh bóng dùng để làm bóng bề mặt ngoài của răng.	Hộp/ 144 cái	Cái	250	6.440	1.610.000				CÔNG TY TRÁCH NHẬN MỘT THÀNH VIÊN CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG
309	PP26000	Chống ế	Vật liệu chống ế buốt ngứa răng (Luxaposa Desensitizer)	Không có	2025	Mỹ	Beutlich Pharmaceuticals LLC	Flour tại chỗ cho người bệnh sau xạ trị, chống lại mảng bám và kháng lại bệnh viêm nướu, phòng ngừa sâu răng và bảo vệ chần răng nhạy cảm - Thành phần: Hydroxyethyl Methacrylate (HEMA), Sodium Fluoride, Inactive: Benzalkonium Chloride (preservative), BHT, - Dạng nước - Thể tích: 5ml	Hộp/ 5ml	Hộp	2	929.000	1.858.000			CÔNG TY TRÁCH NHẬN MỘT THÀNH VIÊN CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG	
310	PP26000	Chốt sợi	Chốt tái tạo cùi răng (Luxapose Refill)	110781, 110782, 110783	2025	Đức	Chemische Fabrik GmbH	Chốt sợi thủy tinh được silane hóa và có độ uốn như ngà thật. - Khả năng chịu uốn như ngà thật. - Cùng với Luxacore Z tạo ra khối monoblock đồng nhất dễ giãam gãy vỡ. - Được silane hóa trong từng sợi. - Độ cản quang lên đến 400% - Có 4 đường kính: 1,25mm, 1,375mm, 1,5mm, 1,75mm	Hộp/ 5 cái	Cái	5	384.900	1.924.500				CÔNG TY TRÁCH NHẬN MỘT THÀNH VIÊN CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG
311	PP26000	Có quết keo	Dùng cu trong nha khoa: Dùng cu composite (quết) bởi (quết) 95030A 95031A 96003A	2025	Đài Loan	Peng Waves Enterprises Co. Ltd	Dùng cu bởi (quết) composite (co bond) - Độ bóng bề mặt cao, giúp vệ sinh làm sạch dễ dàng. - Nhựa PP không màu, không mùi, không vi, không độc. - Sử dụng 1 lần. - Quy cách hộp 100 cái - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp 100 cái	Hộp		1.500	1.050	1.575.000	K07.03.000.50	95.296.0007		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHÀ KHOA

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
312	PP26000 16972	Composid các loại	Vật liệu trám răng - Fusion Flo	20008	Năm 2025 trở về sau	Ân Độ	Prevest Denpro Limited	Là composite lỏng, bền, bề mặt cực mịn, dễ dàng tra vào những vị trí phức tạp, dùng trám ổ sâu nhỏ, bít các vết nứt, vật liệu phục hình lớp III đến V, sửa các vết trám và veneer.	Gói/ Tuýp/ 2g	Gói	10	240.000	2.400.000	Không áp dụng	Không áp dụng	3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
313	PP26000 16973	Composite đặc (A2,A3,A3.5)	Vật liệu trám răng Mani Nano	435090; 435091; 435092	2025 trở về sau	Đức	Mani Medical Germany GmbH	Là loại composite nano quang trùng hợp sử dụng trong trám bít răng Công nghệ Nano dịch thực với thành phần hạt độn chiếm tới 83,5% theo trọng lượng và kích thước hạt độn vô cơ siêu nhỏ (28nm - 40 micromet)	Tuýp 4g	Tuýp	50	495.000	24.750.000				CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LAN TIỀN
314	PP26000 16974	Composite gắn mắc cài	Keo dán nha khoa (Transbond XT Light Cure Adhesive Syringe Kit)	712-035	2025 trở về sau	Mỹ	3M ESPE Dental Products	Dùng để gắn trực tiếp mắc cài chỉnh nha sứ và kim loại.	Bộ/ hộp 2 ống (ống 4g); 1 lọ primer 6ml	Bộ	1	3.899.000	3.899.000	K07.03.000.00 21.175.0035			CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG
315	PP26000 16975	Composite lỏng	Vật liệu trám răng - Fusion Flo	20008	Năm 2025 trở về sau	Ân Độ	Prevest Denpro Limited	Là composite lỏng, bền, bề mặt cực mịn, dễ dàng tra vào những vị trí phức tạp, dùng trám ổ sâu nhỏ, bít các vết nứt, vật liệu phục hình lớp III đến V, sửa các vết trám và veneer.	Gói/ Tuýp/ 2g	Tuýp	15	240.000	3.600.000	Không áp dụng	Không áp dụng	3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA

STT	Mã phân (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
316	PP26000	Còn giấy vệ sinh tẩy rửa	Vật liệu thấm hút dịch ống tủy sử dụng trong nha khoa	ABSOR - BENT PAPER POINTS	EKN/ Iso standard size	Năm 2025	Việt Nam	Vật liệu thấm hút dịch ống tủy có vách để làm khô ống tủy trước kích thước, hình dạng chính xác và độ thấm tương ứng ống tủy kích cỡ: Cỡ riêng lẻ hoặc hỗn hợp, từ số 15-40, 45-80. Đảm bảo khi trám lỗ ống tủy.	Hộp/ 200 cây	Hộp	8	75.000	600.000	Không áp dụng	Không áp dụng	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA	
317	PP26000	Côn máy	Kim khoan răng JIZAI	Kim khoan răng JIZAI	025 04 /035 04 /035 04 /025 06 /035 04 (18mm); 04(21m /035 04 /025 06 /04 /025 06 /035 04(25m m)	2025	Nhật	- Tiết diện chữ nhật lệch tâm dọc đảo tăng khả năng mở rộng ống tủy - Kháng đứt gãy cao, an toàn khi sử dụng - Vật liệu Nitit R-Phase xử lý nhiệt độc quyền	VI/ 3 cái	VI	10	1.099.000	10.990.000			CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG	
318	PP26000	Cone chính	Vật liệu dùng trám bít lỗ ống tủy sử dụng trong nha khoa - Gutta Percha Points	EKN/ Iso standard size	Năm 2025	Việt Nam	Công ty TNHH Pearl Dent	Vật liệu trám bít ống tủy có vách được sử dụng để lấp đầy ống tủy của răng sau khi làm sạch và tạo hình.	Hộp/ 120 cây	Hộp	20	99.000	1.980.000	Không áp dụng	Không áp dụng	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA	

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
319	PP26000 16979	Cone phụ ABCD	Vật liệu dùng trám bít lỗ ống tủy sử dụng trong nha khoa - Gutta Percha Points	EKM/ ABCD	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Pearl Dent	Vật liệu trám bít ống tủy (côn phụ) được sử dụng sau cây côn chính để trám bít bổ sung cho ống tủy. Đảm bảo kích thước, hình dạng chính xác và độ thuận tương ứng với A, B, C, D, với khả năng thao tác tuyệt vời. Hộp trượt/120 cây	Hộp/ 120 cây	Cái	1.500	720	1.080.000	Không áp dụng	Không áp dụng		CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
320	PP26000 16980	Đai đánh bóng composite ngọn lửa	Đai đánh bóng răng	624045 X; 624055 X; 624065 X	2025 trở về sau	Mỹ	Dentsply Caulk	Đai đánh bóng răng dùng làm láng miềng trám sau khi trám răng một cách hiệu quả, nhanh chóng. Hình dạng: Cúp, đĩa, nụ	Hộp 30 cái	Cái	180	47.250	8.505.000				CÔNG TY TNHH DUỐC PHẨM LAN TIỀN
321	PP26000 16982	Đai nhựa Cellulo	Đai trám bảo vệ răng khi trám răng (Directa Strips, Straight)	604090	2025 trở về sau	Thụy Điển	Directa AB	Được làm bằng loại nhựa siêu mỏng, trám xoang II và xoang III. loại Cenlulo	Hộp 100 cái	Hộp	2	469.400	938.800				CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân	Năm xuất	Nước xuất	Hãng sản xuất	Câu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
322	PP26000	Đầu tron silicon lấy đầu bằng plastic	Dùng cu trong nha khoa: Đầu dùng cu	Đầu tron silicon lấy đầu bằng plastic	95013	Đài Loan	Peng Waves Enterprise Co, Ltd	- Đầu tron cao su lòng lấy đầu loại bơm súng, tỉ lệ tron 1:1, sử dụng kèm với đầu với bơm cao su Oral Tip - Chất liệu: Nhựa - Cầu tạo: thẳng, hình trụ, dài 5 cm, thích hợp sử dụng với mọi súng bơm cao su lòng - Sử dụng 1 lần - Quy cách Gói 50 cái - Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	Cái	50	9.100	455.000	K07.03.000.50	95.296.0003	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHA KHOA	
323	PP26000	Dây duy trì định nha - Retainer Wire	Dây duy trì định	Retainer Wire	68292	Nam	Ortho Technology, Inc	Chất liệu dây kim loại chuyên dùng trong nha khoa, dây mềm dễ dàng uốn trực tiếp trên răng mà không cần lấy dấu. Dây hoạt động tốt với tất cả các loại kết dính để ngăn chặn sự dịch chuyển của răng. Chiều dài 6", rộng .028", dày .010"	Ông/ 10 sợi	Sợi	5	174.000	870.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
324	PP26000	Dây kích hoạt nhiệt	Dây kích hoạt nhiệt HA Nitinol Size: 014, 016, 018	4296-xxx	Nam	2025	3M	Dây cung được xử lý nhiệt cầu tạo từ Đồng, Nickel titanium cao cấp cho lực tái nhệ ban đầu giúp dễ dàng thao tác. Dây cung hoàn thành việc biến đổi ở nhiệt độ 32 độ C cho ra một lực nhất quán và có thể dự đoán được. Dây được đánh bóng với kỹ thuật độc quyền giúp giảm ma sát. Thiết diện dây hình chữ nhật hoặc hình tròn.	Hộp 100 sợi	Sợi	30	70.000	2.100.000	NO1.10.024	NO1.10.024		CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIỆP PHÁT
325	PP26000	Dây mài kê mẫu vàng	Dây mài kê mẫu New Metal Strips	000254; 000258; 000262; 000266	Nam	2025	Dental Corporation	Sợi kim loại được mạ điện với các hạt nhôm oxit để tạo đường nét, hoàn thiện và đánh bóng cho tất cả các loại vật liệu phức hoi.	Gói/ 12 sợi	Gói	3	1.260.000	3.780.000	Không áp dụng	Không áp dụng	3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
326	PP26000 16989	Dây niti	Dây cung chỉnh nha - TruFlex Nickel Titanium (Euro) Form Archwires	5000-....	Năm 2025 trở về sau	Mỹ	Ortho Technology, Inc (Ortho Organizers, Inc)	Dây cung chỉnh nha hợp kim Niken-Titan, tiết diện tròn, vuông và chữ nhật, cung oval hàm trên/ dưới, các cỡ dùng trong các thủ thuật chỉnh nha (niềng răng) cho giai đoạn tiền chỉnh nha -Hình dạng: cung oval: hàm trên, hàm dưới -Tương thích với mắc cài các loại	Gói/ 10 sợi	Sợi	100	47.000	4.700.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
327	PP26000 16994	Fuji I	Vật liệu trám, phục hình răng - GC Gold Label Luting & Lining Cement	002503; 002635; 002634; 002580	Năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	GC Corporation Fuji Oyama Factory	Thành phần: Glass ionomer luting. Khả năng tương thích tốt với tủy, gắn tuyệt vời, thời gian làm việc hợp lý, đông cứng nhanh, độ đồng nhất và chảy mịn để dễ dàng để gắn, độ cân quang tuyệt vời, phóng thích Fluoride trong thời gian dài.	Hộp/ 1 cặp (35g bột + 25g nước)	Hộp	2	1.500.000	3.000.000	Không áp dụng	Không áp dụng	3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
328	PP26000 16995	Fuji xanh lục	Xi măng hàn, gắn răng GC GOLD LABEL HS POSTERIOR EXTRA	GC GOLD LABEL HS POSTERIOR EXTRA	2025 trở về sau	Nhật Bản	GC Corporation Fuji Oyama Factory	Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cân quang dành cho răng	Hộp 15g bột +8g nước	Hộp	50	1.244.250	62.212.500	Không áp dụng	Không áp dụng	3006	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
329	PP26000 16997	Kẽm Oxide	Vật liệu trám răng - Zinc Oxide Powder	40028	Năm 2025 trở về sau	Ấn Độ	Prevest Denpro Limited	Không chứa thạch tín, là oxide kẽm nguyên chất dùng trám tạm, dùng trong trám tạm, trộn với eugenol để dùng như cement trám tạm, dùng để dán tạm thời cầu mào, là chất trám lót lý tưởng có thể dùng chung với tất cả các vật liệu phục hồi khác.	Lọ/ 110g	Lọ	4	99.000	396.000	Không áp dụng	Không áp dụng	3006	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
330	PP26000	Keo dán nha khoa	Keo dán nha khoa Bond	433898	2025	Đức	Mani Medical GmbH	Keo dán quang trùng hợp dùng trên men và ngà răng, da năng và để sử dụng. Phục hình sứ và composite, phục hồi kim loại.....	Lọ 5ml	Lọ	4	890.000	3.560.000				CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC
331	PP26000	Keo i-bonding 5ml	Keo dán nha khoa Bond	433898	2025	Đức	MANI MEDIC AL GERMANY GmbH	Primer và bond tất cả trong một, chỉ cần một lần thao tác. Không chứa TEGMA/MMA - tương thích sinh học và bền lâu, lực dán mạnh trên men răng và ngà răng. Thời gian trùng hợp ngắn (10 giây). Tương thích với tất cả vật liệu composite quang trùng hợp thông thường	Lọ 5ml	Chai	14	630.000	8.820.000	Không áp dụng	Không áp dụng	3506	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
332	PP26000	Kite NitriTex	Dụng cụ nha khoa. Trám nội nha	C31021006 C31021008 C31021010 C31021015 C31021020 C31021025 C31021030 C31021035 C31021040 C31021100 C31021101 C31025006 C31025008 C31025010 C31025015 C31025025 C31025030 C31025035 C31025040 C31025100 C31025101	2025	Trung Quốc	Shenzhen Feihuan Medical Instruments Co., Ltd	Trám K-File không đục lỗ - Dụng nong đưa ống tủy bằng tay. Chất liệu thép không gỉ. Mặt cắt thiết diện tròn. Chiều dài làm việc: 21mm, 25mm, 31mm. Độ tròn 2% không đổi. Vòng chặn bằng silicone. Kích cỡ: 1,5,2,0,2,5,3,0,3,5,40 Nong đưa theo phương pháp Step-back Vật liệu có khả năng chống ăn mòn Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách đóng gói: VI 6 cái	Hộp 06 cây	Hộp	20	99.600	1.992.000		K07.03.000		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHÀ KHOA

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
333	PP26000 17001	Khẩu ba (3 ống)	Khẩu chỉnh nha	34.30....	2025 trở về sau	Mỹ	World Class Technology Corporation/OC Orthodontics	Khẩu 3 ống HT/HD	Cái	Cái	2	198.400	396.800				CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HÀI LONG
334	PP26000 17002	Khẩu đôi (2 ống)	Khẩu chỉnh nha - Trufit 2.0 Molar Bands (Maxillary/Mandibular Prewelded Band and Tube Assemblies Available With Lingual Cleat)	493-...	Năm 2025 trở về sau	Mỹ	Ortho Technology, Inc (Ortho Organizers, Inc)	Thép không gỉ, form bê sẵn hình răng, có hàn 2 ống tube có nắp, phía sau khẩu hàn cleat. Slot 022. Có 4 vị trí.	Gói/ 3 cái	Cái	2	143.000	286.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
335	PP26000 17003	Khẩu đơn (1 ống)	Khẩu chỉnh nha - Trufit 2.0 Molar Bands (Maxillary/Mandibular Prewelded Band and Tube Assemblies Available With Lingual Cleat)	493-...	Năm 2025 trở về sau	Mỹ	Ortho Technology, Inc (Ortho Organizers, Inc)	Thép không gỉ, form bê sẵn hình răng, có hàn 1 ống tube có nắp, phía sau khẩu hàn cleat. Slot 022. Có 4 vị trí.	Gói/ 3 cái	Cái	20	132.000	2.640.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí VND (nếu có))	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu	
336	PP26000	Kim nha khoa các số	Kim nha khoa	27G-S; 27G-L	2025	Hàn Quốc	Biodent Co., Ltd	- Mũi kim 3 diện cắt, có hình dạng tam giác nhọn, sắc bên - Nhiều size: Mỗi size có màu khác nhau để dễ dàng phân biệt - Chiều dài thân kim: 21mm, 30mm. - Đầu kim vật nhọn, bên, phù hợp vùng gây tế, mềm, dễ uốn cong	Hộp/ 100 cái	Cái	1000	1.800	1.800.000		CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU THẠNH VIÊN, CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG	
337	PP26000	Lên côn gutta percha	Kim lên côn (SPREA DER)	21mm # 15; 21mm # 20; 21mm # 25; 21mm # 30; 21mm # 35; 21mm # 40; 25mm # 15; 25mm # 20; 25mm # 25; 25mm # 30; 25mm # 35; 25mm # 40	2025	Việt Nam	Mani Hanoi Co., Ltd	Dùng để lên côn gutta percha theo chiều ngang, chất liệu thép không gỉ. Chiều dài 21mm, 25mm.	V/ 6 cái	Cái	12	32.000	384.000		CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU THẠNH VIÊN, CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG	
338	PP26000	Lentulo các số	Kim đưa răng vào ống tủy CARPENTER PASTE S	21mm # 25; 25mm # 30; 25mm # 40	2025	Nhật Bản/ Việt Nam	MANI, TAKANAWA DENTAL CO., LTD. HANOI FACTORY/ PHO YEN	Dùng cụ nha khoa đưa chất hàn răng vào ống tủy với chaudi bằng thép không gỉ. Chiều dài 21mm, 25mm. Tốc độ rơi da: 800 vòng/phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 4 cây	VI	25	126.000	3.150.000	Không áp dụng	Không áp dụng	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
339	PP26000 17009	Lò xo đóng khoảng Niti các cỡ (9mm, 12mm, lực nhẹ, trung bình, lực nặng)	Dây cung chỉnh nha - TruFlex Nickel Titanium Closed Coil Springs	700-...	Năm 2025 trở về sau	Mỹ	Ortho Technology, Inc (Ortho Organizers, Inc)	Chất liệu hợp kim Nicken Titan giúp quá trình kéo khoảng ổn định có 3 lực 100gm, 150gm, 200gm. Hai đầu tròn nhỏ dùng móc hook. Dài 9mm & 12mm.	Gói/ 10 cái	Cái	50	187.000	9.350.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
340	PP26000 17010	Lò xo mở khoảng các loại	Dây cung chỉnh nha - TruFlex Nickel Titanium Open Coil Springs	700-...	Năm 2025 trở về sau	Mỹ	Ortho Technology, Inc (Ortho Organizers, Inc)	Hợp kim Nikel Titanium, các vòng lò xo thiết kế liên tục, dùng đi xa giữa hai răng. Có kích cỡ 010"x 030", 012"x030" và 014"x036".	Gói/ 3 cái	Cái	6	275.000	1.650.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
341	PP26000 17011	Mắc cài kim loại Mini các loại	Mắc cài chỉnh hình răng - One-piece Braces	9445-MKIT55-022HK 944-RKIT55-022HK	2025	Nhật Bản	Tomy Inc	Mắc cài hệ ROTH/MBT chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, thiết kế đôi, mở không có nắp đẩy. Khuôn đúc kim loại. Các đường viền bo tròn, thấp. Có các đường cơ sở để tăng độ bền liên kết và xác định vị trí đặt chính xác. Có các khe dây tròn giúp dễ lắp đặt và giảm ma sát. Bộ đầy đủ ứng với vị trí của từng răng.	Bộ 20 cái	Bộ	10	770.000	7.700.000	K07.03.000.52 72.232.0022			CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHA KHOA

STT	Mã phân (16)	Danh mục	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn xuất	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
342	PP26000 17012	Mắc cài răng 6,7 các loại	Ông chính hình răng - Buccal Tubes B	9010-608L 9010-616R 9040-616L 9010-702L 9010-702R 9010-712R	2025	Nhật Bản	Tomy Inc	Mắc cài răng 6 làm từ chất liệu thép không gỉ sử dụng phổi hợp Mắc cài R6 1 ống cùng 2 Mắc cài R6 1 ống cùng 4 Mắc cài R6 1 ống cùng 4 Mắc cài R6 hệ MBT và hệ ROTH slot 022	Gói 10 cái	Cái	80	155.000	12.400.000	K07.03.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHA KHOA	
343	PP26000 17013	Mắc cài sứ Mini các loại	Mắc cài chính hình răng - One-piece Braces	9445- MKJT55- 022HK 944- RKT55- 022HK 9445- MKJT55- 018HK 944- RKT55- 018HK	2025	Nhật Bản	Tomy Inc	sử dụng kỹ thuật sản xuất hiện đại của Metal Injection Molding (MIM). Để liên kết - Để liên kết có đường viền bằng hợp chất được khắc vì mô để tạo độ chính xác, phù hợp và an toàn. Hook nằm sát bề mặt răng và Đầu bị được mài từ cùng một khối kim loại để tăng sự thoải mái cho bệnh nhân. ID được mài hóa bằng số la mã và tiếng Ả Rập và đánh dấu màu để nhận biết trên bộ mắc Cò đường dọc hỗ trợ cho việc đặt đặt khung chính xác, vật liệu khung lý tưởng có độ chống ăn mòn và độ bền cao. Bộ ngoài nhân bóng, sáng và dễ làm sạch Thiết kế sẵn 2 hệ thống Roth và MBT, rãnh 018" và 022" Cò đường viền được khắc vì mô Quý cách đóng gói: Bộ 20 cái Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Bộ 20 cái	Bộ	1	770.000	770.000	K07.03.000.52 72.232.0022	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHA KHOA	
344	PP26000 17015	Minivis chính nha các cỡ	Thanh titan dùng để thay thế răng (Implant)	PH1413-06 PH1413-08 PH1514-06 PH1514-08 PH1514-10 PH1615-06 PH1615-08 PH1817-10 TH1817-12 TH2018-10 TH2018-12	2025	Quốc Hàn	Dentos Inc	Vit mini trong chính nha dùng trong khoan và cấy ghép trực tiếp vào xương hàm, kết hợp thun kéo các loại, tạo lực kéo giữ không cho các răng xô dịch chạy khỏi cung hàm hoặc làm lún, trồi răng theo mong muốn điều trị của nhà si - Chất liệu: Titanium - Cầu tạo: gồm nhiều rãnh hình xoắn ốc, thuận dẫn đều, bám chắc vào xương hàm, đầu vít có khía phù hợp với đầu cấy vắn và thân vắn, cần vắn. - Kích thước: đường kính 1,2mm ; 1,3mm; 1,4mm; 1,5mm; 1,6mm; 2,0mm chiều dài: 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 10mm, 12mm	Cái	Cái	10	580.000	5.800.000	K07.03.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHA KHOA	

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
345	PP26000 17016	Mũi đá mài	Mũi đánh bóng composite (Arkansas Abrasives)	NAS01D , NAS11D , NAS02D , NAS12D , NAS06D , NAS16D	2025 trở về sau	Đức	NTI-Kahla GmbH	Mũi đá mài mịn hoàn tất. Có 2 loại: dùng với highspeed hoặc dùng với lowspeed Chất liệu đá abrasives Màu trắng Có sẵn 3 hình dạng: đầu ngọn lửa, đầu kim, đầu tròn	Cái	Cái	5	129.000	645.000				CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG
346	PP26000 17017	Mũi Gates	Kim khoan răng (GATES DRILLS)	28mm # 1, 28mm # 2, 28mm # 3, 28mm # 4, 28mm # 5, 28mm # 6, 32mm # 1, 32mm # 2, 32mm # 3, 32mm # 4, 32mm # 5, 32mm # 6, 38mm # 1, 38mm # 2, 38mm # 3, 38mm # 4, 38mm # 5, 38mm # 6	2025 trở về sau	Việt Nam	Mani Hanoi Co., Ltd	Kim khoan răng này dùng để tiếp cận ống tủy và mở rộng miệng ống tủy	Vì/ 6 mũi	Mũi	18	43.000	774.000				CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG
347	PP26000 17018	Mũi khoan cắt xương	Mũi khoan răng SURGICAL BURS	25mm MZB+ 28mm MZB+	2025 trở về sau	Nhật Bản/ Việt Nam	MANI, INC. Takanezawa Factory/ MANI HANOI CO., LTD. PHO YEN FACTORY	Chuyên dùng khoan cắt xương, cho hiệu quả cao nhờ góc cắt và khả năng loại bỏ những mảnh vụn.	Vì 4 mũi	Mũi	15	123.375	1.850.625	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB

STT	Mã phần (16)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn xuất	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu	
348	PP26000 17019	Mũi khoan đánh bóng hình quả trám mịn	Mũi khoan DIA-răng BURST	EX-xx	2025	Nhật Ban/Việt Nam	MANI, INC. Takanez awa Factory/ HANOI CO., LTD. PHO YEN FACTO RY	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi làm bằng thép không gỉ	Vi 5 mũi	Vi	3	157.500	472.500		9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
349	PP26000 17020	Mũi khoan kim cương hình ngọn lửa	Mũi khoan DIA-răng BURST	FO-xx	2025	Nhật Ban/Việt Nam	MANI, INC. Takanez awa Factory/ HANOI CO., LTD. PHO YEN FACTO RY	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Vi 5 mũi	Vi	8	157.500	1.260.000		9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
350	PP26000 17021	Mũi khoan kim cương cắt ke	Mũi khoan DIA-răng BURST	TC-xx	2025	Nhật Ban/Việt Nam	MANI, INC. Takanez awa Factory/ HANOI CO., LTD. PHO YEN FACTO RY	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Vi 5 mũi	Vi	13	157.500	2.047.500		9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
351	PP26000 17022	Mũi khoan kim cương tròn nhỏ	Mũi khoan răng DIA-BURS	BR-xx, BC-xx	2025 trở về sau	Nhật Bản/ Việt Nam	MANI, INC. Takanezawa Factory/ MANI HANOI CO., LTD. PHO YEN FACTORY	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Vi 5 mũi	Vi	15	157.500	2.362.500	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
352	PP26000 17023	Mũi khoan kim cương tròn vừa	Mũi khoan răng DIA-BURS	BR-xx, BC-xx	2025 trở về sau	Nhật Bản/ Việt Nam	MANI, INC. Takanezawa Factory/ MANI HANOI CO., LTD. PHO YEN FACTORY	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Vi 5 mũi	Vi	25	157.500	3.937.500	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
353	PP26000 17024	Mũi khoan kim cương trụ mài đường hoàn tất	Mũi khoan răng DIA-BURS	SF-xx, SR-xx	2025 trở về sau	Nhật Bản/ Việt Nam	MANI, INC. Takanezawa Factory/ MANI HANOI CO., LTD. PHO YEN FACTORY	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Vi 5 mũi	Vi	10	157.500	1.575.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB

STT	Mã phần (t)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
354	PP26000 17025	Mũi khoan kim cương tru tròn	Mũi khoan DIA-BURS	TR-xx	2025	Nhật Bản/ Việt Nam	MANI, INC. Takanez awa Factory/ MANI LTD. PHO YEN FACTO RY	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Vi 5 mũi	Vi	30	157.500	4.725.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
355	PP26000 17026	Mũi khoan tự mìn đánh bóng hình duỗi chuôi màu vàng	Mũi khoan DIA-BURS	TR-xxEF	2025	Nhật Bản/ Việt Nam	MANI, INC. Takanez awa Factory/ MANI LTD. PHO YEN FACTO RY	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Vi 5 mũi	Vi	30	157.500	4.725.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
356	PP26000 17027	Mũi mài răng	Mũi khoan DIA-BURS	TR-xx, TC-xx, TF-xx	2025	Nhật Bản/ Việt Nam	MANI, INC. Takanez awa Factory/ MANI LTD. PHO YEN FACTO RY	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuôi làm bằng thép không gỉ	Vi 5 mũi	Mũi	100	31.500	3.150.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
357	PP26000 17029	Mũi Peeso Reamer (các cỡ)	Kim khoan răng PEESO REAMERS	28mm # 1, 28mm # 2, 28mm # 3, 28mm # 4, 28mm # 5, 28mm # 6, 28mm # 1-6, 32mm # 1, 32mm # 2, 32mm # 3, 32mm # 4, 32mm # 5, 32mm # 6, 32mm # 1-6, 38mm # 1, 38mm # 2, 38mm # 3, 38mm # 4, 38mm # 5, 38mm # 6, 38mm # 1-6	2025 trở về sau	Việt Nam	MANI HANOI CO., LTD. PHO YEN FACTORY	Kim khoan răng này dùng để tiếp cận ống tủy và mở rộng miệng ống tủy. Chất liệu thép không gỉ. Tốc độ tối đa: 1200 vòng/phút. Các cỡ: 1,2,3,4,5,6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 6 cây	Mũi	24	34.965	839.160	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
358	PP26000 17030	Mũi Pro-3 (màu đỏ đường kính 2.3)	Mũi khoan răng DIA-BURS	Pro-3F	2025 trở về sau	Nhật Bản/ Việt Nam	MANI, INC. Takanezawa Factory/ MANI HANOI CO., LTD. PHO YEN FACTORY	Mũi khoan nha khoa kim cương với chuỗi làm bằng thép không gỉ	Vi 5 mũi	Vi	3	157.500	472.500	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
359	PP26000 17032	Nút Button	Phụ kiện chỉnh hình răng (nút chỉnh nha, để chỉnh nha) - Auxiliary Attachments	601-04 601-05	2025	Nhật Bản	Tomy Inc	Button kim loại, Nút mặt lưỡi kim loại để phẳng Chất liệu: Thép không gỉ cấp phẫu thuật Quy cách đóng gói: Túi 20 cái Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485	Túi 20 cái	Cái	40	64.500	2.580.000	K07.03.000.52 72.232.0019			CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHA KHOA

STT	Mã phần (t)	Danh mục hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân sản xuất	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu
360	PP26000 17033	Ông hút bằng nhựa có lon (Pipep nhựa)	Ông nhỏ giọt 3ml	HSP03	2025	Trung Quốc	Henso Medical (Hangzhou) Co., Ltd., Trung Quốc	Chất liệu nhựa y tế LDPE, mềm mai, có vách chia từ 0.5ml. Chiều dài 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml.	500chiếc /túi, 10000c/t hũng	Cái	30.100	272	8.187.200		CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ DÀ NẴNG
361	PP26000 17034	Ông hút nước bột các số	Dùng cu dùng hút nước bột	2281015 0 2281050 4	2025	Ý	Euronda S.P.A	- Đầu hút tròn mềm, ống trơn láng, dễ uốn cong và ổn định hình - Chất liệu nhựa dẻo - Quy cách: Bịch 100 cái - Tiêu chuẩn ISO - Xuất xứ G7 (Ý)	Bịch 100 cái	Cái	2.000	1.328	2.656.000	K07.03.000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHÀ KHOA
362	PP26000 17035	Phim nha khoa + nước rửa phim, kích thước (3x4)cm	Phim X quang nha khoa	Bright room set (D-Speed)	2025	Trung Quốc	Vestiar Medical System (Guangxi) Co., Ltd.	- Kích cỡ: 3cm x 4 cm- Đóng gói riêng từng tấm- Hộp 50 tấm kèm chai dung dịch rửa phim 250ml	Hộp 50 tấm kèm nước rửa	Hộp	22	577.500	12.705.000		CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM LAN TIÊN

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
363	PP26000 17036	Reamer các số	Dụng cụ nha khoa: Trâm nội nha	C33021006 C33021008 C33021010 C33021015 C33021020 C33021025 C33021030 C33021035 C33021040 C33021100 C33021101 C33025006 C33025008 C33025010 C33025015 C33025020 C33025025 C33025030 C33025035 C33025040 C33025100 C33025101	2025	Trung Quốc	Shenzhen Feihuan Medical Instruments Co., Ltd	Trâm dũa ống tủy Reamer - Chất liệu thép không gỉ, mặt cắt hình tam giác - Chiều dài làm việc: 21 mm, 25mm - Độ thuận 2% - Vòng chặn bằng silicone - Kích cỡ: 06=>40 - Quy cách Vi 6 cây cùng số hoặc đủ số - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Vi 06 mũi	Vi	30	89.000	2.670.000		K07.03.000		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHA KHOA
364	PP26000 17039	Sò đánh bóng	Paste làm sạch bề mặt răng (Alpha-Pro Prophylaxis Paste)	560-1204-002	2025 trở về sau	Mỹ	Dental Technologies, Inc	Sò đánh bóng răng giúp đánh bóng, làm sạch răng	Hộp/ 200 cái	Cái	130	5.500	715.000				CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG
365	PP26000 17041	Thép buộc mắc cài	Dây chính nha (Leowire Clasp Wires)	K4050-23, K4050-25, K4050-28, K4050-30, K4050-36	2025 trở về sau	Ý	Leone S.p.a	Thép Ligature buộc mắc cài .009" (0.23mm); .010" (0.25mm); .011" (0.28mm); .012" (0.30mm); .014" (0.36mm); Cuộn 20g	Cuộn	Cuộn	1	448.000	448.000				CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã nhân hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu	
366	PP26000 17042	Thun buốc tại chỗ	Thun chính nha - Power Sticks	Elastomeric Ligatures	Năm 2025	Mỹ	Ortho Technology, Inc (Ortho Organize rs, Inc)	Nhựa y học không màu, Cây/ 24 cái, Đường kính 1,20"/ cái	Gói/ 42 cây/ 1008	Gói	1	450.000	450.000	Không áp dụng	Không áp dụng	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
367	PP26000 17043	Thun chuỗi các loại: ngắn, dài	Thun chính nha - Maximum Power Chain	430/440/ 450-102	Năm 2025	Mỹ	Ortho Technology, Inc (Ortho Organize rs, Inc)	Nhựa y học, không màu hoặc xám, thun mắc xích các vòng kim loại, vừa và thưa. Dạng cuộn 4,5m.	Cuộn/ 4,5m	Cuộn	2	462.000	924.000	Không áp dụng	Không áp dụng	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
368	PP26000 17044	Thun liên hãm các cỡ	Thun đơn Alastik ETT 45 độ (Màu trắng, xám, nhiều màu.)	406-xxx	Năm 2025	Mỹ	3M	Được làm bằng mù cao su tự nhiên, phủ bằng bột báp. Cắt chính xác, cao su đạt tiêu chuẩn dùng cho phẫu thuật. Phạm vi tác động và lực nhất quán. Có nhiều kích thước thun và phạm vi tác động lực khác nhau tùy kích thước.	Thùng 100 gói	Gói	20	24.500	490.000	N01.10.024		CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHANG HIẾP PHAT

111

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
369	PP26000 17047	Trám bít ống tủy	Xi măng trám bít ống tủy nha khoa (ADSEAL)	Không có	2025 trở về sau	Hàn Quốc	Meta Biomed Co.,Ltd	Cement trám bít ống tủy Adseal Khả năng tương thích sinh học cao với thời gian làm việc nhanh Thời gian làm việc : 35 Minutes ở 23 C (73 F) Thời gian đông cứng: 45 Minutes at 37 C (99 F) Dễ trộn Có khả năng trám bít kín không tạo bọt khí/lỗ hổng Không nhiễm màu lên răng Không hòa tan trong dịch/máu Độ cân quang cao	Hộp/ Tuýp đôi 13.5g	Hộp	5	714.900	3.574.500				CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HẢI LONG
370	PP26000 17048	Trâm gai lấy tủy	Dụng cụ nha khoa: Trâm nội nha	C380210 00 C380210 01 C380210 02 C380210 03 C380210 04	2025	Trung Quốc	Shenzhen Feihuan Medical Instruments Co., Ltd	Trâm gai (hay còn gọi là trâm gai nội nha, trâm lấy tủy) bao gồm thân mảnh dẻo bằng thép không gỉ, có gai nhỏ xoắn ốc dọc thân để móc và kéo tủy ra; có tay cầm chắc chắn (nhựa/kim loại), chiều dài tiêu chuẩn (21, 25, 31mm) và kích cỡ mã màu (06-25), dùng để làm sạch tủy răng chết trong điều trị nội nha. Cấu tạo chính: Thân trâm: Sợi thép không gỉ, mảnh, dẻo, có độ đàn hồi tốt để uốn theo ống tủy. Gai: Các gai nhỏ bố trí theo hình xoắn ốc, rất sắc bén, có tác dụng móc giữ và lôi các mô tủy ra ngoài. Tay cầm: Bằng nhựa hoặc kim loại, thiết kế giúp nha sĩ cầm nắm chắc, điều khiển chính xác. Đặc điểm kỹ thuật: Chiều dài: là 21mm, 25mm, 31mm. Kích cỡ: Được mã hóa bằng màu sắc (ví dụ: 06, 10, 15, 20, 25...) và số (ví dụ: 25, 30, 35, 40). Công dụng: Loại bỏ hoàn toàn mô tủy bị viêm nhiễm hoặc đã chết (hoại tử) trong quá trình sửa soạn và làm sạch ống tủy khi điều trị tủy răng (chữa tủy).	Hộp 10 cái	Cái	40	16.800	672.000	K07.03.000		CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ NHÀ KHOA	
371	PP26000 17049	Bộ bảo vệ áp lực máy thận nhân tạo	Phin lọc khí Transducer protector	A01	2025 Trở về sau	Việt Nam	Perffect Medical	Đầu nối bảo hộ (Phin lọc khí) Transducer Protector kị nước (PTFE hoặc Acrylic) lỗ kích thước 0,2 micromet - Bộ lọc không khí Kháng khuẩn, kị nước với 2 khóa Female luer/ male luer có kích thước phù hợp ISO 80369-7, là rào bảo vệ máy lọc thân chỉ cho áp lực đi qua. - Đóng gói vô trùng từng cái rất an toàn trước khi sử dụng. - Chất lượng sản phẩm phù hợp với ISO 8637-2 - Hệ thống QMS của sản phẩm đạt EN ISO 13485:2016	Bì 1 Cái	Cái	500	6.300	3.150.000	N08.00.340.11 54.000.0001	N08.00.340	9018	CÔNG TY TNHH THÁI TRƯƠNG

STT	Mã phân (lo)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
372	PP26000 17050	Bộ dây lọc máu nhân tạo	Tubing Sets for Hemodialysis	BLU006 E	2025	Malaysia	Vital Healthcare SDN BHD	Bộ dây chảy thân bao gồm dây động mạch và dây tĩnh mạch. Bầu nhỏ giọt đường kính ngoài OD: 19mm-30 mm, chiều dài L: 130 mm; đường kính dây bơm (8,0x12x420) mm, chiều dài hiệu dụng 400mm. Có công tắc phụ sử dụng y tế. - 2 transducer - Túi xả 2000ml - Dây truyền dịch 1500mm - Chất liệu nhựa y tế không chứa Latex, NON-DEHP.	Bộ/Thùng 30 g	Bộ	1.700	39200	66.640.000	N04.03.020.43	N04.03.020.43	9E+07	CÔNG TY CP SINH THỦY AN
373	PP26000 17051	Bộ Kit cho máy lọc máu liên tục	Bộ Kit cho máy lọc máu liên tục multifiltrate Kit 4 CVVHD F 600	5038931 / multifiltrate Kit 4 CVVHD F 600	2025	Đức	Fresenius Medical Care Deutschland GmbH and Ober-Erlenbach h Plant	Bộ kit dùng trong lọc máu liên tục gồm: - 1 quả siêu lọc, chất liệu màng polysulfone, điện tích màng 1,4 m2, tiết trùng bằng hơi nước INLINE. - 1 bộ cassette. - 1 bộ dây dịch lọc có túi làm ấm. - 1 bộ dây dịch bù có túi làm ấm. Sử dụng tương thích máy Multifiltrate	01 Bộ/ thùng	Bộ	10	5.999.700	59.997.000	N07.02.060.21	N07.02.060.21	9018	CÔNG TY TNHH THANH PHƯƠNG
374	PP26000 17052	Bộ Kit dùng trong lọc huyết tương	Bộ Kit cho máy lọc máu liên tục multifiltrate Kit 16 MPS P2 dry	F000002 15/ multifiltrate Kit 16 MPS P2 dry	2025	Đức	Fresenius Medical Care Deutschland GmbH and Ober-Erlenbach h Plant	Bộ Kit dùng trong lọc huyết tương gồm: - 1 quả lọc Plasma, chất liệu màng polysulfone, điện tích màng 0,6 m2, tiết trùng bằng hơi nước INLINE. - 1 bộ cassette - 1 bộ dây dịch bù MPS - 1 túi thải 10L. Sử dụng tương thích máy Multifiltrate	01 Bộ/ thùng	Bộ	10	7.999.992	79.999.920	N07.02.040.21	N07.02.040.21	9018	CÔNG TY TNHH THANH PHƯƠNG
375	PP26000 17053	Catheter tạo 2 lòng nhân tạo	Catheter alysis Haemodialumens 12Frx20cm Kit 2	FR-2216	2025	China	Guangdong Bahe Medical Technology Co., Ltd	Bộ sản phẩm gồm có: 1 catheter 2 nhánh chất liệu polyurethane, kích cỡ 12Fr x20cm, có đầu cân quang. Kèm nắp dây van khóa 1 chiều needle free connector (2 cái), kim dẫn chữ Y 18G, que nong mạch (2 cái) 12Fr x15cm và 10Fr x15cm, kim tiêm 5ml, băng vết thương, kim chỉ khâu phẫu thuật. Vật liệu không chứa latex.	Cái/Thùng 40 g	Cái	32	252000	8.064.000	N04.04.010.23	N04.04.010.23	9E+07	CÔNG TY CP SINH THỦY AN

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
376	PP26000 17054	Dung dịch chạy thận nhân tạo Bicarbonat 1A	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc HD-1A (Acid)	3615074	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam; Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng	Thành phần 1 can 10 lít dd thẩm phân máu đậm đặc Acid đặc chứa: • Natri clorid: 1614,0 g • Kali clorid: 54,91 g • Calci clorid.2H₂O: 97,45 g • Magnesi clorid.6H₂O: 37,44 g • Acid acetic băng: 88,47 g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít • Tương thích tỷ lệ pha Tiêu chuẩn chất lượng: EC. Có ít nhất 1 FSC	can 10 lít; thùng 2 can	Can	2.700	163.065	440.275.500	N08.00.410.11 24.000.0001	N08.00.410.1124.000.00 01	3004	CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM ĐỊNH
377	PP26000 17055	Dung dịch chạy thận nhân tạo Bicarbonat 1B	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc HD-1B (Bicarbonat)	3615075	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam; Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng	Thành phần 1 can 10 lít dd thẩm phân máu đậm đặc bicarbonate chứa: • Natri clorid: 305,8 g • Natri Bicarbonate: 659,4 g • Dinatri Edetat.2H₂O 1,0g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tất cả các thành phần và nước tinh khiết đều đáp ứng tiêu chuẩn của Dược điển Châu Âu (EP) • Tương thích tỷ lệ pha: 1 lít dd đậm đặc acid + 34 lít nước đạt tiêu chuẩn + 1,83 lít Bicarbonat. Giới hạn Al ≤ 0,01 mg/l trong dung dịch sẵn sàng sử dụng pH: 7,5-8,3 Tiêu chuẩn chất lượng: EC. Có ít nhất 1 FSC	can 10 lít; thùng 2 can	Can	4.000	163.065	652.260.000	N08.00.410.11 24.000.0002	N08.00.410.1124.000.00 02	3004	CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM ĐỊNH
378	PP26000 17056	Dung dịch rửa màng lọc thận	DIATRIL General Purpose disinfectant (Non-Sterile)	Diatrill (Peracetic acid 4.5%)	2025 trở về sau	Taiwan	Ginyork Mfg. Co., Ltd	Thành phần: 4,5% peracetic acid, 26% hydrogen peroxide, acetic acid: 5-10%	Can 5 Lit	Lit	13	245000	3.185.000		N01.02.030	4E+07	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH THỤY AN

STT	Mã phân (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Tên nhà thầu				
379	PP26000 17057	Kim động mạch thân nhân tạo	Kim chạy cánh thân xoay - A.V. Fistula Needle	90231	Trở về sau 2025	Ấn Độ	Poly Medicur Limited	- Kim phủ Silicon, thành kim siêu mỏng, cắt vát 3 mặt sắc bén, có back eye giảm thiểu chấn thương cho bệnh nhân. - Kim được làm từ thép không gỉ SS304 - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng - Ông làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP mềm mại, mờ và kháng khuẩn - Kẹp: ngăn chặn dòng chảy của chất lỏng - Cánh bướm và được mã hóa theo từng kích cỡ, cánh xoay - Chiều dài kim: 25mm (±1mm). - Chiều dài ống: 30cm, Đường kính: ID: 3.5mm, OD: 5.5mm - Tiết tường bằng khí EO. - Đường kính kim (mm) 90231: 1.6G: 1.64 - 1.66 - TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu	Bì 1 Cái	Cái	13.500	6.405	86.467.500	N03.03.080.35 20.115.0003 (16G)	N03.03.080 9018	CÔNG TY TNHH THẠI TRƯƠNG			
380	PP26000 17058	Màng lọc thân 13L, tăng dao thải phosphate	Quả lọc thân tạo nhân tạo Mid Flux	SHM-DLPES-P1.4MF	Trở về sau 2025	Malaysia	Hospitec Manufacturing Sdn. Bhd	- Áp lực xuyên màng lớn nhất (TMP Max) 500mm Hg - Hệ số siêu lọc: 21ml/giờ/mmHg - Thể tích mỗi: 80 mL - Tiết khuẩn: Tia Gamma - Độ thanh thải ở lưu lượng: 300ml/phút - Urea: 252 ml/phút ± 10% - Creatinine: 236 ml/phút ± 10% - Phosphate: 221 ml/phút ± 10% - Vitamin B12: 130 ml/phút ± 10% - Độ dày thành: 35µm - Đường kính sợi: 200µm - Không gây dị ứng, tính hòa hợp sinh học cao. Tiêu chuẩn: CFS châu Âu, CE (MDR), EN ISO 13485:2016	1 Quả / Túi: 24 Quả / Thùng	Quả	1.700	273.800	465.460.000	N07.02.080.24 35.205.0009	N07.02.080 9018	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP Y TẾ HSI			
381	PP26000 17059	Quả lọc hấp phụ điều trị suy thận mận HA130 hoặc tương đương	Disposab le Hemoper fusion HA130 Cartridge HA130 e HA130	2025	Trở về sau 2025	Trung Quốc	JAIFRON Co., Ltd	1. Thể tích chất hấp phụ: 130ml 2. Thể tích khoang máu: 114ml 3. Vật liệu vỏ: Polycarbonate. 4. Vật liệu hấp phụ hạt Resin: Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer) 5. Vật liệu phủ hạt hấp phụ: Colloid. 6. Độ chịu lực của hạt hấp phụ: 8,1N. 7. Tốc độ máu tối đa: 450ml/phút 8. Dải hấp phụ: 5-30kDa 9. Năng lực hấp phụ tỷ lệ hấp phụ: PTH: 53,4%; B2-MG: 44,7%; Creatinine: 85%; Protein toxins: 42%; IL-6: 21,8%-31,5%. 10. Phương thức khử khuẩn: chiếu xạ. 11. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.	1 quả/ hộp	Quả	480	2.500.000	1.200.000.000	N07.02.070.26 07.279.0001	N07.02.070 9018	CÔNG TY TNHH THANH PHƯƠNG			

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
382	PP26000 17061	Que thử tồn dư Peroxide trong chảy thận nhân tạo	Que thử tồn dư peroxid trên quả lọc thận	5105	2025 trở về sau	Mỹ	Serim Research Corporation/ Mỹ	Que thử xác định nồng độ của peroxide còn tồn dư trong dung dịch tráng hoặc quả lọc sau khi khử khuẩn. Thang màu được chia theo nồng độ ppm, từ 0 ppm đến 10 ppm (10mg/L). Xem kết quả sau khoảng 15 giây.	100 que/lọ	Que	2.000	5775	11.550.000	N00.00.000.37 51.175.0001		3822	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG
383	PP26000 17063	Guide Wire Hydrophilic dài 150cm	Dây dẫn	UPGW2 1xxA	2025 trở về sau	Trung Quốc	Bonree Medical Co., Ltd	* Kích cỡ từ 0.025", 0.028", 0.032", 0.035", 0.038" * Chiều dài: 150cm * Chất liệu: Lõi Nitinol chống gấp, bọc lớp nhựa Polyurethane, 30mm đầu dây phủ thêm lớp ái nước (Hydrophilic) * Thiết kế đầu thẳng linh hoạt	Cái/ gói	Cái	12	350.000	4.200.000		N07.01.270	9018xxx	Công ty cổ phần Accutech Việt Nam
384	PP26000 17064	Rọ Lấy Sỏi 2.5 Fr	Rọ Lấy Sỏi	SB4TL-25120	2025 trở về sau	Trung Quốc	Well Lead Medical Co., Ltd	* Dùng để gấp và loại bỏ các vật thể lạ ở niệu quản - thận trong quá trình nội soi. * Kích cỡ: 2.5Fr * Dài: 120cm, loại 4 dây * Chất liệu: Nitinol * Tay cầm có thể tháo lắp được * Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE	Cái/Hộp	Cái	7	1.500.000	10.500.000	N07.04.100.43 89.279.0002		9018	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI THẮNG LONG QUỐC TẾ

STT	Mã phân (lo)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu		
385	PP26000 17065	Kẹp Clip cầm màu da dây	Hemoclip	một lần dùng	PTJ-B	2025	Trung Quốc	Zhuji Pengtian Medical Instrument Co., Ltd	- Tay cầm thiết kế khóa an toàn - Kiểu khớp động xoay 360 độ - Vòng quay một – một - Định vị chính xác - Clip có thể định vị lại (đóng mở nhiều lần) - Độ mở Clip các cỡ tối đa 16 mm - Chiều dài làm việc ≥ 1600 mm - Sử dụng cho kênh sinh thiết tối thiểu 2,8 mm - Vật liệu Clip: SUS631 (X7CrNi17-7) - Vật liệu thành trực, thanh lõi: ABS + TPE	5 cái/ hộp	Cái	400	240.000	96.000.000	N08.00.260.64	18.279.0002	N08.00.260	Công ty Cổ phần Vật tư và Trang thiết bị y tế CMD
386	PP26000 17066	Kẹp Clip cầm màu dài trắng	Hemoclip	một lần dùng	PTJ-B	2025	Trung Quốc	Zhuji Pengtian Medical Instrument Co., Ltd	- Tay cầm thiết kế khóa an toàn - Kiểu khớp động xoay 360 độ - Vòng quay một – một - Định vị chính xác - Clip có thể định vị lại (đóng mở nhiều lần) - Độ mở Clip tối đa 16 mm - Chiều dài làm việc 2300 mm, - Sử dụng cho kênh sinh thiết tối thiểu 2,8 mm - Vật liệu Clip: SUS631 (X7CrNi17-7) - Vật liệu thành trực, thanh lõi: ABS + TPE	5 cái/ hộp	Cái	322	240.000	77.280.000	N08.00.260.64	18.279.0002	N08.00.260	Công ty Cổ phần Vật tư và Trang thiết bị y tế CMD
387	PP26000 17067	Kim chọc tằm màu da dây	Kim cầm màu dùng 1 lần	PTI-2323- (22/23/25)- (5- (04/05/06)-A	trở về sau 2025	Trung Quốc	Zhuji Pengtian Medical Instrument Co., Ltd	- Chất liệu ống it ma sát và ống ngoài cứng hỗ trợ lực đẩy - Kim sắc 3 cạnh khoa học giúp chọc thủng dễ dàng hơn; - Đường kính ống các cỡ 2,3 mm - Chiều dài làm việc 2300 mm; - Kích thước kim (đường kính, chiều dài) các cỡ 22/23/25G, 4/5/6mm; - Sử dụng cho kênh sinh thiết 2,8 mm	10 cái/ hộp	Cái	20	200.000	4.000.000	N03.02.080.64	18.279.0001	N03.02.080	Công ty Cổ phần Vật tư và Trang thiết bị y tế CMD	

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
388	PP26000 17068	Kim chích cầm máu đại tràng	Kim chích cầm máu, đường kính 2.3mm, sử dụng 1 lần	VDK-IN-23-230-1904-A; VDK-IN-23-230-1905-A; VDK-IN-23-230-1906-A; VDK-IN-23-230-2204-A; VDK-IN-23-230-2205-A; VDK-IN-23-230-2304-A; VDK-IN-23-230-2305-A; VDK-IN-23-230-2306-A; VDK-IN-23-230-2504-A; VDK-IN-23-230-2505-A; VDK-IN-23-230-2506-A	Năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Jiangsu Vedkang Medical Science And Technology Co., Ltd.	- Chất liệu ống ít ma sát và ống ngoài cứng hỗ trợ lực đẩy - Kim sắc 3 cạnh khoa học giúp chọc dễ dàng hơn; - Đường kính ống 2.3 mm - Chiều dài làm việc 2300 mm; - Kích thước kim (đường kính, chiều dài) các cỡ 19/22/23/25G, 4/5/6 mm; Sử dụng cho kênh sinh thiết ≥ 2.8 mm	10 cái/ hộp	Cái	50	240.000	12.000.000	N03.02.030.26 33.279.0007		9018	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG
389	PP26000 17069	Kim gấp dị vật	Kim lấy dị vật dùng một lần	PTG-2323S	2025 trở về sau	Trung Quốc	Zhuji Pengtian Medical Instrument Co., Ltd	- Kềm gấp dị vật răng cá sấu kết hợp răng chuột, - Đường kính ống ngoài 2.3 mm, chiều dài làm việc các cỡ 2300 mm - Phù hợp với kênh sinh thiết 2.8 mm	10 cái/ hộp	Cái	2	450.000	900.000		N08.00.260		Công ty Cổ phần Vật tư và Trang thiết bị y tế CMD
390	PP26000 17070	Kim sinh thiết dạ dày	Kim sinh thiết dùng 1 lần	PTBF-2316BT	2025 trở về sau	Trung Quốc	Zhuji Pengtian Medical Instrument Co., Ltd	- Độ sắc cao, dễ lấy mẫu hơn - Thiết kế 4 thanh tiên tiến, tạo độ cứng tốt - Vô cuộn kim loại chống xoắn - Hàm trơn, giảm ma sát, ít gây hại cho mô - Trơn, không vỏ, không kim - Đường kính hàm 2.3 mm, chiều dài làm việc các cỡ ≥ 1600mm - Sử dụng cho kênh sinh thiết ≥ 2.8 mm	10 cái/ hộp	Cái	104	76.000	7.904.000	N08.00.260.64 18.279.0003	N08.00.260		Công ty Cổ phần Vật tư và Trang thiết bị y tế CMD

STT	Mã phần (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu	
391	PP26000	Kim sinh thiết đại	Kim sinh thiết dùng 1 lần	PTBF-2323BT	2025	Trung Quốc	Zhujia Medical Instrument Co., Ltd	- Độ sắc cao, dễ lấy mẫu hơn - Thiết kế 4 thanh tiến tiến, tạo độ cứng tốt - Vỏ cuộn kim loại chống xoắn - Hầm trơn, giảm ma sát, ít gây hại cho mô - Tron, không vỡ, không kim; - Đường kính hàm 2,3 mm, chiều dài làm việc ≥ 2300 mm; - Sử dụng cho kênh sinh thiết $\geq 2,8$ mm	10 cái/hộp	Cái	1	76.000	N08.00.260.64	18.279.0003	N08.00.260		Công ty Cổ phần Vật tư và Trang thiết bị y tế CMD
392	PP26000	Ngáng miêng	Ngáng miêng	PTB-YO-02	2025	Trung Quốc	Zhujia Medical Instrument Co., Ltd	- Cò dẩy hoặc không dẩy - Kích thước trong khoảng 27x17mm	20 cái/hộp	Cái	110	12.000	N08.00.300.64	18.279.0001	N08.00.300		Công ty Cổ phần Vật tư và Trang thiết bị y tế CMD
393	PP26000	Rọ lấy dị vật dương mắt	Rọ kéo một lần dùng sỏi, sỏi	VDK-BAS-S4-A-23-200-20-VDK-BAS-S4-A-23-200-25-VDK-BAS-S4-A-23-200-30-VDK-BAS-S4-A-23-200-35-VDK-BAS-S4-A-23-200-40-VDK-BAS-S4-A-23-200-45-VDK-BAS-S4-A-23-200-50-VDK-BAS-S4-A-23-200-55-VDK-BAS-S4-A-23-200-60-VDK-BAS-S4-A-23-200-65-VDK-BAS-S4-A-23-200-70-VDK-BAS-S4-A-23-200-75-VDK-BAS-S4-A-23-200-80-VDK-BAS-S4-A-23-200-85-VDK-BAS-S4-A-23-200-90-VDK-BAS-S4-A-23-200-95-VDK-BAS-S4-A-23-200-100-VDK-BAS-S4-A-23-200-105-VDK-BAS-S4-A-23-200-110-VDK-BAS-S4-A-23-200-115-VDK-BAS-S4-A-23-200-120-VDK-BAS-S4-A-23-200-125-VDK-BAS-S4-A-23-200-130-VDK-BAS-S4-A-23-200-135-VDK-BAS-S4-A-23-200-140-VDK-BAS-S4-A-23-200-145-VDK-BAS-S4-A-23-200-150-VDK-BAS-S4-A-23-200-155-VDK-BAS-S4-A-23-200-160-VDK-BAS-S4-A-23-200-165-VDK-BAS-S4-A-23-200-170-VDK-BAS-S4-A-23-200-175-VDK-BAS-S4-A-23-200-180-VDK-BAS-S4-A-23-200-185-VDK-BAS-S4-A-23-200-190-VDK-BAS-S4-A-23-200-195-VDK-BAS-S4-A-23-200-200-VDK-BAS-S4-A-23-200-205-VDK-BAS-S4-A-23-200-210-VDK-BAS-S4-A-23-200-215-VDK-BAS-S4-A-23-200-220-VDK-BAS-S4-A-23-200-225-VDK-BAS-S4-A-23-200-230-VDK-BAS-S4-A-23-200-235-VDK-BAS-S4-A-23-200-240-VDK-BAS-S4-A-23-200-245-VDK-BAS-S4-A-23-200-250-VDK-BAS-S4-A-23-200-255-VDK-BAS-S4-A-23-200-260-VDK-BAS-S4-A-23-200-265-VDK-BAS-S4-A-23-200-270-VDK-BAS-S4-A-23-200-275-VDK-BAS-S4-A-23-200-280-VDK-BAS-S4-A-23-200-285-VDK-BAS-S4-A-23-200-290-VDK-BAS-S4-A-23-200-295-VDK-BAS-S4-A-23-200-300-VDK-BAS-S4-A-23-200-305-VDK-BAS-S4-A-23-200-310-VDK-BAS-S4-A-23-200-315-VDK-BAS-S4-A-23-200-320-VDK-BAS-S4-A-23-200-325-VDK-BAS-S4-A-23-200-330-VDK-BAS-S4-A-23-200-335-VDK-BAS-S4-A-23-200-340-VDK-BAS-S4-A-23-200-345-VDK-BAS-S4-A-23-200-350-VDK-BAS-S4-A-23-200-355-VDK-BAS-S4-A-23-200-360-VDK-BAS-S4-A-23-200-365-VDK-BAS-S4-A-23-200-370-VDK-BAS-S4-A-23-200-375-VDK-BAS-S4-A-23-200-380-VDK-BAS-S4-A-23-200-385-VDK-BAS-S4-A-23-200-390-VDK-BAS-S4-A-23-200-395-VDK-BAS-S4-A-23-200-400-VDK-BAS-S4-A-23-200-405-VDK-BAS-S4-A-23-200-410-VDK-BAS-S4-A-23-200-415-VDK-BAS-S4-A-23-200-420-VDK-BAS-S4-A-23-200-425-VDK-BAS-S4-A-23-200-430-VDK-BAS-S4-A-23-200-435-VDK-BAS-S4-A-23-200-440-VDK-BAS-S4-A-23-200-445-VDK-BAS-S4-A-23-200-450-VDK-BAS-S4-A-23-200-455-VDK-BAS-S4-A-23-200-460-VDK-BAS-S4-A-23-200-465-VDK-BAS-S4-A-23-200-470-VDK-BAS-S4-A-23-200-475-VDK-BAS-S4-A-23-200-480-VDK-BAS-S4-A-23-200-485-VDK-BAS-S4-A-23-200-490-VDK-BAS-S4-A-23-200-495-VDK-BAS-S4-A-23-200-500-VDK-BAS-S4-A-23-200-505-VDK-BAS-S4-A-23-200-510-VDK-BAS-S4-A-23-200-515-VDK-BAS-S4-A-23-200-520-VDK-BAS-S4-A-23-200-525-VDK-BAS-S4-A-23-200-530-VDK-BAS-S4-A-23-200-535-VDK-BAS-S4-A-23-200-540-VDK-BAS-S4-A-23-200-545-VDK-BAS-S4-A-23-200-550-VDK-BAS-S4-A-23-200-555-VDK-BAS-S4-A-23-200-560-VDK-BAS-S4-A-23-200-565-VDK-BAS-S4-A-23-200-570-VDK-BAS-S4-A-23-200-575-VDK-BAS-S4-A-23-200-580-VDK-BAS-S4-A-23-200-585-VDK-BAS-S4-A-23-200-590-VDK-BAS-S4-A-23-200-595-VDK-BAS-S4-A-23-200-600-VDK-BAS-S4-A-23-200-605-VDK-BAS-S4-A-23-200-610-VDK-BAS-S4-A-23-200-615-VDK-BAS-S4-A-23-200-620-VDK-BAS-S4-A-23-200-625-VDK-BAS-S4-A-23-200-630-VDK-BAS-S4-A-23-200-635-VDK-BAS-S4-A-23-200-640-VDK-BAS-S4-A-23-200-645-VDK-BAS-S4-A-23-200-650-VDK-BAS-S4-A-23-200-655-VDK-BAS-S4-A-23-200-660-VDK-BAS-S4-A-23-200-665-VDK-BAS-S4-A-23-200-670-VDK-BAS-S4-A-23-200-675-VDK-BAS-S4-A-23-200-680-VDK-BAS-S4-A-23-200-685-VDK-BAS-S4-A-23-200-690-VDK-BAS-S4-A-23-200-695-VDK-BAS-S4-A-23-200-700-VDK-BAS-S4-A-23-200-705-VDK-BAS-S4-A-23-200-710-VDK-BAS-S4-A-23-200-715-VDK-BAS-S4-A-23-200-720-VDK-BAS-S4-A-23-200-725-VDK-BAS-S4-A-23-200-730-VDK-BAS-S4-A-23-200-735-VDK-BAS-S4-A-23-200-740-VDK-BAS-S4-A-23-200-745-VDK-BAS-S4-A-23-200-750-VDK-BAS-S4-A-23-200-755-VDK-BAS-S4-A-23-200-760-VDK-BAS-S4-A-23-200-765-VDK-BAS-S4-A-23-200-770-VDK-BAS-S4-A-23-200-775-VDK-BAS-S4-A-23-200-780-VDK-BAS-S4-A-23-200-785-VDK-BAS-S4-A-23-200-790-VDK-BAS-S4-A-23-200-795-VDK-BAS-S4-A-23-200-800-VDK-BAS-S4-A-23-200-805-VDK-BAS-S4-A-23-200-810-VDK-BAS-S4-A-23-200-815-VDK-BAS-S4-A-23-200-820-VDK-BAS-S4-A-23-200-825-VDK-BAS-S4-A-23-200-830-VDK-BAS-S4-A-23-200-835-VDK-BAS-S4-A-23-200-840-VDK-BAS-S4-A-23-200-845-VDK-BAS-S4-A-23-200-850-VDK-BAS-S4-A-23-200-855-VDK-BAS-S4-A-23-200-860-VDK-BAS-S4-A-23-200-865-VDK-BAS-S4-A-23-200-870-VDK-BAS-S4-A-23-200-875-VDK-BAS-S4-A-23-200-880-VDK-BAS-S4-A-23-200-885-VDK-BAS-S4-A-23-200-890-VDK-BAS-S4-A-23-200-895-VDK-BAS-S4-A-23-200-900-VDK-BAS-S4-A-23-200-905-VDK-BAS-S4-A-23-200-910-VDK-BAS-S4-A-23-200-915-VDK-BAS-S4-A-23-200-920-VDK-BAS-S4-A-23-200-925-VDK-BAS-S4-A-23-200-930-VDK-BAS-S4-A-23-200-935-VDK-BAS-S4-A-23-200-940-VDK-BAS-S4-A-23-200-945-VDK-BAS-S4-A-23-200-950-VDK-BAS-S4-A-23-200-955-VDK-BAS-S4-A-23-200-960-VDK-BAS-S4-A-23-200-965-VDK-BAS-S4-A-23-200-970-VDK-BAS-S4-A-23-200-975-VDK-BAS-S4-A-23-200-980-VDK-BAS-S4-A-23-200-985-VDK-BAS-S4-A-23-200-990-VDK-BAS-S4-A-23-200-995-VDK-BAS-S4-A-23-200-1000	N07.04.100.26	33.279.0006	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG									

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
394	PP26000 17074	Thông lọng cắt polyp dạ dày	Thông lọng cắt polyp	VDK-SD-18-160-20-BI; VDK-SD-23-160-10-BI; VDK-SD-23-160-15-BI; VDK-SD-23-160-20-BI; VDK-SD-23-160-25-BI; VDK-SD-23-160-30-BI; VDK-SD-18-160-20-CI; VDK-SD-23-160-10-CI; VDK-SD-23-160-15-CI; VDK-SD-23-160-20-CI	Năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Jiangsu Vedkang Medical Science And Technology Co., Ltd.	- Kiểu xoay tùy chọn, xoay tiêu chuẩn - Dây mềm vừa phải giúp tránh trượt - Hình bán nguyệt hoặc hình lục giác - Đường kính ống 1.8 mm, chiều dài làm việc 1600 mm, độ rộng vòng cắt 20 mm; - Hoặc Đường kính ống 2.3 mm, chiều dài làm việc 1600 mm, chiều rộng vòng cắt các cỡ 10/15/20/25/30 mm	10 cái/hộp	Cái	15	295.000	4.425.000	N07.04.060.26 33.279.0003	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG	
395	PP26000 17075	Thông lọng cắt polyp đại tràng	Thông lọng cắt polyp	VDK-SD-23-230-10-BI; VDK-SD-23-230-15-BI; VDK-SD-23-230-20-BI; VDK-SD-23-230-25-BI; VDK-SD-23-230-30-BI; VDK-SD-23-230-10-CI; VDK-SD-23-230-15-CI; VDK-SD-23-230-20-CI	Năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Jiangsu Vedkang Medical Science And Technology Co., Ltd.	- Xoay tiêu chuẩn - Hình lưới liềm (bán nguyệt)/ lục giác; - Đường kính ống 2.3 mm, chiều dài làm việc 2300 mm, chiều rộng vòng cắt các cỡ 10/15/20/25/30 mm	10 cái/hộp	Cái	55	295.000	16.225.000	N07.04.060.26 33.279.0003	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG	
396	PP26000 17076	Thông lọng lạnh cắt polyp đại tràng	Thông lọng cắt polyp lạnh	AG-5336-241023; AG-5336-241523	Năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Hangzhou AGS MedTech Co., Ltd.	- Thông lọng cắt polyp hình khuyển, sử dụng 1 lần. - Thiết kế dây bên. - Xoay được 360 độ, 2 chiều. - Đường kính thân: 2.4 mm. - Đường kính dây thông lòng: 0.24mm. - Chiều dài: 2300 mm.	10 cái/hộp	Cái	101	295.000	29.795.000	N07.04.060.56 22.279.0002	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT MINH LONG	

STT	Mã phần (tổ)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm xuất sản	Nước xuất sản	Hãng xuất sản	Cầu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
397	PP26000 17077	Vòng thắt cổng polyp	Dụng cụ thắt	HE15-230- HE20-230- HE30-230- HE40-230- Loop 1;	Năm 2025	Năm 2025	Trung Quốc	- Lòng thắt cổng polyp cầm màu dương tiêu hóa được thiết kế vòng tròn đối xứng hoạt động bình thường - Độ cân bằng hoàn hảo giữa độ mạnh và tính mềm dẻo, tạo sự cân bằng khi thực hiện các bài tập + Độ mở từ: 15-20-30-40mm + Độ cao: 35-40-55-72mm (± 5mm), nên đáp ứng được 36-40-55-70mm	Cái/túi	Cái	30	16.500.000,00			9018	Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Và Kỹ Thuật Nha
398	PP26000 17079	Phim X quang y tế 20x25cm	Phim X quang y tế 20x25cm	DI-HL	2025	Nhật Bản	Fujifilm Material Manufacturing Co., Ltd. (Hàng - Nước chủ sở hữu: Fujifilm Corporation - Nhật Bản)	- Phim khô laser kích cỡ 20x25 cm, tương thích máy in phim khô laser Fujifilm Drypix series. - Sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường. - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. - Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate (PET): 85-95%; Polymers: 1-10%; Organic silver (bạc hữu cơ): 1-10%; Gelatine: 1-10%; Additives (phụ gia): 0.1-15%; Silver halides (bạc halogenua): 0.05-1%. - Mật độ in phim tối đa 3.3. - Độ dày phim: 186,4 µm	150 tấm/hộp	Tấm	15.000	450.000.000	N07.01.500.65	36.232.0015	4E+07	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HOÀN MỸ
399	PP26000 17080	Phim X quang y tế (25x30cm)	Phim X quang y tế (25x30cm)	DI-HL	2025	Nhật Bản	Fujifilm Material Manufacturing Co., Ltd. (Hàng - Nước chủ sở hữu: Fujifilm Corporation - Nhật Bản)	- Phim khô laser kích cỡ 25x30 cm, tương thích máy in phim khô laser Fujifilm Drypix series. - Sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường. - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. - Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate (PET): 85-95%; Polymers: 1-10%; Organic silver (bạc hữu cơ): 1-10%; Gelatine: 1-10%; Additives (phụ gia): 0.1-15%; Silver halides (bạc halogenua): 0.05-1%. - Mật độ in phim tối đa 3.3. - Độ dày phim: 186,4 µm	150 tấm/hộp	Tấm	25.000	525.000.000	N07.01.500.65	36.232.0014	4E+07	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HOÀN MỸ

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
400	PP26000 17081	Phim khô laser, kích thước 35x43	Phim X Quang DI-HL 35X43cm	DI-HL	2025 trở về sau	Nhật Bản	Fujifilm Material Manufaturing Co., LTD. (Hãng - Nước chủ sở hữu: Fujifilm Corporation - Nhật Bản)	- Phim khô laser kích cỡ 35x43 cm, tương thích máy in phim khô laser Fujifilm Drypix series. - Sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường. - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. - Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate (PET): 85-95%; Polymers: 1-10%; Organic silver (bạc hữu cơ): 1-10%; Gelatine: 1-10%; Additives (phụ gia): 0.1-15%; Silver halides (bạc halogenua): 0.05-1%. - Mật độ in phim tối đa 3.3. - Độ dày phim: 186,4 µm. - Xuất xứ: Nhật Bản	100 tấm/hộp	Tám	13.000	34.000	442.000.000	N07.01.500.65 36.232.0016	N07.01.500	4E+07	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HOÀN MỸ
401	PP26000 17082	Dây nối giữa quả hấp phụ máu và quả lọc thận nhân tạo	Extracorporeal Circulation Conduct of Blood Purification Apparatus	C/ Extracorporeal Circulation Conduct of Blood Purification Apparatus	2025 trở về sau	Trung Quốc	Zhangjia gang Shagong Medical Technology Co., Ltd	Sử dụng để kết nối giữa quả lọc và quả hấp phụ. Chất liệu dây: nhựa PVC y tế, không gây kích ứng, không Latex, không có chất gây sốt. Mặt trong của thành ống trơn, nhẵn giúp giảm lực cản của máu và hiện tượng đông cầm. Ống dây mềm đảm bảo thoát máu. Kích thước dây: đường kính trong là 4,4mm, đường kính ngoài là 6,7mm, độ dài dây là 800mm. Tương thích với các loại máy. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC	100 dây/thùng	Dây	600	33.000	19.800.000	X	N04.03.020	9018	CÔNG TY TNHH THANH PHƯƠNG
402	PP26000 17083	Ống sonde tiểu 1 nhánh	Ống thông tiểu 1 nhánh 14Fr, 16Fr	P3001008; Latex Foley Catheter (1-Way)	Từ năm 2025 trở về sau	Trung Quốc	Suzhou Yudu Medical Co., Ltd	- Ống thông tiểu 1 nhánh được làm từ cao su thiên nhiên và bề mặt ống phủ Silicone để làm giảm phản ứng dị ứng. Dây có chiều dài 40cm - Ống thông tiểu được thông qua niệu đạo và vào bàng quang để dẫn thoát nước tiểu - Ống thông mềm tương thích với các chất bôi trơn - Thành ống dây chống gãy gấp, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt - Đầu ống mềm, tròn được bít lại, với hai lỗ bên để thoát nước hiệu quả - Đóng gói và tiệt trùng EO riêng cho từng sản phẩm - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Hộp/ 10 cái	Cái	20	8.610	172.200	N04.04.010.40 43.279.0002		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM

STT	Mã phân (lo)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí VND (nếu có))	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu																																				
403	PP26000 17084	Thủy Tinh thể Đon tiêu 3 mảnh	Thủy Tinh thể Đon AcrySof MA60A C	Từ năm 2025 trở về sau	Indonesia	PT. Ciba Vision Batam	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự - Thiết kế 3 mảnh - Chất liệu optic: Acrylate/ Methacrylate Copolymer (Acrylic) kỵ nước (hydrophobic), màu trắng (trong suốt) - Chất liệu cứng: PMMA, màu cứng, xanh dương - Lọc tia cực tím - Chỉ số khúc xạ (hệ số chiết suất) n: 1,55 - Góc cản 10 độ - Chiều dài TTT: 13,0 mm - Đường kính optic 6,0 mm, thiết kế bờ vuông - Day drop (dải công suất): +6,0 D đến +30,0 D - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	Hộp/1Cá	Cái	20	1.790.000	35.800.000	Không áp dụng	N06.03.010	9021390	CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM	403	PP26000 17085	Chất nhầy phaco DUOVIS C 0005710 022	Từ năm 2025 trở về sau	Bi	Aleon	Hộp dịch nhầy DUOVISC được thiết kế với 2 chất dịch nhầy khác nhau, sử dụng trong mô đục thủy tinh thể - Dịch nhầy PROVISIC: ống 0,4ml chứa sodium hyaluronate 10mg/ml - Dịch nhầy VISCOAT: ống 0,35 ml chứa sodium chondroitin sulfate 40mg/ml, sodium hyaluronate 30mg/ml; khối lượng phân tử trung bình 2.500.000 Dalton, độ nhớt 25.000 mPa.s	Hộp/02 ống	Hộp	140	734.811	102.873.540	N07.03.040.36	86.125.0001	N07.03.040	3006700	CÔNG TY TNHH DKSH VIỆT NAM	404	PP26000 17086	TTT đơn tiêu, 1 mảnh, chất nhầy, chất dính hờn	Hydrophobic Aspheric (Natural yellow)	LMA6A	2025	Ireland	Biotech Europe Inc. Ltd	Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, đơn tiêu, màu vàng tự nhiên Chromophore, chất liệu Acrylic Hydrophobic; - Lọc ánh sáng xanh (UV) và tia cực tím (UV); - Đường kính optic 6,0 mm, chiều dài thủy tinh thể 13,0 mm; - Góc cản 0 độ; - Chỉ số khúc xạ: 1,524; - Dải công suất: Từ +0,0 D đến +35,0 D (tăng 0,5 D); dài từ -10,00 D đến -0,5 D và từ +35,5 D đến +40,0 D sẽ được cung cấp theo yêu cầu, tùy theo từng trường hợp cụ thể; - Đóng gói tiết kiệm	1 cái/ hộp	Cái	20	2.920.000	58.400.000	41.183.0002	N06.03.010.05	N06.03.010	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THIỆN BÌNH

STT	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
406	PP26000 17087	Trâm nội nha - Kfile Niti	Kim khoan răng NITI FLARE FILES	21mm # 15; 21mm # 20; 21mm # 25; 21mm # 30; 21mm # 35; 21mm # 40; 21mm # 15-40; 25mm #15; 25mm #20; 25mm #25; 25mm # 20-25mm	2025 trở về sau	Nhật Bản	MANI, INC. Takanezawa Factory	Trâm tay nội nha bằng vật liệu niti có độ dẻo cao, chống gãy trong đồ ống tùy cong khô. Chiều dài: 21mm, 25mm.	Hộp 6 cây	Hộp	50	525.000	26.250.000	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
407	PP26000 17092	Mũi khoan cắt răng	Mũi khoan răng SURGICAL BURS	25mm MZB+; 28mm MZB+	2025 trở về sau	Nhật Bản/ Việt Nam	MANI, INC. Takanezawa Factory/ MANI HANOI CO., LTD. PHO YEN FACTORY	Lâm bằng chất liệu carbide (tungsten). Dùng để cắt thân, chia chân răng. Chiều dài 25mm hoặc 28mm.	Ví 4 mũi	ví	7	493.500	3.454.500	Không áp dụng	Không áp dụng	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ GB
408	PP26000 17094	Túi, bao gói tiệt trùng	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 75mmx70m	BMS 75-70	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế B.M.S	Túi ép dạng cuộn phù hợp cho các phương pháp tiệt trùng hơi nước và VH2O2. Khả năng chống xâm nhập và bong tróc sợi cao. - Kích thước: 75mm x 70m Túi gồm 2 mặt: - Mặt giấy kháng khuẩn. Trọng lượng khoảng 64.4gsm (61.7-67.1), độ dày 157µm. - Mặt film: Polymer phức hợp từ PET/PE với trọng lượng 53gsm. Nhiệt độ hàn từ 190°C-230°C. - Đường ép đồng nhất, chặt, không bung, mép thiết kế 3 đường hàn nhiệt chống tái nhiễm. Đường ép kéo dài liên tục không ngắt quãng, đường kéo dài thẳng không lệch. - Tích hợp chỉ thị đổi màu Xanh qua Hồng rõ rệt sau khi tiếp xúc với quá trình tiệt trùng Hydrogen Peroxide. - Tiêu chuẩn chất lượng: CFS Anh có xác nhận các dấu hợp quy tương ứng như dấu e.g. UKCA, CE hoặc CE UKNI theo quy định và thiết bị y tế (EUD 2017/745	8 cuộn/ thùng	cuộn	5	400.000	2.000.000	N03.07.030.16 12.000.0032		3926	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S

STT	Mã phần (tô)	Danh mục hàng hóa	Tên hiệu, nhãn, mã	Ký mã hiệu, nhãn	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hạng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế phi, lệ phí VND (nếu có))	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tin	Tên nhà thầu																																																								
409	PP2600017095	Túi, bao gói tiết kiệm	Túi ép loại Tyvek 100mmx70m	BMS 100-70	2025	Nam Việt	Công ty TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S	Lưu ý: Túi ép màng chắn khuẩn, Trong lượng 64.4gsm (61.7-67.1), độ dày 157µm. - Túi gồm 2 mặt: - Kích thước: 100mm x 70mm cao. nước và VH2O2. Khả năng chống xâm nhập và bong tróc sợi - Mặt giấy kháng khuẩn. - Nhiệt độ hàn từ 190°C-230°C. - Đường ép đồng nhất, chặt, không bung, mép thiết kế 3 đường hàn nhiệt chống tái nhiễm. Đường ép kéo dài liên tục không ngắt quãng, đường kéo dài thẳng không lệch. - Tích hợp chỉ thị đổi màu Xanh -> Hồng rõ rệt sau khi tiếp xúc với quá trình tiết trùng Hydrogen Peroxide. - Tiêu chuẩn chất lượng: CFS Anh có xác nhận các đầu hợp quy tương ứng như đầu e.g. UKCA, CE hoặc CE UKNI theo quy định và chỉ thị vi khuẩn (CEI D 2017/745)	6 cuộn/ thùng	cuộn	5	2.750.000	12.000.0031	NO3.07.030.16	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S	3926	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ THẠI SƠN	410	PP2600017099	Test hóa học cho máy tiết độ thấp plasma	Chì thí nghiệm hóa học 1248 Nhãn: 3M™ Comply™	Từ năm 2025	Mỹ	Compamy 3M	Chì thí nghiệm hóa học Hydrogen Peroxide có mực chỉ thị in trên que nhựa trắng. - Vạch chỉ thị chuyển từ màu xanh sang màu hồng khi đạt các điều kiện tiết khuẩn bằng công nghệ Plasma – hơi Hydrogen Peroxide. - Chỉ bảo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 4 tuần. - Thành phần: Màng polystyrene phủ dài chỉ thị. - Kích thước: 2cm x 10cm.	250 Miếng/ hộp; 4 hộp/ thùng	miếng	110	7.800	858.000	05.175.0016	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ THẠI SƠN	4E+07	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT Y KHOA VIỆT LONG	411	PP2600017105	Đầu đốt cuộn mủi người lớn (có kênh dẫn nước)	Đầu Turbinate r phẫu thuật cuộn mủi người lớn (có kênh dẫn nước)	EIC 6895-01	trở về sau 2025	Costa Rica	Arthrocare Corporation	Đặt tiêu chuẩn ISO13485, CFS, FDA của Mỹ. Điện cực hoạt động phẳng (flat active electrode) 12 mm với hệ thống hút phía sau điện cực. Thiết kế có đường nước, giúp loại bỏ mô nhàn nhàn, lấy mô nhiều hơn và nhanh hơn, với tính năng đồng màu không cục tích hợp để cầm máu. Trục đường kính 2.9mm, với khoảng cách 15mm giữa các đầu. Có 3 đầu thí giác màu đen.	1 cái/ hộp	Cái	4	7.355.000	29.420.000	NO5.03.020.45	91.146.0005	NO5.03.020.45	9018	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ KỸ THUẬT Y KHOA VIỆT LONG	412	PP2600017111	Dung dịch làm sạch vết ăm vết làm sạch vết ăm vết làm sạch vết ăm vết	Dung dịch làm sạch vết ăm vết làm sạch vết ăm vết làm sạch vết ăm vết	AF8010 03	Nam Việt	Công ty cổ phần Lavitec	Polihexamethylene biguanide hydrochloride; 0,1% (w/w)	24 chai/ Thùng	Chai	40	90.500	3.620.000	NO1.02.020.08	08.000.0001	NO1.02.020.08	NO1.02.020	CÔNG TY TNHH LAVICOM

STT	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
413	PP26000 17114	Dao cắt siêu âm mô nội soi	Dao siêu âm HARMO NIC ACE với công nghệ thích ứng mô	HAR36	2025	Ethicon Endo-Surgery S.A. de C.V. Planta II, NPA de Mexico S. de R.L. de C.V.	Mexico	Dao siêu âm mô nội soi, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 36cm. Lưỡi dao bằng hợp kim titan phủ lớp chống dính, chiều dài hãm dao 15mm, độ mở hãm 10mm. Cán xoay 360 độ, điều chỉnh bằng một tay kết hợp với dây dao Harmonic HP054 và máy phát chính GEN11 - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA	Hộp/6 cái	Cái	2	18.160.450	36.320.900	N05.03.040.20 21.213.0004		9018	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÂN THÔNG
414	PP26000 17115	Tấm trái HD (120 x 310) cm	Tấm trái y tế (120 cm x 210cm)	NM123	2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Y tế Nhật Minh	Chất liệu từ màng nhựa PE. Kích thước 120cmx210cm. Đóng gói tiệt trùng từng cái riêng lẻ Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Gói/cái	Cái	3.700	5.880	21.756.000	N00.00.000.15 63.000.0023		3926	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
Tổng cộng: 414 khoản													13.918.018.541				

Mười ba tỷ, chín trăm mười tám triệu, không trăm mười tám nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng



GIÁM ĐỐC

PGS TS Hoàng Thanh Tuyền

